

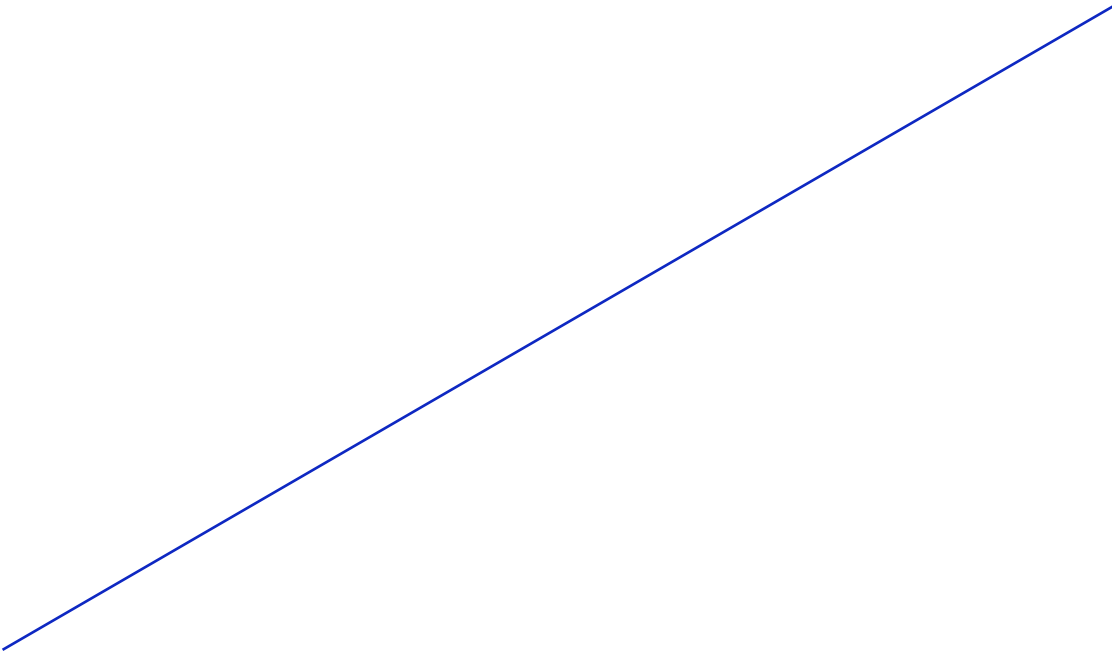


Tổ chức
Lao động
Quốc tế

▶ Đăng ký cá nhân kinh doanh tại Việt Nam

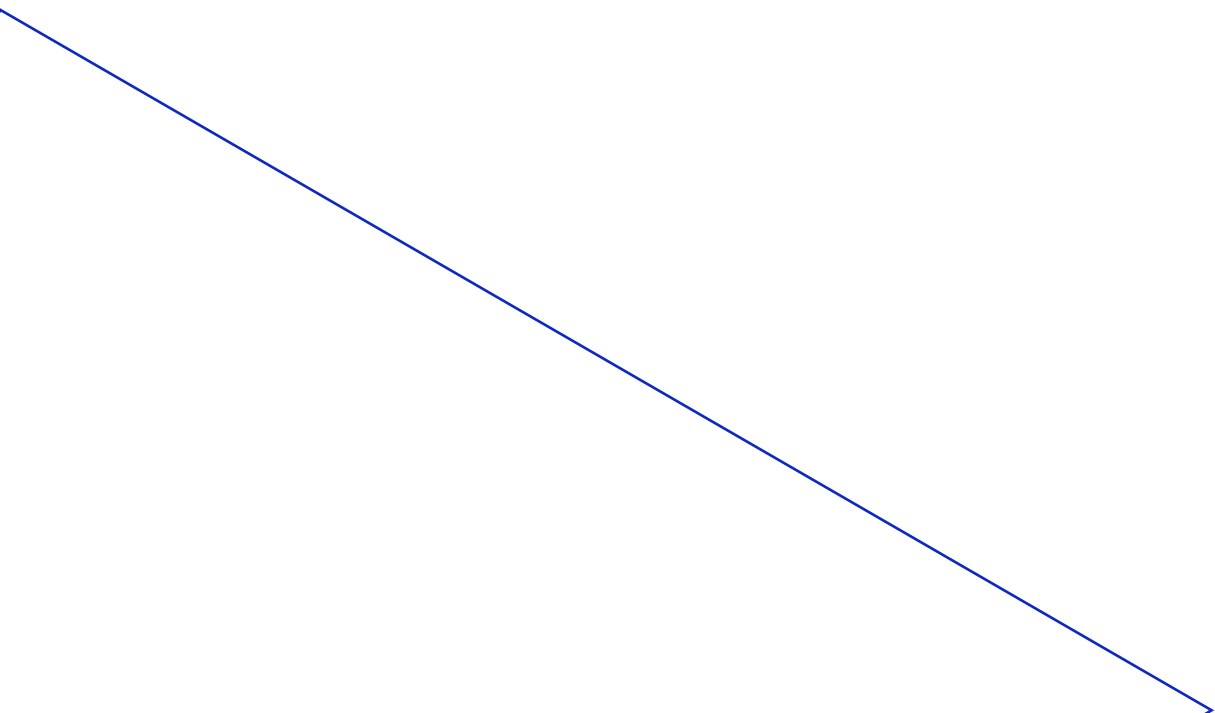
Động lực, thách thức và bài học kinh nghiệm quốc tế





▶ Đăng ký cá nhân kinh doanh tại Việt Nam

Động lực, thách thức và bài học
kinh nghiệm quốc tế



© Tổ chức Lao động Quốc tế 2026
Xuất bản lần đầu năm 2026



Giấy phép Attribution 4.0 International (CC BY 4.0)

Ấn phẩm này được cấp phép theo Giấy phép Bản quyền Công khai Attribution 4.0 International. Vui lòng truy cập: creativecommons.org/licenses/by/4.0. Người dùng có thể sử dụng lại, chia sẻ (sao chép và tái phân phối), điều chỉnh (tổng hợp lại, điều chỉnh và phát triển thêm dựa trên ấn phẩm gốc) như được nêu chi tiết trong giấy phép. Người dùng phải nêu rõ ILO là chủ sở hữu của ấn phẩm gốc và chỉ ra những thay đổi so với nội dung gốc. Không được sử dụng biểu tượng, tên và logo của ILO trong các bản dịch, bản điều chỉnh hoặc các tác phẩm phái sinh khác.

Ghi nguồn – Người dùng phải nêu rõ nếu có thay đổi và trích dẫn tài liệu như sau: ILO, *Đăng ký cá nhân kinh doanh tại Việt Nam: Động lực, thách thức và bài học kinh nghiệm quốc tế*, Geneva: Văn phòng Tổ chức Lao động Quốc tế, năm 2026. © ILO.

Bản dịch – Bản dịch của ấn phẩm này cần bổ sung tuyên bố miễn trừ trách nhiệm sau đây: *Đây là bản dịch của ấn phẩm có bản quyền của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO). Bản dịch này không phải do ILO soạn thảo, xem xét hay công nhận và không được coi là bản dịch chính thức của ILO. ILO từ chối mọi trách nhiệm đối với nội dung và tính chính xác của bản dịch. Trách nhiệm hoàn toàn thuộc về (các) tác giả của bản dịch.*

Bản chuyển thể – Bản chuyển thể của ấn phẩm này cần bổ sung tuyên bố miễn trừ trách nhiệm sau đây: *Đây là bản chuyển thể từ ấn phẩm có bản quyền của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO). Bản chuyển thể này không phải do ILO soạn thảo, xem xét hay công nhận và không được coi là bản chuyển thể chính thức của ILO. ILO từ chối mọi trách nhiệm đối với nội dung và tính chính xác của bản chuyển thể. Trách nhiệm hoàn toàn thuộc về (các) tác giả chuyển thể.*

Tài liệu của bên thứ ba – Giấy phép Bản quyền Công khai này không áp dụng cho các tài liệu không thuộc bản quyền của ILO được trích dẫn trong ấn phẩm này. Nếu tài liệu được ghi nhận là của bên thứ ba, người sử dụng tài liệu hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc xác nhận quyền sở hữu với bên giữ bản quyền cũng như về các khiếu nại xâm phạm bản quyền.

Những tranh chấp phát sinh theo giấy phép này và không thể hòa giải sẽ được giải quyết theo Quy tắc Trọng tài Thương mại Quốc tế của Ủy ban Liên Hợp Quốc về Luật Thương mại Quốc tế (UNCITRAL). Các bên liên quan sẽ bị ràng buộc bởi bất kỳ phán quyết cuối cùng nào được đưa ra sau khi thủ tục trọng tài đối với tranh chấp đó kết thúc.

Để biết thêm thông tin về quyền và cấp phép, vui lòng liên hệ: rights@ilo.org. Để biết thêm thông tin về các ấn phẩm và sản phẩm số của ILO, vui lòng truy cập: www.ilo.org/publns.

ISBN: 9789220437032 (bản in); 9789220437049 (bản PDF trực tuyến)

DOI: <https://doi.org/10.54394/00033725>

Các thuật ngữ được sử dụng trong các ấn phẩm và dữ liệu của ILO phù hợp với nguyên tắc của Liên Hợp Quốc, và cách trình bày tài liệu trong ấn phẩm không thể hiện quan điểm của ILO về tình trạng pháp lý của bất cứ quốc gia, khu vực, vùng lãnh thổ hoặc chính quyền, hoặc vùng phân định biên giới hay ranh giới nào. Vui lòng truy cập: www.ilo.org/disclaimer.

Các ý kiến và quan điểm trong ấn phẩm này là của (các) tác giả và không nhất thiết phản ánh ý kiến, quan điểm hoặc chính sách của ILO.

Trong quá trình chuẩn bị ấn phẩm này, các tác giả đã sử dụng ChatGPT như một công cụ hỗ trợ dịch văn bản từ tiếng Việt sang tiếng Anh, cũng như để hiệu đính ngôn ngữ và hoàn thiện ngữ pháp. Sau khi sử dụng công cụ này, các tác giả đã xem xét và chỉnh sửa cẩn thận toàn bộ nội dung khi cần thiết và chịu hoàn toàn trách nhiệm về nội dung của ấn phẩm. Không có tài liệu nào thuộc quyền sở hữu trí tuệ, bao gồm cả tài liệu của bên thứ ba, được sử dụng mà không có sự thừa nhận và cho phép.

Việc viện dẫn tên của bất kỳ công ty, sản phẩm hay quy trình thương mại nào không đồng nghĩa với việc ILO chứng thực các công ty, sản phẩm hoặc quy trình thương mại đó; tương tự, việc không được nhắc đến trong ấn phẩm không có nghĩa là ILO không ủng hộ các công ty, sản phẩm hay quy trình thương mại không được nhắc tên.

Được in tại Việt Nam

© Ảnh: ILO

► Lời cảm ơn

Báo cáo này do Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) phối hợp với Viện Nghiên cứu Phát triển Việt Nam (VIDERI) thuộc Hiệp hội Kinh tế Việt Nam biên soạn. Báo cáo được thực hiện với sự tham vấn và trao đổi với Cục Đăng ký Doanh nghiệp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nay là Cục Phát triển Doanh nghiệp Tư nhân và Kinh tế Tập thể, Bộ Tài chính) sau đợt cải cách thể chế và hành chính tại Việt Nam trong năm 2025. Báo cáo là một phần của nghiên cứu “Đánh giá đăng ký kinh doanh đối với cá nhân kinh doanh và mở rộng diện bao phủ bảo hiểm xã hội bắt buộc cho chủ hộ kinh doanh đã đăng ký”, được thực hiện với sự hỗ trợ tài chính và kỹ thuật của ILO, thuộc dự án “Giải quyết tình trạng phi chính thức tại Việt Nam thông qua điều phối chính sách và hành động theo ngành, và Thúc đẩy và xây dựng an sinh xã hội tại châu Á (giai đoạn 4)”. Chúng tôi trân trọng cảm ơn sự hỗ trợ của Chương trình Hệ sinh thái Năng suất vì Việc làm Thỏa đáng của ILO Việt Nam với sự tài trợ của Tổng cục Kinh tế Liên bang Thụy Sĩ và Chính phủ Na Uy trong việc hoàn thiện ấn phẩm, bao gồm biên tập, dàn trang và thiết kế.

Nhóm chuyên gia của VIDERI gồm có Vũ Cương (Đại học Kinh tế Quốc dân), Nguyễn Quỳnh Hoa (Đại học Kinh tế Quốc dân), Trần Kiên (Đại học Luật, Đại học Quốc gia), Vũ Hoàng Đạt (Viện Khoa học Tổ chức Nhà nước) và Phạm Thị Thùy Chi (Công ty Hướng tới Phát triển và Hội nhập). Các chuyên gia tham gia khác gồm có Phạm Ngọc Toàn (Viện Khoa học Tổ chức Nhà nước) và Đỗ Thị Thu Hiền (Ủy ban Pháp luật). Nguyễn Thanh Trung và Đoàn Bảo Ngân (Công ty Hướng tới Phát triển và Hội nhập) làm trợ lý phân tích dữ liệu. Nhóm điều tra viên gồm có Phạm Việt Thắng (Hà Nội), Nguyễn Thị Triệu (Thành phố Hồ Chí Minh), Phạm Thị Huyền (tỉnh Thanh Hóa) và Nguyễn Như Trang (tỉnh Tuyên Quang). Các cán bộ chính phủ được phỏng vấn bao gồm Dương Thị Chinh và Nguyễn Thị Thanh (Phòng Tài chính và Kế hoạch, huyện Sóc Sơn, Hà Nội), Lê Quang Toàn (Ủy ban Nhân dân huyện Yên Sơn, Tuyên Quang), cũng như Nguyễn Đức Thắng và Nguyễn Trường Giang (Phòng Kinh tế và Hạ tầng, huyện Yên Sơn, Tuyên Quang), Nguyễn Hồng Cường (Ủy ban Nhân dân huyện Đông Sơn, Thanh Hóa), Nguyễn Văn Lưu (Phòng Kinh tế và Hạ tầng, huyện Đông Sơn, Thanh Hóa), Lê Thị Hiếu (Phòng Tài chính và Kế hoạch, huyện Đông Sơn, Thanh Hóa), Nguyễn Ngọc Hà và Phạm Thị Cẩm Lê (Phòng Tài chính và Kế hoạch, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh).

Dự thảo báo cáo đã được Clemente Pignatti rà soát, mở rộng và hoàn thiện toàn diện, người đã phát triển đáng kể bản thảo ban đầu thành bản cuối cùng, với sự hướng dẫn kỹ thuật và đóng góp chuyên môn của Sandra Yu. Báo cáo này cũng nhận được sự hướng dẫn và góp ý của các nhân viên ILO gồm có Gulmira Asanbaeva, André Bongestabs, Eléonore D'Achon, Nguyễn Hải Đạt, Vũ Thị Thu Hằng, Nguyễn Hoàng Hà, Phú Huỳnh, Carlos Andre da Silva Gama Khônggueira, Kelvin Sergeant, Nguyễn Thị Lê Vân, Felix Weidenkaff và Sandra Yu. Chúng tôi xin bày tỏ lòng biết ơn Lê Duy Bình đã rà soát và đóng góp ý kiến cho báo cáo.

Điều quan trọng cần lưu ý là nội dung của báo cáo này phản ánh cơ cấu thể chế, hành chính và cơ cấu cấp tỉnh trước khi chính phủ Việt Nam thực hiện tái cấu trúc từ ngày 1 tháng 3 năm 2025 và tái cấu trúc đơn vị hành chính cấp tỉnh từ tháng 7 năm 2025. Theo sự hợp nhất các bộ ngành chính phủ, từ tháng 3 năm 2025, Bộ Kế hoạch và Đầu tư sáp nhập vào Bộ Tài chính và Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội được sáp nhập vào Bộ Nội vụ. Việc sắp xếp đơn vị hành chính cũng đã dẫn đến việc 63 tỉnh và thành phố được sáp nhập thành 34 đơn vị cấp tỉnh (28 tỉnh và 6 thành phố trực thuộc trung ương). Song song với đó, đơn vị hành chính cấp huyện đã được bãi bỏ và mô hình chính quyền hai cấp được triển khai nhằm tạo liên kết trực tiếp giữa chính quyền tỉnh và chính quyền xã/phường và tối ưu hóa hiệu quả hoạt động và phát triển.

▶ Mục lục

▶ Lời cảm ơn	3
▶ Từ viết tắt	6
▶ Tóm tắt tổng quan	8
▶ Giới thiệu	12
▶ Chương 1. Nhận diện các cá nhân kinh doanh	16
1.1. Định nghĩa và địa vị pháp lý	16
1.2. Khung tuân thủ về thuế, bảo hiểm xã hội và lao động	21
1.3. Bằng chứng từ dữ liệu khảo sát	22
▶ Chương 2. Tìm hiểu động lực và rào cản đối với chính thức hóa	24
2.1. Phương pháp nghiên cứu	24
2.2. Các yếu tố thúc đẩy chính thức hóa	26
2.3. Những trở ngại đối với công cuộc chính thức hóa	35
▶ Chương 3. Kinh nghiệm quốc tế về chính thức hóa và phát triển cá nhân kinh doanh	44
3.1. Định nghĩa pháp lý và các đặc điểm của hộ kinh doanh cá thể	44
3.2. Thủ tục đăng ký kinh doanh và các yêu cầu hành chính khác	50
3.3. Các cơ chế khuyến khích đăng ký kinh doanh	51
3.4. Các biện pháp hỗ trợ tăng trưởng	51
3.5. Chính sách thúc đẩy chính thức hóa các cá nhân kinh doanh và chuyển đổi các hộ kinh doanh thành doanh nghiệp chính thức	52
3.6. Các chính sách khác	52
▶ Kết luận và Khuyến nghị	54
▶ Tài liệu tham khảo	60
Phụ lục I. Tình trạng pháp lý và quy định đối với các cá nhân kinh doanh, hộ kinh doanh và doanh nghiệp tư nhân	62
Phụ lục II. Phiếu khảo sát dành cho cá nhân kinh doanh và hộ kinh doanh về đăng ký kinh doanh và tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc	69
Phụ lục III. Hướng dẫn thảo luận nhóm tập trung dành cho hộ gia đình và cá nhân kinh doanh	83
Phụ lục IV. Hướng dẫn phỏng vấn hộ gia đình và cá nhân kinh doanh	85
Phụ lục V. Hướng dẫn phỏng vấn (nhóm tập trung) với cán bộ	88
Phụ lục VI. Hướng dẫn phỏng vấn (nhóm tập trung) với các chuyên gia	90

► Danh mục hình

Hình 1.	Trình độ học vấn của cá nhân kinh doanh và các lao động khác trong lĩnh vực phi nông nghiệp	23
Hình 2.	Lợi ích của đăng ký kinh doanh theo ghi nhận từ các hộ kinh doanh đã đăng ký	27
Hình 3.	Lợi ích sau khi đăng ký kinh doanh theo ghi nhận từ các hộ kinh doanh đã đăng ký	29
Hình 4.	Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định đăng ký của hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh trong tương lai	33
Hình 5.	Vai trò của bảo hiểm xã hội bắt buộc trong quyết định chính thức hóa các hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh chưa đăng ký	35
Hình 6.	Tỷ lệ các hộ kinh doanh đã đăng ký ghi nhận khó khăn sau khi đăng ký kinh doanh	36
Hình 7.	Khó khăn sau khi đăng ký kinh doanh của các hộ kinh doanh đã đăng ký, theo lĩnh vực	39
Hình 8.	Tỷ lệ các hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh đang cân nhắc đăng ký	40
Hình 9.	Các lý do khác nhau được các hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh chưa đăng ký nêu ra	41

► Danh mục bảng

Bảng 1.	Phân biệt hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh và doanh nghiệp tư nhân	19
Bảng 2.	Mẫu các hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh đã đăng ký và chưa đăng ký	25
Bảng 3.	Quy mô mẫu của các cuộc thảo luận nhóm tập trung và phỏng vấn sâu theo từng nhóm	26
Bảng 4.	So sánh chương trình thuế đơn giản hóa khác nhau ở Mỹ Latinh	48
Bảng 5.	Tình trạng pháp lý và quy định đối với các cá nhân kinh doanh, hộ kinh doanh và doanh nghiệp tư nhân	63

► Danh mục hộp

Hộp 1.	Sự nhầm lẫn pháp lý: Địa vị không rõ ràng của các hộ kinh doanh trong luật Việt Nam	17
Hộp 2.	Thực trạng của các hộ kinh doanh tại đô thị: Xu hướng chuyển sang cá nhân kinh doanh	19
Hộp 3.	Tầm quan trọng của việc đăng ký kinh doanh: Những chia sẻ của chủ hộ kinh doanh về việc tuân thủ pháp luật	28
Hộp 4.	Mở khóa các cơ hội tài chính: Tác động của việc đăng ký kinh doanh đến khả năng tiếp cận tín dụng của các hộ kinh doanh	28
Hộp 5.	Lợi ích từ sự hỗ trợ của chính quyền địa phương sau khi đăng ký kinh doanh	29
Hộp 6.	Ghi nhận của hộ kinh doanh về hướng dẫn của cơ quan chuyên ngành sau khi đăng ký kinh doanh	30
Hộp 7.	Xây dựng lòng tin: Sự tin tưởng của khách hàng và thành công trong hoạt động kinh doanh	31
Hộp 8.	Khó được hỗ trợ: Quan điểm của chủ hộ kinh doanh đã đăng ký và chưa đăng ký	32
Hộp 9.	Vấn đề hóa đơn tài chính: Chia sẻ từ các chủ đơn vị kinh doanh chưa đăng ký	34
Hộp 10.	Ứng phó với thách thức về thuế: Tác động của đại dịch và gánh nặng tuân thủ	36
Hộp 11.	Sự thuận tiện và hiệu quả của việc đăng ký kinh doanh đối với các hộ kinh doanh	37
Hộp 12.	Gánh nặng của việc chính thức hóa: Quan điểm của một chủ hộ kinh doanh	37
Hộp 13.	Sự cần thiết của đăng ký kinh doanh: Quan điểm của các hộ kinh doanh địa phương	42
Hộp 14.	Vượt qua nỗi e ngại về thủ tục hành chính: Những thách thức trong việc đăng ký kinh doanh	43

▶ Từ viết tắt

BHXH	Bảo hiểm xã hội
BRL	Đồng Real Brazil
GDP	Tổng sản phẩm quốc nội
GTGT	Giá trị gia tăng
ILO	Tổ chức Lao động Quốc tế
TCTK	Tổng cục Thống kê ¹
TNCN	Thu nhập cá nhân

¹ Từ tháng 3 năm 2025 là Cục Thống kê



▶ Tóm tắt tổng quan

Việt Nam đã đạt được những tiến bộ đáng kể trong công cuộc chính thức hóa khu vực kinh tế không chính thức trong những thập kỷ qua. Quá trình này được hỗ trợ thông qua một loạt các chính sách nhằm đưa các cá nhân và doanh nghiệp từ khu vực kinh tế phi chính thức sang khu vực chính thức được pháp luật công nhận, quản lý và bảo vệ, qua đó mang lại cho người lao động an sinh xã hội, quyền lợi và sự ổn định việc làm.

Tỷ lệ phi chính thức giảm là nhờ sự tái phân bổ lao động giữa các ngành, đặc biệt là sự chuyển dịch việc làm từ nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ. Quá trình này được thúc đẩy bởi các chính sách tự do hóa thương mại và hội nhập thương mại sâu rộng hơn, dẫn đến gia tăng sản xuất định hướng xuất khẩu, đồng thời góp phần duy trì tăng trưởng kinh tế bền vững và giảm nghèo.

Những xu hướng này cũng phù hợp với các mục tiêu của Nghị quyết số 68-NQ/TW năm 2025, trong đó nêu rõ tầm nhìn chiến lược tổng thể về phát triển khu vực tư nhân giai đoạn từ năm 2030 đến năm 2045. Nghị quyết này cũng đặt ra mục tiêu đạt hai triệu doanh nghiệp hoạt động trong khu vực tư nhân vào năm 2030 và ba triệu doanh nghiệp vào năm 2045. Song song với các mục tiêu này là nỗ lực phối hợp nhằm mở rộng diện bao phủ bảo hiểm xã hội (BHXH) thông qua Nghị quyết số 28-NQ/TW năm 2018 và Luật BHXH năm 2024.

Mặc dù đã đạt được nhiều tiến bộ, khu vực kinh tế phi chính thức vẫn nổi cộm trong nền kinh tế, tác động đến một số phân khúc thị trường lao động. Tình trạng phi chính thức phổ biến hơn ở nhóm những người có trình độ học vấn thấp và làm các công việc đòi hỏi kỹ năng thấp, đặc biệt là lao động trẻ và lao động cao tuổi so với nhóm trong độ tuổi lao động chính. Trong khi tỷ lệ lao động trong khu vực phi chính thức ở nam giới cao hơn so với nữ giới, nữ giới lại phải đối diện với tình trạng dễ bị tổn thương lớn hơn. Lao động phi chính thức cũng phân bố rộng khắp các vùng miền, cao nhất ở Tây Nguyên và Đồng bằng sông Cửu Long, những vùng phụ thuộc vào nông nghiệp, đồng thời phổ biến hơn ở khu vực nông thôn so với thành thị. Về lâu dài, tình trạng này làm suy yếu khả năng cạnh tranh kinh tế cần thiết để đạt được các mục tiêu phát triển đầy tham vọng và hạn chế nguồn thu cho ngân sách nhà nước.

Để tiếp tục giảm tỷ lệ việc làm phi chính thức, cần phải tính đến đặc điểm riêng của khu vực kinh tế phi chính thức của Việt Nam với hai loại hình được pháp luật quy định: hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh. Hai hình thức này thường được xem là lựa chọn thuận tiện để được cấp phép kinh doanh với thủ tục hành chính đơn giản hơn và chi phí hoạt động thấp hơn so với các hình thức đăng ký khác.

Địa vị pháp lý và định nghĩa không rõ ràng về loại hình cá nhân kinh doanh

Mặc dù là loại hình kinh doanh phổ biến trong nền kinh tế Việt Nam và được pháp luật công nhận, phần lớn các hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh hoạt động trong khu vực kinh tế phi chính thức. Thực trạng này càng trầm trọng hơn do sự thiếu hụt thông tin về đặc điểm của loại hình kinh tế này và những rào cản đối với việc chính thức hóa, chủ yếu là do địa vị pháp lý không rõ ràng. Cá nhân kinh doanh, thường được gọi là lao động tự làm, mặc dù thường đóng thuế thu nhập cá nhân, nhưng nhìn chung họ không thuộc đối tượng được hưởng bảo hiểm xã hội và không đăng ký kinh doanh. Địa vị pháp lý của các cá nhân kinh doanh cũng không rõ ràng, khác với các loại hình tương tự như hộ kinh doanh và doanh nghiệp tư nhân.

Nhằm góp phần giải quyết vấn đề trên, mục tiêu tổng quát của báo cáo này là đề xuất các chiến lược nhằm thúc đẩy chính thức hóa các cá nhân kinh doanh, đồng thời hỗ trợ mở rộng diện bao phủ BHXH tại Việt Nam. Với vai trò quan trọng và chiếm tỉ trọng lớn trong khu vực phi chính thức, việc chính thức hóa cá nhân kinh doanh là một bước quan trọng để giảm việc làm phi chính thức trên toàn quốc, cải thiện môi trường làm việc, thúc đẩy tăng năng suất và tăng nguồn thu ngân sách nhà nước.

Báo cáo phân tích 18 lĩnh vực chính sách khác nhau áp dụng cho các cá nhân kinh doanh, hộ kinh doanh và các doanh nghiệp tư nhân để đánh giá môi trường pháp lý. Bên cạnh đó, kết quả khảo sát thực địa và các cuộc phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm với các hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh (đã đăng ký và chưa đăng ký), cùng với các bên liên quan, đã cung cấp thêm những góc nhìn quan trọng khác về lợi ích và rào cản của việc đăng ký kinh doanh.

Báo cáo này cũng đã tìm hiểu kinh nghiệm của các quốc gia khác trong quá trình thúc đẩy chuyển dịch khu vực kinh tế phi chính thức sang khu vực kinh tế chính thức, chủ yếu là ở Mỹ Latinh.

Những lợi ích chính của việc đăng ký kinh doanh

Khảo sát các hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh đã đăng ký cho thấy:

- 72% cho biết “tránh rủi ro pháp lý khi kinh doanh không có giấy phép” là lợi ích chính của việc đăng ký.
- 38% cho biết lợi ích thứ hai của việc đăng ký là dễ dàng tiếp cận vốn hơn. Đáng chú ý, tỷ lệ phụ nữ chỉ ra lợi ích về khả năng tiếp cận vốn cao hơn nam giới.
- Các lợi ích khác được ghi nhận bao gồm được hỗ trợ sản xuất và kinh doanh từ chính quyền địa phương (33%) và được hướng dẫn về môi trường làm việc từ các cơ quan quản lý chuyên ngành (30%).

Thăm dò ý kiến của các hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh chưa đăng ký về lợi ích từ việc đăng ký cho thấy các ưu đãi về thuế là yếu tố chi phối chính:

- Hơn một nửa số người được hỏi xác định việc miễn thuế thu nhập (56%) và lệ phí đăng ký kinh doanh (55%) là động lực chính để chính thức hóa, tiếp đến là các khoản khấu trừ chi phí hoạt động (54%) và thuế giá trị gia tăng (53%).
- Tham gia BHXH bắt buộc không phải là động lực chính của việc chính thức hóa với chỉ 16% số người được hỏi chọn yếu tố này. Điều này nhấn mạnh sự cần thiết phải có các chiến lược tích hợp để thúc đẩy cả chính thức hóa và mở rộng bao phủ BHXH.

Những khó khăn gặp phải sau khi đăng ký kinh doanh

Khảo sát cũng cho thấy những thách thức gặp phải sau khi đăng ký kinh doanh:

- Khó khăn lớn nhất là đáp ứng các yêu cầu nghiêm ngặt từ các cơ quan quản lý nhà nước (ngoài cơ quan thuế) (47,5%).
- Những người được khảo sát cũng cho rằng làm việc với cơ quan thuế là một thách thức (46,5%). Tỷ lệ này ở các thành phố trực thuộc trung ương (55%) cao hơn so với các tỉnh (32%).
- Khó khăn đáng chú ý thứ ba là chi phí sản xuất và vận hành tăng cao (41%), thường gặp ở các thành phố thuộc trung ương (49%) hơn là ở các tỉnh (26%).
- Hạn chế về thời gian là một khó khăn được 29% người trả lời khảo sát ghi nhận, trong đó tỷ lệ này ở phụ nữ (32%) cao hơn so với nam giới (27%).

Khảo sát cũng cho thấy những trở ngại đáng chú ý ghi nhận từ các cơ sở chưa đăng ký.

- Đáng chú ý, hai phần ba số đơn vị kinh doanh chưa từng tính đến việc đăng ký. Tỷ lệ này cao hơn ở các thành phố trực thuộc trung ương so với các tỉnh, và cao hơn ở các cơ sở do phụ nữ điều hành. 26% cơ sở kinh doanh cho biết đã cân nhắc đến việc đăng ký kinh doanh nhưng chưa thực hiện. Chỉ có 6% cơ sở kinh doanh cân nhắc bước này nhiều lần.
- 48% cho rằng việc đăng ký kinh doanh là không bắt buộc. Tỷ lệ này cao hơn đáng kể ở các thành phố trực thuộc trung ương (61%) so với các tỉnh (30%).
- 31% người trả lời khảo sát cho biết các thủ tục đăng ký kinh doanh phức tạp là một yếu tố cản trở việc đăng ký. Tỷ lệ này cao hơn ở các tỉnh so với các thành phố trực thuộc trung ương.

Kiến nghị

Việc đơn giản hóa quy trình đăng ký và xây dựng khung chính sách tích hợp có thể khuyến khích các cơ sở kinh doanh chuyển đổi sang khu vực chính thức. Đối với doanh nghiệp, chính thức hóa giúp tiếp cận các nguồn lực nâng cao năng suất, mở rộng tương tác khách hàng và các dịch vụ tài chính. Người lao động có thể tiếp cận an sinh xã hội và hưởng lợi từ điều kiện làm việc được cải thiện. Đối với chính phủ, việc thúc đẩy nền kinh tế chính thức củng cố khung thể chế, cải thiện bảo vệ người lao động và tăng quyền lợi người tiêu dùng, hướng đến một nền kinh tế phát triển hơn.

Báo cáo này kiến nghị hai hướng bổ sung lẫn nhau như sau.

Hướng 1: Làm rõ địa vị pháp lý của cơ sở kinh doanh thông qua một cơ chế đơn giản hóa

Hướng này đòi hỏi việc tinh giản hóa môi trường pháp lý điều chỉnh các doanh nghiệp nhỏ tại Việt Nam. Việt Nam có thể cân nhắc áp dụng một cơ chế kinh doanh đơn giản hóa nhằm tạo ra một loại hình pháp lý được công nhận cho các doanh nghiệp siêu nhỏ, đồng thời đơn giản hóa việc đăng ký và hợp nhất nghĩa vụ nộp thuế và BHXH thành một khoản thanh toán duy nhất. Cơ chế đơn giản hóa này sẽ đóng vai trò là bước đệm cho các cơ sở kinh doanh muốn chuyển dịch từ nền kinh tế phi chính thức sang nền kinh tế chính thức.

Các cân nhắc khác khi xây dựng cơ chế kinh doanh đơn giản hóa bao gồm:

- 1.1 **Đăng ký kinh doanh bắt buộc:** Việc bắt buộc đăng ký đối với các cơ sở và cá nhân kinh doanh mới gia nhập thị trường theo cơ chế đơn giản hóa sẽ giúp làm rõ địa vị pháp lý, củng cố việc tuân thủ nghĩa vụ thuế và bảo hiểm xã hội.
- 1.2 **Gộp cá nhân kinh doanh và hộ kinh doanh thành một loại hình chung:** Việc hợp nhất hai loại hình này sẽ giảm bớt sự không rõ ràng và nhầm lẫn hiện tại mà vẫn duy trì lợi thế hoạt động và chi phí gia nhập thấp, đồng thời tránh nhầm lẫn về cơ cấu sở hữu giữa cá nhân và hộ gia đình.
- 1.3 **Các đặc điểm khác:** Cần tính đến những đặc điểm quan trọng khác liên quan đến thiết kế mô hình kinh doanh đơn giản hóa bao gồm phạm vi áp dụng, thuế, thanh toán hợp nhất và quyền lợi bảo hiểm xã hội.

Hướng 2: Các chính sách thúc đẩy tăng trưởng và chính thức hóa

Hướng thứ hai tập trung vào các biện pháp hỗ trợ, ngay cả khi không thay đổi khung pháp lý hiện hành điều chỉnh các cá nhân kinh doanh, hộ kinh doanh, và doanh nghiệp tư nhân. Ngay cả khi cơ chế đơn giản hóa được triển khai, những biện pháp này vẫn có ý nghĩa quan trọng hỗ trợ các cơ sở kinh doanh phát triển và chuyển dịch sang cơ chế đăng ký kinh doanh tiêu chuẩn.

- 2.1 **Tăng cường hỗ trợ và khuyến khích:** tập trung hỗ trợ đơn giản hóa cách tính thuế thu nhập cá nhân (TNCN) và các quy định thuế dành riêng cho cá nhân kinh doanh, điều chỉnh ngưỡng doanh thu để tính thuế TNCN và thuế giá trị gia tăng (GTGT), thúc đẩy thanh toán không tiền mặt và áp dụng mô hình thanh tra dựa trên rủi ro, có thời gian ân hạn cho doanh nghiệp mới đăng ký.
- 2.2 **Hoàn thiện khung pháp lý:** Để xây dựng một khung chính sách cải cách toàn diện, cần phải rà soát đồng thời các chính sách bao gồm BHXH (Luật BHXH 2024), phá sản (Luật Phá sản 2014), bảo vệ người tiêu dùng (Luật Bảo vệ người tiêu dùng), và thuế để tạo cách hiểu thống nhất về thuật ngữ “cá nhân kinh doanh”.
- 2.3 **Đơn giản hóa thủ tục đăng ký kinh doanh:** Cắt giảm thủ tục hành chính, rà soát lại các chủ thể được miễn đăng ký kinh doanh (nhưng vẫn phải đăng ký với các cơ quan quản lý nhà nước) nhằm đảm bảo một sân chơi công bằng.

- 2.4 Các chiến dịch truyền thông nâng cao nhận thức gắn với giám sát và đánh giá:** cần có các sáng kiến nâng cao nhận thức và tăng cường tính minh bạch, dễ tiếp cận thông tin của quy trình đăng ký, đồng thời thiết lập cơ chế đánh giá hiệu quả chính sách. Các thông điệp truyền thông nên nhấn mạnh rằng đăng ký kinh doanh giúp tăng khả năng tiếp cận trợ giúp pháp lý, tăng cường bảo vệ trong các giao dịch và giúp xác định chính xác nghĩa vụ thuế.

► Giới thiệu

Theo ước tính của ILO, hiện có hơn hai tỷ người lao động đang làm việc phi chính thức, chiếm 58% tổng số việc làm toàn cầu năm 2025. Tỷ lệ phi chính thức ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương thậm chí còn cao hơn mức trung bình toàn cầu, với 66% số việc làm là phi chính thức năm 2024 (ILO, 2025a). Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng phi chính thức. Ở khía cạnh kinh tế vĩ mô, các yếu tố bao gồm tăng trưởng kinh tế thấp và nền kinh tế không tạo ra đủ việc làm chính thức. Tình trạng phi chính thức cũng có thể bị chi phối bởi các yếu tố kinh tế vi mô, bao gồm trình độ học vấn thấp của người lao động và năng suất kinh doanh thấp. Ngoài ra, khuôn khổ pháp lý và quy định, được thiết kế trong luật pháp và được thực hiện trong thực tiễn, tương tác với các yếu tố vi mô và vĩ mô và tác động đến mức độ phổ biến và đặc tính của khu vực phi chính thức.²

Sự hiện diện của một khu vực kinh tế phi chính thức lớn tạo ra những trở ngại cho sự phát triển kinh tế và tăng trưởng toàn diện, đòi hỏi các giải pháp dựa trên nguyên tắc công bằng và cân nhắc định hướng phát triển (Elbadawi và Loayza 2008; Gatti và cộng sự 2011; La Porta và Schleifer 2008, 2014). Đối với người lao động, nền kinh tế phi chính thức hạn chế khả năng tiếp cận các quyền lợi, bảo hiểm xã hội và việc làm thỏa đáng. Đối với doanh nghiệp, sự tồn tại dai dẳng của kinh tế phi chính thức làm suy giảm tính bền vững của hoạt động kinh doanh, làm giảm năng suất, hạn chế khả năng được bảo vệ pháp lý và dẫn đến cạnh tranh không lành mạnh. Đối với chính phủ, một khu vực kinh tế phi chính thức lớn làm suy yếu hiệu quả của các chính sách công và làm giảm nguồn thu ngân sách nhà nước.

Những bước tiến trong việc giải quyết tình trạng phi chính thức tại Việt Nam

Việt Nam đã đạt được những tiến bộ đáng kể trong công cuộc chuyển dịch khu vực kinh tế phi chính thức sang chính thức trong những thập kỷ gần đây. Từ năm 2013 đến năm 2019, tỷ lệ việc làm phi chính thức đã giảm hơn 10 điểm phần trăm từ 79,6% xuống còn 68,5% trong tổng số lao động từ 15 tuổi trở lên (ILO, 2021; ILO, 2024a). Xu hướng này vẫn tiếp tục duy trì khi đại dịch COVID-19 bùng phát.³ Theo số liệu Điều tra Lao động Việc làm do Tổng cục Thống kê công bố (kể từ tháng 3 năm 2025 là Cục Thống kê), tỷ lệ lao động phi chính thức đã giảm từ 68,5% năm 2021 xuống 65,8% năm 2022, 65,1% năm 2023, 64,6% năm 2024 (số liệu tạm thời) và 63,9% trong sáu tháng đầu năm 2025.⁴

Tỷ lệ phi chính thức giảm là do sự tái phân bổ lao động giữa các ngành, đặc biệt là sự chuyển dịch việc làm từ nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ. Quá trình này được thúc đẩy bởi các chính sách tự do hóa thương mại và hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng hơn, qua đó góp phần gia tăng sản xuất định hướng xuất khẩu, duy trì tăng trưởng kinh tế bền vững và giảm nghèo. Đồng thời, tỷ lệ lao động phi chính thức trong các ngành cũng giảm rõ rệt (ILO, 2021).

Mặc dù đã đạt được nhiều tiến bộ, khu vực kinh tế phi chính thức vẫn là một vấn đề đáng lo ngại ở Việt Nam (ILO, 2025a), ảnh hưởng không đồng đều đến một số phân khúc nhất định của thị trường lao động. Tình trạng này thể hiện rõ hơn trong nhóm những người có trình độ học vấn thấp và làm các công việc đòi hỏi kỹ năng thấp, đặc biệt ở lao động trẻ và lao động lớn tuổi so với nhóm trong độ tuổi lao động chính (ILO, 2021). Trong khi tỷ lệ lao động phi chính thức ở nam giới cao hơn so với nữ giới, nữ giới phải

² Báo cáo này phản ánh cơ cấu thể chế, hành chính và cơ cấu cấp tỉnh trước công cuộc cải cách của chính phủ được triển khai từ ngày 1 tháng 3 năm 2025 và việc sáp nhập tỉnh thành từ tháng 7 năm 2025. Việc hợp nhất các bộ, ngành chính phủ dẫn đến việc Bộ Kế hoạch và Đầu tư sáp nhập vào Bộ Tài chính; Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội sáp nhập vào Bộ Nội vụ vào tháng 3 năm 2025. Việc cải cách hành chính cũng dẫn đến việc sắp xếp 63 tỉnh và thành phố thành 34 đơn vị cấp tỉnh (28 tỉnh và 6 thành phố trực thuộc trung ương). Song song với đó là việc bỏ cấp huyện/xã và triển khai hệ thống chính quyền hai cấp nhằm tạo liên kết trực tiếp giữa chính quyền cấp tỉnh và cấp xã/phường nhằm tối ưu hóa hiệu năng và sự phát triển.

³ Phương pháp đo lường việc làm phi chính thức tại Việt Nam đã được cập nhật năm 2021 để phản ánh các tiêu chuẩn mới nhất do Hội nghị Lao động Quốc tế xây dựng.

⁴ Nguồn: <https://www.nso.gov.vn/en/data-and-statistics/2025/07/report-on-socio-economic-situation-in-second-quarter-and-six-months-of-2025/>

đối diện với tình trạng dễ bị tổn thương hơn (ILO, 2024a). Lao động phi chính thức cũng phân bố rộng khắp các vùng miền và cao nhất ở Tây Nguyên và Đồng bằng sông Cửu Long, những vùng phụ thuộc vào nông nghiệp, đồng thời phổ biến hơn ở khu vực nông thôn so với thành thị. Lao động trong khu vực kinh tế phi chính thức cũng dễ mất việc hơn trong thời kỳ khủng hoảng (ILO, 2021).⁵

Một đặc điểm nổi bật của khu vực kinh tế phi chính thức ở Việt Nam là sự tồn tại của hai phân nhóm được pháp luật quy định: hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh. Đăng ký là hộ kinh doanh hoặc cá nhân kinh doanh thường được coi là lựa chọn phù hợp để được cấp phép kinh doanh với thủ tục hành chính và chi phí hoạt động thấp hơn so với các hình thức đăng ký kinh doanh khác. Mặc dù được pháp luật công nhận, phần lớn các hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh vẫn hoạt động trong khu vực kinh tế phi chính thức. Ước tính đến cuối năm 2021, có khoảng 5,1 triệu hộ kinh doanh hoạt động tại Việt Nam (Tổng cục Thống kê, 2023). Tuy nhiên, số liệu từ các văn phòng đăng ký kinh doanh trực thuộc Ủy ban Nhân dân và chi cục thuế cấp huyện cho thấy chỉ có 1,7 triệu hộ kinh doanh đã đăng ký và thực hiện nghĩa vụ thuế trong năm 2019 (Tổ chức Lao động Quốc tế, 2024c). Đến tháng 11 năm 2024, chỉ có 2,3 triệu hộ kinh doanh đăng ký theo ghi nhận của Cơ quan Đăng ký Kinh doanh. Điều này cho thấy hai thách thức lớn liên quan đến nỗ lực chính thức hóa tại Việt Nam. Thách thức đầu tiên là đảm bảo các đơn vị kinh tế chưa đăng ký được công nhận về pháp lý, dù là hộ kinh doanh hay các loại hình truyền thống khác. Thách thức thứ hai là hỗ trợ các hộ kinh doanh và các cá nhân kinh doanh chuyển đổi thành các doanh nghiệp chính thức theo Luật Doanh nghiệp. Nghiên cứu trước đây của ILO cho thấy trở ngại chính đối với việc chính thức hóa các hộ kinh doanh và các cá nhân kinh doanh là sự thiếu rõ ràng trong các quy định điều chỉnh các loại hình này, bao gồm cả việc thiếu tư cách pháp nhân. Điều này gây khó khăn cho việc ký kết hợp đồng và tiếp cận tín dụng, từ đó hạn chế khả năng phát triển (ILO, 2023; ILO, 2024b; ILO, 2024c). Mặc dù Luật Hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14 và Nghị định số 80/2021/NĐ-CP đề ra lộ trình pháp lý để chuyển đổi từ hộ kinh doanh sang các hình thức khác theo Luật Doanh nghiệp, chẳng hạn như doanh nghiệp tư nhân và công ty trách nhiệm hữu hạn, nhưng chỉ có một bộ phận nhỏ hộ kinh doanh thực hiện đăng ký doanh nghiệp.

Các chính sách hỗ trợ nỗ lực chính thức hóa

Các chính sách điều chỉnh hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh. Đảng và Chính phủ Việt Nam đã nhận thức được tầm quan trọng của việc chính thức hóa khu vực phi chính thức, bao gồm cả hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh, với các chính sách khuyến khích các đơn vị kinh tế nhỏ đăng ký và tiến tới chuyển đổi thành doanh nghiệp chính thức. Trong khi Luật Doanh nghiệp năm 1999 và 2005 không quy định về hộ kinh doanh, thì Nghị định số 88/2006/NĐ-CP sau đó đã nêu rõ hộ kinh doanh là một loại hình có thể đăng ký và được phép hoạt động hợp pháp ở địa phương dù không được xem là “doanh nghiệp”. Nghị định này cũng quy định rằng “các hộ kinh doanh thường xuyên sử dụng từ 10 lao động trở lên phải đăng ký thành lập doanh nghiệp hoạt động theo Luật Doanh nghiệp”.

Hộ kinh doanh bắt đầu được công nhận từ khi Luật Doanh nghiệp 2014 ra đời, theo đó sự tồn tại của hộ kinh doanh được thừa nhận và cho phép chính phủ ban hành các quy định điều chỉnh việc đăng ký và hoạt động của hộ kinh doanh. Luật Doanh nghiệp 2020, tại Điều 212, quy định rằng hộ kinh doanh có thể chuyển đổi thành doanh nghiệp. Thủ tục chuyển đổi được nêu tại Điều 27 của Nghị định số 01/2021/NĐ-CP, cho phép các hộ kinh doanh chuyển đổi thành công ty tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc công ty cổ phần.

Song hành với tiến trình này, Chính phủ đã đưa ra nhiều biện pháp khuyến khích để thúc đẩy việc chính thức hóa các hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh thành doanh nghiệp. Luật Hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017 quy định rằng các hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp được hưởng các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (Điều 5(2) và Điều 15). Nghị định số 80/2021/NĐ-CP triển khai Luật này quy định các cơ quan chức năng cấp tỉnh phải tổ chức hỗ trợ cho việc chuyển đổi, bao

⁵ Nghiên cứu của ILO đã chỉ ra mức độ “cứng nhắc” cao trong thị trường lao động chính thức và phi chính thức ở Việt Nam. Những người đang làm việc trong khu vực chính thức hoặc phi chính thức có xu hướng duy trì tình trạng việc làm của họ, ít có sự chuyển dịch giữa hai khu vực. Những người không có việc làm nhiều khả năng tiếp nhận công việc phi chính thức hơn là việc làm chính thức. Trong số những người đang làm việc phi chính thức, xác suất chuyển sang làm việc chính thức cao hơn ở thanh niên so với người lớn tuổi, và cao hơn ở những người có trình độ học vấn cao hơn và sống ở khu vực thành thị (tài liệu dẫn như trên).

gồm hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp, kế toán và thuế, tư vấn kinh doanh và các hỗ trợ khác được quy định trong các luật chuyên ngành khác. Nhiều địa phương đã xây dựng các cơ chế và chính sách để khuyến khích các hộ kinh doanh đăng ký và thành lập doanh nghiệp, bao gồm các sáng kiến nâng cao nhận thức và hỗ trợ các thủ tục đăng ký kinh doanh. Một số tỉnh cũng hỗ trợ tài chính hoặc hiện vật như phần mềm kế toán, hoặc phối hợp với các ngân hàng và nhà cung cấp phần mềm để tạo điều kiện tiếp cận ưu đãi. Khoảng 14 trong số 58 địa phương báo cáo có kế hoạch cụ thể để chuyển đổi hộ kinh doanh sang doanh nghiệp. Tuy nhiên, chỉ một phần nhỏ trong số 5,1 triệu hộ kinh doanh đã chuyển đổi, với 4.185 hộ đăng ký thành doanh nghiệp trong giai đoạn 2018-2022, cho thấy tỷ lệ chuyển đổi thấp (ILO, 2024c).

Hiện nay, quy định chính điều chỉnh hoạt động đăng ký kinh doanh tại Việt Nam là Nghị định số 01/2021/NĐ-CP, thống nhất thủ tục đối với doanh nghiệp và hộ kinh doanh, xác định tư cách pháp nhân, đăng ký ở cấp huyện và quy trình chuyển đổi thành doanh nghiệp theo Luật Doanh nghiệp (2020). Với việc tích hợp hộ kinh doanh vào khung pháp lý đăng ký quốc gia, nghị định này thiết lập một lộ trình pháp lý rõ ràng hơn giữa các đơn vị nhỏ, thường là phi chính thức, và hệ thống doanh nghiệp chính thức.

Đối với các cá nhân kinh doanh, do không có luật chung nào điều chỉnh hoạt động, nên các cá nhân kinh doanh chịu sự điều chỉnh của luật thuế và hướng dẫn của Bộ Tài chính và cơ quan Thuế. Theo đó, Nghị định số 126/2020/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật quản lý thuế năm 2019 quy định phân loại nhóm kinh doanh và phương pháp tính thuế khoán. Trong khi đó, Thông tư số 40/2021/TT-BTC hướng dẫn thuế chi tiết cho các cá nhân kinh doanh và hộ kinh doanh, cũng như người bán hàng trực tuyến và người cho thuê bất động sản. Nhiều hoạt động của cá nhân kinh doanh – chẳng hạn như của người bán hàng rong, giao hàng bằng xe máy, người bán hàng trực tuyến và trên nền tảng kỹ thuật số – không thuộc diện được đăng ký là hộ kinh doanh.

Các chính sách khác hỗ trợ chính thức hóa. Việc mở rộng bảo hiểm xã hội cũng được xem là công cụ thúc đẩy chính thức hóa khu vực kinh tế phi chính thức. Nghị quyết số 28-NQ/TW (23 tháng 5 năm 2018) của Hội nghị lần thứ 7 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa XII và Luật BHXH (2014 và 2024) đưa ra lộ trình chiến lược để mở rộng BHXH bắt buộc. Cụ thể là, Nghị quyết số 28 đặt mục tiêu bao phủ 35% lực lượng lao động trong độ tuổi vào năm 2021, 45% vào năm 2025, và 60% vào năm 2030.⁶ Trong khi Luật BHXH năm 2014 quy định người lao động làm việc tại các hộ kinh doanh thuộc diện tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc và giảm điều kiện thời gian làm việc tối thiểu để được hưởng bảo hiểm. Luật BHXH năm 2024 mở rộng phạm vi BHXH bắt buộc cho cả chủ hộ kinh doanh. Luật Việc làm được thông qua vào tháng 6 năm 2025 quy định hỗ trợ tạo việc làm, việc làm công, đăng ký lao động và thông tin thị trường, phát triển kỹ năng nghề, dịch vụ việc làm và bảo hiểm thất nghiệp.

Việc giảm tỷ lệ phi chính thức gắn liền với các mục tiêu phát triển khu vực tư nhân. Nghị quyết số 68-NQ/TW (2025) đặt mục tiêu có hai triệu doanh nghiệp tư nhân vào năm 2030 và ba triệu doanh nghiệp vào năm 2045. Nghị quyết cũng đặt ra các mục tiêu đầy tham vọng cho nền kinh tế tư nhân đến năm 2030, bao gồm đạt mức tăng trưởng bình quân hàng năm từ 10%-12%, chiếm 55%-58% GDP, 35%-40% thu ngân sách nhà nước, 85% việc làm và tăng trưởng năng suất hàng năm từ 8,5%-9,5%. Để đạt được các mục tiêu này, việc tăng cường chính thức hóa khu vực phi chính thức đóng vai trò then chốt. Việc giảm tỷ lệ phi chính thức cũng phù hợp với các chính sách phát triển quan trọng khác của quốc gia, bao gồm Quy hoạch Tổng thể Quốc gia (2021-2030), Kế hoạch Phát triển Kinh tế - Xã hội (2021-2025) và Khung chiến lược Phát triển Bền vững 2022-2026 (ILO, 2023).

Mục đích của báo cáo

Mục tiêu tổng quát của báo cáo này là xác định các chiến lược nhằm thúc đẩy chính thức hóa các cá nhân kinh doanh và đồng thời hỗ trợ mở rộng diện bao phủ BHXH tại Việt Nam. Với tầm quan trọng của loại hình kinh tế này tại Việt Nam và việc loại hình này chiếm số đông trong khu vực phi chính thức, việc chính thức hóa là một bước quan trọng để giảm việc làm phi chính thức trên toàn quốc, cải thiện môi trường làm việc, thúc đẩy tăng trưởng năng suất và tăng thu ngân sách nhà nước.

⁶ Tuy nhiên, các mục tiêu đặt ra cho năm 2021 và 2025 vẫn chưa đạt được, với tỷ lệ bao phủ vẫn ở mức dưới 35% (ILO, 2025c).

Trọng tâm của báo cáo này xuất phát từ khoảng trống kiến thức nghiêm trọng về đặc điểm của loại hình kinh tế này và các rào cản đối với việc chính thức hóa, chủ yếu là do tình trạng pháp lý không rõ ràng. Mặc dù các cá nhân kinh doanh, thường được gọi là lao động tự làm, thường đóng thuế TNCN, nhưng nhìn chung họ không thuộc diện bao phủ của BHXH và không đăng ký kinh doanh. Tình trạng pháp lý của các cá nhân kinh doanh, khác với các đơn vị tương tự như hộ kinh doanh và doanh nghiệp tư nhân, cũng không rõ ràng. Làm rõ những điểm khác biệt này là một bước quan trọng để thuyết phục các chủ thể thị trường chấp nhận việc chính thức hóa và giải quyết các quy định pháp luật chồng chéo có thể khiến các cá nhân kinh doanh không muốn thực hiện bước này, dẫn đến làm giảm khả năng cạnh tranh của nền kinh tế Việt Nam và giảm nguồn thu cho chính phủ.

Mặc dù báo cáo này tập trung vào cá nhân kinh doanh, nhưng báo cáo cũng xem xét khung pháp lý và các tài liệu liên quan đến các hộ kinh doanh do mối quan hệ chặt chẽ giữa hai loại hình này. Trên thực tế, cá nhân kinh doanh có thể chuyển đổi thành hộ kinh doanh khi mở rộng quy mô và cả hai đều hoạt động theo các quy định rời rạc về địa vị pháp lý, đăng ký, thuế và các nghĩa vụ tuân thủ khác. Điều quan trọng cần lưu ý là các quốc gia thường xếp các đơn vị kinh tế nhỏ vào một loại hình đăng ký duy nhất, báo cáo cũng tìm hiểu nội dung này thông qua so sánh với kinh nghiệm quốc tế.

Việc giải quyết những thách thức này là rất quan trọng trong bối cảnh chuyển đổi kinh tế và thị trường lao động đang diễn ra tại Việt Nam. Chuyển đổi số nhanh chóng đã mở rộng phạm vi các mô hình kinh doanh cá thể để bao gồm nhiều chủ thể trực tuyến hoạt động trong không gian kỹ thuật số. Do đó, các quy định đăng ký kinh doanh hiện hành đối với các chủ thể này còn chưa rõ ràng, tạo ra sự không chắc chắn về địa vị pháp lý, quyền và nghĩa vụ của họ trong nền kinh tế chính thức. Việc đưa các nhóm này vào khung khổ đăng ký và tuân thủ phù hợp nổi lên như một thách thức chính về chính sách và quản lý.

Để giải quyết vấn đề này, báo cáo hướng đến làm rõ địa vị pháp lý của các cá nhân kinh doanh, xác định các quy định áp dụng cho cá nhân kinh doanh, các hộ kinh doanh và các doanh nghiệp tư nhân, đồng thời xác định cá nhân kinh doanh trong các cơ sở dữ liệu của Nhà nước (Chương 1). Ở chương này, báo cáo tiến hành phân tích các tài liệu, luật pháp và số liệu điều tra lao động việc làm có liên quan. Sau đó, báo cáo phân tích các rào cản và lợi ích của việc chính thức hóa đối với hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh (Chương 2). Phân tích ở chương này dựa trên khảo sát thực địa được tiến hành với các cá nhân kinh doanh và hộ kinh doanh, các cuộc thảo luận nhóm tập trung, và phỏng vấn sâu. Chương 3 trình bày kinh nghiệm quốc tế về các thực tiễn tốt liên quan đến quy định, chính thức hóa và tình hình tăng trưởng của cá nhân kinh doanh. Các kinh nghiệm này được tổng hợp từ các nghiên cứu trước đây của ILO, đồng thời báo cáo cũng xem xét khả năng áp dụng trong bối cảnh Việt Nam. Chương cuối cùng của báo cáo kết luận tóm tắt các phát hiện chính và đưa ra các khuyến nghị cho các nhà hoạch định chính sách.

Báo cáo trong bối cảnh các nghiên cứu trước đây của ILO

Báo cáo này được xây dựng song song với một báo cáo khác có liên quan của ILO là “Mở rộng diện bao phủ BHXH hiệu quả cho các hộ kinh doanh tại Việt Nam”. Các kết luận và khuyến nghị chính của hai báo cáo có liên hệ mật thiết với nhau và cần được xem xét cùng nhau. Ngoài ra, báo cáo này bổ sung cho các phân tích trước đây do ILO thực hiện tại Việt Nam, bao gồm các báo cáo “Xác định tư cách pháp lý cho các hộ kinh doanh tại Việt Nam: Chìa khóa dẫn đến chính thức hóa” (ILO, 2024c), “Chính thức hóa và đơn giản hóa loại hình doanh nghiệp siêu nhỏ và nhỏ: Hướng tới cải cách pháp luật về hộ kinh doanh tại Việt Nam” (ILO, 2024b) và “Lý thuyết về sự thay đổi để chuyển dịch từ nền kinh tế phi chính thức sang nền kinh tế chính thức tại Việt Nam” (ILO, 2023). Thêm vào đó, báo cáo này cần được xem xét cùng với các nghiên cứu cấp ngành tập trung vào ngành cà phê và ngành gỗ (ILO, 2024d; ILO, 2024e).

Mặc dù các báo cáo này trình bày kết quả từ các nghiên cứu riêng biệt nhưng các phát hiện đều nhất quán. Do vậy, hiện nay Việt Nam đã có nhiều bằng chứng về các động lực và trở ngại đối với quá trình chính thức hóa để có thể xây dựng các giải pháp và chính sách hiệu quả nhằm chính thức hóa các hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh chưa đăng ký.

1. Nhận diện các cá nhân kinh doanh

1.1. Định nghĩa và địa vị pháp lý⁷

Lý thuyết pháp luật trên toàn thế giới công nhận hai chủ thể chính trong quan hệ pháp lý: cá nhân và pháp nhân (Trần Thị Lê Thu, 2021). Đối với cá nhân, hoạt động kinh doanh thường được thực hiện dưới tên riêng của họ, sử dụng tài sản cá nhân, có nơi cư trú cố định và chịu trách nhiệm vô hạn đối với các khoản nợ kinh doanh.

Tại Việt Nam, cá nhân có thể kinh doanh dưới nhiều hình thức, bao gồm các hộ kinh doanh, doanh nghiệp tư nhân và các cá nhân kinh doanh, thường được gọi là “lao động tự làm”. Khung pháp lý điều chỉnh hoạt động của các chủ thể này được hình thành từ nhiều nguồn khác nhau.⁸ Tuy nhiên, mức độ công nhận, quyền và nghĩa vụ của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh và doanh nghiệp tư nhân có sự khác biệt tùy theo các luật và quy định cụ thể điều chỉnh từng loại hình.

Hộ kinh doanh: Các hộ kinh doanh chiếm một vị trí riêng biệt, nhưng địa vị pháp lý lại khá mơ hồ. Các văn bản pháp luật chính hiện hành quy định hoặc điều chỉnh hoạt động của các hộ kinh doanh bao gồm Luật Doanh nghiệp (2020), quy định Chính phủ có quyền điều chỉnh việc đăng ký và hoạt động của hộ kinh doanh, và Nghị định số 01/2021/NĐ-CP quy định chi tiết thủ tục đăng ký kinh doanh, bao gồm cả hộ kinh doanh. Các nghị định trước đây cũng công nhận hộ kinh doanh là một loại hình kinh doanh nhỏ thuộc diện đăng ký ở cấp địa phương nhưng không có tư cách pháp nhân. Nhìn chung, các văn bản này đã quy định hộ kinh doanh là một loại hình hoạt động kinh tế phi doanh nghiệp được công nhận chính thức, hoạt động dưới sự quản lý của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Theo Điều 79 của Nghị định số 01/2021/NĐ-CP, có hai loại hộ kinh doanh: hộ kinh doanh do cá nhân thành lập và hộ kinh doanh do các thành viên hộ gia đình cùng chịu trách nhiệm liên đới và vô hạn đối với hoạt động kinh doanh. Khi các thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh, họ phải ủy quyền cho một thành viên làm đại diện của hộ kinh doanh, và người này được công nhận là chủ hộ kinh doanh. Việc đăng ký đối với các hộ kinh doanh là bắt buộc, ngoại trừ: (i) các hộ gia đình tham gia vào hoạt động nông, lâm, thủy sản và sản xuất muối, (ii) người bán hàng rong, đồ ăn vặt và buôn bán lưu động, (iii) người bán hàng trực tuyến, (iv) người kinh doanh thời vụ và (v) người cung cấp dịch vụ có thu nhập thấp.

Định nghĩa pháp lý về hộ kinh doanh được quy định tại Nghị định số 01/2021/NĐ-CP đã gây tranh cãi kể từ khi Bộ luật Dân sự năm 2015 được ban hành, theo đó hộ gia đình và hợp tác xã không còn được công nhận là pháp nhân (Điều 101 và 104). Do đó, các quy định pháp luật về tài chính, tín dụng và hợp đồng hiện nay coi hộ kinh doanh là hoạt động của cá nhân chứ không phải là pháp nhân riêng biệt. Ví dụ, các giao dịch với ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng được thực hiện với tư cách là cá nhân kinh doanh chứ không phải là pháp nhân (Trần Thị Lê Thu, 2021).

Báo cáo của Tổ chức Lao động Quốc tế (2023) nhấn mạnh sự chưa rõ ràng trong địa vị pháp lý của hộ kinh doanh, cùng với sự chông chéo và không nhất quán trong việc phân loại theo loại hình kinh doanh trong các văn bản luật khác nhau. ILO (2024c) đã nêu ví dụ rằng Bộ luật Dân sự (2015) và Luật Doanh nghiệp (2020) chưa đưa ra định nghĩa rõ ràng, trong khi thủ tục đăng ký kinh doanh phức tạp trở thành rào cản cho việc chính thức hóa. Hộ kinh doanh đang được điều chỉnh bởi một khung pháp lý rời rạc và chưa hoàn chỉnh. Trong khi các doanh nghiệp tư nhân được định nghĩa và điều chỉnh theo Luật Doanh nghiệp, hộ kinh doanh chủ yếu được quản lý theo Nghị định số 01/2021/NĐ-CP và các quy định liên quan không hoàn

⁷ Nội dung của báo cáo này phản ánh cơ cấu thể chế, hành chính và cơ cấu cấp tỉnh trước khi công cuộc tái cơ cấu chính phủ được triển khai từ ngày 1 tháng 3 năm 2025 và quá trình sáp nhập tỉnh sau đó.

⁸ Bao gồm: 1) các văn bản pháp luật trong nước cấu thành luật điều chỉnh hoạt động kinh doanh của các cá nhân, đặc biệt là Bộ luật Dân sự (2015), Luật Thương mại (2005, sửa đổi năm 2019), Luật Doanh nghiệp (2020), Luật Quản lý Thuế (2019) và Luật Bảo vệ Quyền lợi Người tiêu dùng (2010, sửa đổi năm 2013); 2) các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã phê chuẩn hoặc tham gia có ảnh hưởng đến tiêu chuẩn pháp luật trong nước; 3) xu hướng thương mại quốc tế và thương mại trong nước; 4) các án lệ góp phần giải thích và áp dụng luật; 5) các nguyên tắc chung được áp dụng để đảm bảo công bằng trong quan hệ pháp luật; và 6) các thỏa ước, tuyên bố quy định quyền và nghĩa vụ giữa các bên.

toàn thống nhất. Sự không nhất quán này dẫn đến sự không rõ ràng về quyền sở hữu, trách nhiệm và đại diện pháp lý, gây khó khăn trong việc tiếp cận tín dụng, dịch vụ ngân hàng và các cơ hội ký kết hợp đồng.

Mặc dù các thủ tục chuyển đổi các hộ kinh doanh thành doanh nghiệp được quy định tại Điều 27 của Nghị định số 01/2021/NĐ-CP, các quy định này hiếm khi được áp dụng trong thực tế do các yêu cầu hành chính phức tạp cũng như các nghĩa vụ tuân thủ và báo cáo trong chế độ doanh nghiệp tư nhân. ILO (2023) lưu ý rằng, mặc dù vừa qua đã có những nỗ lực nhằm đơn giản hóa quy trình đăng ký cho các hộ kinh doanh, việc đăng ký kinh doanh vẫn còn nhiều thách thức và tốn kém.

Nói rộng hơn, việc thiếu định nghĩa pháp lý rõ ràng về hộ kinh doanh và địa vị tương ứng của hộ kinh doanh gây nhầm lẫn trong việc xác định nghĩa vụ chẳng hạn như tham gia BHXH, đăng ký người lao động, cũng như điều kiện được hưởng các chương trình hỗ trợ và ưu đãi của nhà nước (Hộp 1).

► Hộp 1. Sự nhầm lẫn pháp lý: Địa vị không rõ ràng của các hộ kinh doanh trong luật Việt Nam



Các quy định rất khó hiểu. Tôi nhận được nhiều cuộc gọi từ các cán bộ hỏi cùng một câu hỏi: “Hộ kinh doanh đó là tổ chức hay cá nhân?” Mặc dù tôi xử lý các thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho các hộ kinh doanh, tôi không biết cách phân loại hộ kinh doanh. Nếu một hộ kinh doanh chỉ có một chủ sở hữu, họ được coi là cá nhân, nhưng nếu hộ kinh doanh có nhiều người đăng ký thì sẽ có yếu tố “tổ chức”.

► Phỏng vấn sâu một cán bộ đăng ký kinh doanh cấp quận

Doanh nghiệp tư nhân: doanh nghiệp tư nhân là một loại hình pháp lý riêng biệt theo Luật Doanh nghiệp 2020, được đăng ký chính thức tại các phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh và thông tin được đưa vào cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Do đó, doanh nghiệp tư nhân được các cơ quan nhà nước và các cơ quan thống kê coi là thuộc khu vực kinh tế chính thức. Doanh nghiệp tư nhân được nhìn nhận tương tự như doanh nghiệp một thành viên.

Cụ thể hơn, doanh nghiệp tư nhân thuộc sở hữu của một cá nhân và người này chịu trách nhiệm vô hạn đối với các nghĩa vụ của doanh nghiệp, không có sự phân tách giữa tài sản cá nhân và tài sản doanh nghiệp. Chủ sở hữu có toàn quyền điều hành hoạt động doanh nghiệp, bao gồm chỉ đạo, quản lý và phân phối lợi nhuận. Không giống như các công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc công ty cổ phần, nơi có thể bổ nhiệm hội đồng quản trị và người quản lý, chủ sở hữu doanh nghiệp tư nhân là người đại diện pháp luật duy nhất, là người chịu mọi quyền và nghĩa vụ. Điều này cũng có nghĩa là chủ doanh nghiệp gánh chịu mọi rủi ro. Trên thực tế, việc chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình, không có cơ chế trách nhiệm hữu hạn bảo vệ, chủ doanh nghiệp tư nhân có thể ngại vay vốn, tuyển dụng thêm lao động hoặc ký kết các hợp đồng lớn hơn, từ đó hạn chế việc mở rộng quy mô kinh doanh.

Một điểm khác biệt nữa so với các hình thức trách nhiệm hữu hạn là chủ sở hữu doanh nghiệp tư nhân không thể thành lập thêm một doanh nghiệp tư nhân khác hoặc các chủ thể kinh doanh trách nhiệm vô hạn khác như hộ kinh doanh, theo Điều 189 của Luật Doanh nghiệp (2020). Ngược lại, chủ sở hữu các công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần, những người được hưởng lợi từ trách nhiệm hữu hạn, không bị áp dụng những hạn chế tương tự và có thể tham gia hoặc thành lập nhiều doanh nghiệp.

Trên thực tế, việc tuân thủ của doanh nghiệp tư nhân có thể gặp nhiều khó khăn vì phải đáp ứng hầu hết các yêu cầu liên quan đến công ty cổ phần hoặc công ty trách nhiệm hữu hạn. Điều này không chỉ tạo ra gánh nặng tuân thủ cho các doanh nghiệp tư nhân, mà còn là rào cản đối với các hộ kinh doanh hoặc cá nhân kinh doanh muốn chuyển đổi sang hình thức doanh nghiệp chính thức.

Cá nhân kinh doanh: Thông tư số 40/2021/TT-BTC về quản lý thuế công nhận cả cá nhân kinh doanh và hộ kinh doanh. Mặc dù thuật ngữ cá nhân kinh doanh không được định nghĩa chính thức hay về mặt pháp lý nhưng hoạt động của loại hình kinh doanh này vẫn phải đăng ký thuế và chịu nghĩa vụ thuế theo thông tư trên. Do vậy, cá nhân kinh doanh chịu sự điều chỉnh của luật thuế và hướng dẫn của Bộ Tài chính và cơ quan thuế, bao gồm hướng dẫn chi tiết về thuế GTGT, thuế TNCN và quản lý thuế. Vì vậy, mặc dù cá nhân kinh doanh được công nhận là các chủ thể riêng biệt theo quy định tại thông tư, các cá nhân kinh doanh này không được định nghĩa pháp lý rõ ràng trong hệ thống luật.⁹

Do Thông tư số 40 quy định việc đăng ký và quản lý thuế mà không yêu cầu đăng ký kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, các cá nhân kinh doanh không được đăng ký chính thức là doanh nghiệp hay hộ kinh doanh nhưng vẫn phải nộp thuế với tư cách là “cá nhân kinh doanh”. Số liệu từ Cơ quan Đăng ký kinh doanh cho thấy có 2,3 triệu cá nhân kinh doanh đã đăng ký với cơ quan thuế, nhưng có thể chưa đăng ký theo bất kỳ loại hình pháp lý kinh doanh nào. Trên thực tế, điều này có nghĩa là các cá nhân hoạt động kinh doanh nhỏ lẻ, ví dụ như người bán hàng rong, người làm việc tự do trực tuyến, người giao hàng có thể được phân loại là cá nhân kinh doanh theo luật thuế nhưng không xuất hiện trong cơ sở dữ liệu đăng ký kinh doanh.

Như vậy, có thể xác định bốn nhóm cá nhân kinh doanh, bao gồm các cá nhân:

- 1) đăng ký là hộ kinh doanh do một người sở hữu;
- 2) không đăng ký hộ kinh doanh nhưng kê khai thuế với tư cách cá nhân kinh doanh (lao động tự làm);
- 3) thực hiện các hoạt động kinh doanh nhưng không đăng ký là hộ kinh doanh và cũng không kê khai thuế;
- 4) thực hiện hoạt động kinh doanh nhưng được miễn thuế GTGT hoặc thuế TNCN do doanh thu hàng năm bằng hoặc dưới 100 triệu đồng theo Thông tư số 40.

Trong nhóm một, các hộ kinh doanh đã đăng ký cũng có thể là cá nhân kinh doanh nếu chỉ có một chủ sở hữu, dẫn đến ranh giới không rõ ràng giữa các chủ thể cá nhân kinh doanh và hộ kinh doanh.

Quan sát từ các phòng cấp quận/huyện cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và quản lý các hộ kinh doanh tại hai thành phố cho thấy phần lớn các hộ kinh doanh đã đăng ký trên thực tế được thành lập và sở hữu bởi cá nhân, chỉ có một số ít trường hợp là hộ kinh doanh thuộc sở hữu gia đình (Hộ 2). Tương tự như vậy, dữ liệu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tháng 7 năm 2023 cho thấy có 52.417 hộ mới đăng ký trên toàn quốc, trong đó 52.317 hộ được thành lập và sở hữu bởi cá nhân (99,8%), trong khi chỉ có 110 hộ (0,2%) được thành lập bởi các thành viên gia đình. Như vậy, phần lớn các hộ kinh doanh là do cá nhân điều hành và có thể lựa chọn đăng ký dưới hình thức hộ kinh doanh thay vì các hình thức khác như doanh nghiệp tư nhân do các thủ tục hành chính và thuế phí đơn giản hơn.

⁹ Trên thực tế, các định nghĩa khác trong pháp luật đề cập đến các cá nhân tham gia hoạt động thương mại, tương tự như các cá nhân kinh doanh. Cụ thể là, Điều 3, Nghị định số 39/2007/NĐ-CP quy định rằng: “Cá nhân tham gia hoạt động thương mại là người thực hiện hàng ngày một, một số hoặc tất cả các hoạt động được pháp luật cho phép liên quan đến việc mua bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các hoạt động sinh lợi khác, nhưng không thuộc đối tượng đăng ký kinh doanh theo quy định của Luật Đăng ký kinh doanh và không được gọi là “thương nhân” theo quy định của Luật Thương mại.” Ngoài ra, Khoản 1, Điều 6 của Luật Thương mại năm 2005 định nghĩa khái niệm “thương nhân” như sau: “Thương nhân bao gồm các tổ chức kinh tế được thành lập hợp pháp và các cá nhân hoạt động thương mại một cách độc lập, thường xuyên và có đăng ký kinh doanh.”

► **Hộp 2. Thực trạng của các hộ kinh doanh tại đô thị: Xu hướng chuyển sang cá nhân kinh doanh**

Trong số vài nghìn hộ kinh doanh được đăng ký trong quận tôi quản lý, chưa đến 10 hộ gia đình có thêm một thành viên khác trong gia đình cùng thành lập hộ kinh doanh. Tôi khẳng định rằng 99% hộ kinh doanh hiện tại trong quận của tôi là các cá nhân kinh doanh.

► Phỏng vấn sâu cán bộ phòng Tài chính và Kế hoạch ở một huyện ngoại thành

Trên thực tế, chúng ta gọi đó là hộ kinh doanh nhưng hầu hết chỉ có một người kinh doanh. Tôi hiếm khi nhận được hồ sơ mà có các thành viên gia đình cùng đăng ký một hộ kinh doanh. Mọi người tránh điều này vì việc đăng ký hộ kinh doanh đòi hỏi các giấy tờ ủy quyền cho một thành viên đại diện cho gia đình không cần thiết. Ngay cả vợ chồng cũng hiếm khi cùng đứng tên. Quy định về hộ kinh doanh dựa trên quan hệ gia đình đã lỗi thời, đặc biệt là ở khu vực thành thị. Phổ biến hơn là chủ kinh doanh tuyển dụng con cái hoặc người thân không việc làm khác, nhưng phần lớn hoạt động kinh doanh được điều hành bởi một cá nhân, mặc dù được đăng ký là hộ kinh doanh.

► Phỏng vấn sâu cán bộ phòng Tài chính và Kế hoạch ở một huyện ngoại thành

Bảng 1 tóm tắt các đặc điểm chính giữa hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh và doanh nghiệp tư nhân, tập trung vào bốn khía cạnh quan trọng: (i) trách nhiệm hữu hạn hay vô hạn, (ii) chủ thể có thể làm chủ sở hữu, (iii) các loại hình kinh doanh này có được phân loại là doanh nghiệp theo luật định hay không và (iv) nghĩa vụ đăng ký kinh doanh có bắt buộc hay không.

► **Bảng 1. Phân biệt hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh và doanh nghiệp tư nhân**

	Hộ kinh doanh	Cá nhân kinh doanh	Doanh nghiệp tư nhân
Đặc điểm cơ bản	<i>Bản chính thức:</i> Hộ gia đình (hoặc cá nhân) đã đăng ký kinh doanh, không phải doanh nghiệp theo quy định của pháp luật	<i>Cá nhân:</i> Người có thu nhập từ hoạt động kinh doanh và nộp thuế (hoặc được miễn thuế) Ví dụ: lao động tự do, người bán hàng rong và lưu động, dịch vụ sửa chữa, người lao động trên nền tảng kỹ thuật số hoặc trực tuyến	<i>Chính thức:</i> Loại hình doanh nghiệp theo Luật Doanh nghiệp, tương tự loại hình doanh nghiệp một thành viên
Văn bản pháp lý chính điều chỉnh	Nghị định số 01/2021/NĐ-CP quy định chi tiết các quy trình và thủ tục đăng ký kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp 2020	Thông tư số 40/2021/TT-BTC theo Luật Quản lý Thuế (2019)	Luật doanh nghiệp (2020)

	Hộ kinh doanh	Cá nhân kinh doanh	Doanh nghiệp tư nhân
Cơ quan phụ trách đăng ký kinh doanh	Phòng đăng ký kinh doanh cấp huyện	Không cần đăng ký kinh doanh	Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh, trực thuộc Sở KHĐT/Bộ KHĐT
Chế độ trách nhiệm pháp lý	Vô hạn	Vô hạn	Vô hạn
Chủ sở hữu	Cá nhân hoặc thành viên trong gia đình	Cá nhân	Cá nhân
Được phân loại là doanh nghiệp theo luật định	Không	Không	Có
Đăng ký	Bắt buộc: - Đăng ký kinh doanh tại phòng đăng ký cấp huyện - Đăng ký thuế tại cơ quan thuế - Đăng ký người lao động tại cơ quan BHXH (nếu có ký hợp đồng lao động) Việc đăng ký kinh doanh là tự nguyện đối với (1) Các hộ gia đình tham gia sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và sản xuất muối; (2) Người bán hàng rong đồ ăn vật và (3) người bán hàng lưu động; (4) Người kinh doanh thời vụ; (5) Người cung cấp dịch vụ có thu nhập thấp	Tự nguyện: - Chỉ đăng ký thuế tại cơ quan thuế Các cá nhân kinh doanh trực tuyến cung cấp dịch vụ thương mại điện tử phải đăng ký với Bộ Công thương	Bắt buộc: - Đăng ký kinh doanh tại cơ quan cấp tỉnh tại nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính - Đăng ký thuế tại cơ quan thuế - Đăng ký người lao động tại cơ quan BHXH do phát sinh quan hệ lao động
Chính sách thuế chính áp dụng	Thuế TNCN + thuế GTGT	Thuế TNCN + thuế GTGT	Thuế thu nhập doanh nghiệp
Vấn đề tồn tại	- Không có tư cách pháp nhân - Tiếp cận tín dụng hạn chế - Không được phép có nhiều địa điểm hoặc cơ sở kinh doanh - Có thể đăng ký nhiều lần	- Không có tư cách pháp nhân - Quy định áp dụng khó hiểu - Hạn chế tiếp cận tín dụng và hỗ trợ công	- Các quy định phức tạp khiến loại hình kinh doanh này trở nên kém hấp dẫn

1.2 Khung tuân thủ về thuế, BHXH và lao động

Phần trước đã phân tích sự khác biệt giữa các cá nhân kinh doanh, hộ kinh doanh và doanh nghiệp tư nhân về địa vị pháp lý và khái niệm, phần này tóm tắt những kết quả chính từ rà soát tài liệu và văn bản pháp luật để xác định các quy định liên quan áp dụng cho từng loại hình. Chi tiết đầy đủ được trình bày tại Phụ lục I.

Một phát hiện quan trọng là quy định quản lý doanh nghiệp tư nhân chặt chẽ hơn so với quy định áp dụng cho hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh. Điều này xuất phát từ sự khác biệt trong định nghĩa pháp lý của từng loại hình, qua đó có thể giải thích vì sao cá nhân kinh doanh và hộ kinh doanh phổ biến hơn trong thực tế.

Cụ thể như sau:

- **Nghĩa vụ thuế:** Ba loại hình kinh doanh này đều phải chịu lệ phí đăng ký kinh doanh, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, thuế xuất nhập khẩu và thuế tài nguyên. Hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh phải nộp thuế TNCN và thuế GTGT theo Thông tư số 40. Doanh nghiệp tư nhân phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp (số 14/2008/QH12, sửa đổi), ngay cả khi thu nhập là thuộc sở hữu cá nhân chứ không phải thuộc một công ty hoặc đơn vị trách nhiệm hữu hạn.
- **Bảo hiểm xã hội:** Cả ba loại hình kinh doanh đều phải tham gia BHXH bắt buộc nếu có ký hợp đồng lao động, với nghĩa vụ tham gia khác nhau. Từ khi Luật BHXH năm 2024 có hiệu lực vào tháng 7 năm 2025, phạm vi bao phủ bảo hiểm được mở rộng theo hướng chủ doanh nghiệp tư nhân (có lương hoặc không có lương) và chủ hộ kinh doanh đã đăng ký cũng phải tham gia BHXH bắt buộc. Ngoài ra Luật vẫn duy trì cơ chế lựa chọn BHXH tự nguyện cho chủ doanh nghiệp với các điều kiện khác nhau giữa ba loại hình.
- **Quan hệ lao động:** Cả ba loại hình kinh doanh trên đều có thể tuyển dụng lao động. Đối với cá nhân kinh doanh và hộ kinh doanh, quan hệ lao động chính thức được thiết lập khi người lao động được ký hợp đồng lao động. Nếu không có hợp đồng lao động thì không được xem là có quan hệ lao động chính thức (bao gồm cả việc các thành viên gia đình làm việc trong các hộ kinh doanh). Ngược lại, các doanh nghiệp tư nhân phải chính thức hóa quan hệ lao động thông qua hợp đồng lao động. Chủ sở hữu của doanh nghiệp tư nhân có thể ký hợp đồng như một người lao động theo luật lao động, luật BHXH và luật thuế nếu nhận lương quản lý doanh nghiệp. Trong khi đó, đối với các cá nhân kinh doanh tự thực hiện tất cả các hoạt động kinh doanh thì đó được coi là tự làm và không phát sinh quan hệ lao động.
- **Phá sản:** Không có quy định cụ thể nào về phá sản đối với cá nhân kinh doanh và hộ kinh doanh vì các loại hình này không được chính thức coi là doanh nghiệp. Các doanh nghiệp tư nhân được phân loại là doanh nghiệp và phải tuân thủ các quy định của Luật Phá sản.
- **Thừa kế và chuyển nhượng:** Đối với cá nhân kinh doanh, việc thừa kế và chuyển nhượng quyền sở hữu được điều chỉnh bởi Bộ luật Dân sự. Hộ kinh doanh có các quy định riêng về hợp đồng mua bán, tặng và thừa kế hộ kinh doanh. Đối với các doanh nghiệp tư nhân, việc thừa kế và chuyển nhượng được điều chỉnh bởi Luật Doanh nghiệp và các nghị định hướng dẫn liên quan.
- **Hóa đơn:** Các hộ kinh doanh và các cá nhân kinh doanh có thể đăng ký với cơ quan thuế để phát hành hóa đơn bán hàng, nhưng chỉ được xuất hóa đơn GTGT nếu đăng ký theo diện áp dụng loại hóa đơn GTGT. Các doanh nghiệp tư nhân kê khai thuế GTGT có thể phát hành hóa đơn tùy thuộc vào phương thức kê khai.

Việc hoàn thiện khung pháp lý về phá sản, thừa kế, chuyển nhượng và phát hành hóa đơn đối với các hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh có thể góp phần tăng cường động lực cho việc chính thức hóa. Nếu không có cơ chế rõ ràng để quản lý rủi ro và chuyển nhượng hoạt động kinh doanh, chủ hộ và cá nhân có thể không thấy được lợi ích của việc đăng ký và chuyển đổi thành doanh nghiệp chính thức.

Phụ lục I trình bày kết quả rà soát 18 lĩnh vực chính sách để so sánh các định nghĩa về pháp lý, tiếp cận tín dụng, bảo vệ người tiêu dùng và tiện ích công cộng của cá nhân kinh doanh, hộ kinh doanh và doanh nghiệp tư nhân. Kết quả cho thấy sự đa dạng, nhiều điểm không nhất quán, mâu thuẫn và chồng chéo giữa các quy định, gây khó khăn cho các chủ thể trong việc tuân thủ và cho các cơ quan quản lý.

1.3 Bằng chứng từ dữ liệu khảo sát

Nghiên cứu này sử dụng dữ liệu theo quý của Điều tra Lao động Việc làm về xu hướng thị trường lao động. Các điều tra này của Tổng cục Thống kê¹⁰ khảo sát về nhân khẩu học, bao gồm tuổi tác, giới tính, trình độ học vấn, tình trạng việc làm bao gồm lực lượng lao động, thu nhập và lĩnh vực việc làm. Tuy nhiên, điều tra này không có thông tin chi tiết về hoạt động kinh doanh như vốn, quy mô hoặc định hướng thị trường.

Mặc dù không thể xác định trực tiếp các cá nhân kinh doanh trong các điều tra nhưng thông tin ghi nhận từ các cá nhân tiến hành hoạt động kinh doanh mà không đăng ký của nhóm “lao động tự làm” cũng có thể đại diện gần đúng cho một bộ phận cá nhân kinh doanh (mặc dù không hoàn toàn tương ứng với loại hình cá nhân kinh doanh vì họ cũng có thể đăng ký và có lao động).

Dựa trên các định nghĩa này, dữ liệu Điều tra Lao động Việc làm năm 2022 cho thấy có 1.190.000 lao động tự làm, chiếm 2,24% lực lượng lao động phi nông nghiệp. Lao động tự làm phổ biến hơn ở lĩnh vực nông nghiệp. Dữ liệu cũng cho phép phân tích đặc điểm của lao động tự làm và so sánh họ với lực lượng lao động nói chung để hiểu rõ hơn về chính sách hỗ trợ phù hợp thúc đẩy chuyển dịch của cá nhân kinh doanh sang khu vực kinh tế chính thức.

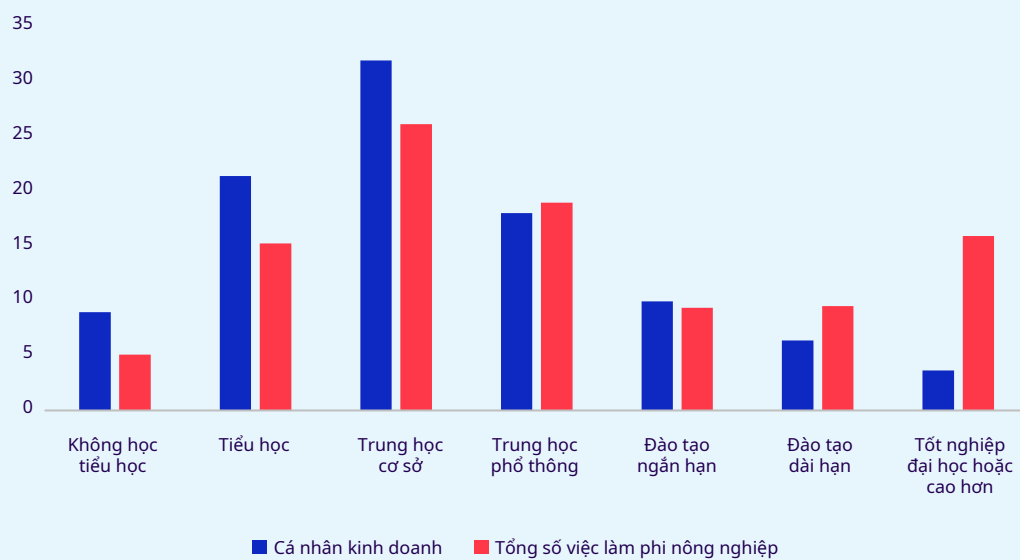
Dữ liệu Điều tra Lao động Việc làm cho thấy lao động tự làm thường có ít cơ hội tìm việc làm hưởng lương, buộc họ phải tìm kiếm sinh kế thay thế bằng công việc tự làm.

Cụ thể hơn, dữ liệu cho thấy:

- **Tuổi:** Tuổi trung bình của lao động tự làm là 45 tuổi, cao hơn lao động khác trong các ngành nghề phi nông nghiệp với độ tuổi trung bình là 39,6. Điều này có thể phản ánh thực tế là những người tương đối lớn tuổi sẽ chuyển sang lao động tự làm nếu họ không tìm được việc làm khác.
- **Giới tính:** Trong khi 52,8% tổng số lao động phi nông nghiệp là nam giới, tỷ lệ này chỉ còn 41,4% đối với lao động tự làm. Điều này có nghĩa là phụ nữ chiếm phần đông trong số lao động tự làm so với tỷ lệ trong toàn bộ lực lượng lao động. Điều này phản ánh tính linh hoạt cao hơn của hình thức tự làm, cho phép phụ nữ cân bằng tốt hơn giữa hoạt động nghề nghiệp với trách nhiệm gia đình. Ngoài ra, lao động tự làm tập trung ở một số lĩnh vực có xu hướng tuyển dụng tỷ lệ nữ giới cao hơn.
- **Thu nhập:** Thu nhập bình quân của lao động tự làm (6,9 triệu đồng/tháng) thấp hơn so với lao động phi nông nghiệp (7,6 triệu đồng/tháng).
- **Bảo hiểm xã hội:** Tỷ lệ tham gia BHXH của lao động tự làm gần như bằng không (0,45%). Điều này nhấn mạnh sự cần thiết của nỗ lực chính thức hóa và tầm quan trọng của việc liên kết các chính sách chính thức hóa với các biện pháp mở rộng diện bao phủ BHXH. Tỷ lệ tham gia BHXH của người lao động trong khu vực phi nông nghiệp là 42%.
- **Giáo dục:** Trình độ học vấn của lao động tự làm nhìn chung thấp hơn so với các nhóm lao động khác. Nhóm này chiếm tỷ lệ cao trong số những người lao động không có hoặc có trình độ học vấn thấp, nhưng lại có tỷ lệ thấp hơn trong nhóm có trình độ học vấn cao, với chỉ 3% lao động tự làm có bằng đại học trở lên, so với 16% nhóm lao động phi nông nghiệp (Hình 1).

¹⁰ Kể từ tháng 3 năm 2025 là Cục Thống kê.

► **Hình 1. Trình độ học vấn của cá nhân kinh doanh và các lao động khác trong lĩnh vực phi nông nghiệp (%)**



Nguồn: Tổng hợp của tác giả dựa trên dữ liệu Điều tra Lao động Việc làm

2. Tìm hiểu động lực và rào cản đối với chính thức hóa

Chương này trình bày kết quả khảo sát thực địa, thảo luận nhóm tập trung và phỏng vấn sâu để hiểu rõ lợi ích và hạn chế của việc chính thức hóa đối với các hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh đã đăng ký và chưa đăng ký. Phần đầu trình bày phương pháp khảo sát, phần thứ hai trình bày các kết quả phân tích chính liên quan đến lợi ích của việc chính thức hóa và phần kết luận nêu những trở ngại.

2.1. Phương pháp nghiên cứu

Khảo sát các cá nhân kinh doanh và hộ kinh doanh đã được tiến hành từ ngày 1 đến ngày 26 tháng 8 năm 2024 để thu thập thông tin về nhận thức và quan điểm của hai nhóm này:

- ▶ **Hộ kinh doanh đã đăng ký:** Tìm hiểu lợi ích và thách thức khi đăng ký kinh doanh.
- ▶ **Hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh chưa đăng ký:** Lý do chưa đăng ký kinh doanh và các yếu tố có thể khuyến khích việc đăng ký kinh doanh.

Quy mô mẫu: Cuộc khảo sát đã phỏng vấn 234 hộ kinh doanh đã đăng ký, 162 hộ kinh doanh chưa đăng ký và 431 cá nhân kinh doanh. Bảng câu hỏi được trình bày tại Phụ lục II.

Lựa chọn địa bàn: Bốn tỉnh/thành phố được coi là đại diện cho khu vực đã được chọn để thu thập dữ liệu:

- ▶ Hà Nội: Đại diện cho khu vực phía Bắc, chiếm 6,8% tổng số cá nhân kinh doanh và hộ kinh doanh trên toàn quốc, theo dữ liệu Điều tra Lao động Việc làm năm 2022.
- ▶ Thành phố Hồ Chí Minh: Đại diện cho khu vực phía Nam, chiếm 16,5% tổng số cá nhân kinh doanh và hộ kinh doanh.
- ▶ Thanh Hóa: Đại diện cho khu vực miền Trung và là tỉnh đông dân nhất khu vực này.
- ▶ Tuyên Quang: Đại diện cho vùng núi phía Bắc, nơi điều kiện kinh doanh kém thuận lợi hơn so với các vùng đồng bằng.

Khảo sát về mức độ sẵn sàng đăng ký kinh doanh của cá nhân kinh doanh được chia theo các tiêu chí phụ như giới tính, tuổi tác, ngành nghề, địa bàn và khu vực cư trú (nông thôn và thành thị). Bốn tỉnh/thành phố được chọn phản ánh sự khác biệt giữa các cá nhân kinh doanh theo các tiêu chí phụ này.

Cơ sở lựa chọn địa điểm: Dữ liệu Điều tra Lao động Việc làm năm 2022 được sử dụng để xác định các hộ kinh doanh chưa đăng ký, do đó đây là nguồn chính để lựa chọn địa điểm. Dữ liệu Điều tra Lao động Việc làm cũng cho phép ước tính tổng số đối tượng nghiên cứu phù hợp.

Chọn mẫu: Quá trình chọn mẫu gồm hai bước.

Bước 1: Lựa chọn quận/huyện

Các quận/huyện ở mỗi tỉnh được lựa chọn theo tỷ lệ thuận với quy mô của các cá nhân kinh doanh và hộ kinh doanh được ước tính trong Điều tra Lao động Việc làm nhằm tối ưu hóa chi phí thu thập dữ liệu.

- Hà Nội: Bốn quận nội thành và ba huyện ngoại thành.
- Thành phố Hồ Chí Minh: Năm quận nội thành và một huyện ngoại thành.
- Thanh Hóa: Thành phố Thanh Hóa và bốn huyện.
- Tuyên Quang: Thành phố Tuyên Quang và ba huyện.

Bước 2: Lựa chọn người trả lời phỏng vấn

Trong các quận/huyện đã chọn, các cá nhân kinh doanh và hộ kinh doanh được lựa chọn ngẫu nhiên để tham gia. Bảng 2 mô tả mẫu khảo sát.

► **Bảng 2. Mẫu khảo sát các hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh đã đăng ký và chưa đăng ký**

		Hộ kinh doanh	Hộ kinh doanh chưa đăng ký	Cá nhân kinh doanh	Tổng
Tổng		234	162	431	827
Địa điểm	<i>Thành phố (Hà Nội và Hồ Chí Minh)</i>	147	89	291	527
	Tỉnh (Tuyên Quang và Thanh Hóa)	87	73	140	300
Giới tính của chủ đơn vị kinh doanh	Nam	141	77	186	404
	Nữ	93	85	245	423
Ngành	Sản xuất và xây dựng	69	49	79	197
	Bán buôn và bán lẻ	68	33	102	203
	Các hoạt động lưu trú và dịch vụ ăn uống, du lịch	33	38	93	164
	Vận tải và các dịch vụ khác	64	42	157	263

Nguồn: Khảo sát các hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh đã đăng ký/chưa đăng ký

Để thu thập dữ liệu định tính, nhóm nghiên cứu đã tiến hành phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm với hai nhóm đối tượng chính: (i) các cá nhân kinh doanh và hộ kinh doanh, (ii) các cơ quan quản lý nhà nước.

Phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm với các hộ kinh doanh (đã đăng ký và chưa đăng ký) và cá nhân kinh doanh tập trung tìm hiểu quan điểm của họ về đăng ký kinh doanh, bao gồm: (i) kiến thức của người tham gia về các quy định pháp luật về đăng ký kinh doanh, (ii) những lợi ích nhận thấy được khi đăng ký, bao gồm lợi ích pháp lý và tài chính, chi phí tuân thủ, (iii) các rào cản và động lực ảnh hưởng đến quyết định đăng ký liên quan đến thủ tục, tác động tài chính và các ưu đãi; và (iv) nhận thức về các rủi ro tiềm ẩn liên quan đến việc không đăng ký, chẳng hạn như trách nhiệm pháp lý hoặc bỏ lỡ cơ hội phát triển kinh doanh. Những người tham gia được lựa chọn có chủ đích từ những người trả lời khảo sát, những người đã chứng minh có hiểu biết phù hợp với mục tiêu nghiên cứu. Ngoài ra, những người này cũng đại diện từ các lĩnh vực sau: thương mại (bao gồm cả kinh doanh trực tuyến), sản xuất và xây dựng, dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch và các dịch vụ khác. Hướng dẫn thảo luận nhóm tập trung được trình bày tại Phụ lục III, hướng dẫn phỏng vấn sâu được cung cấp tại Phụ lục IV.

Các cuộc thảo luận nhóm tập trung và phỏng vấn sâu với các cơ quan quản lý cấp tỉnh/thành phố và quận/huyện tập trung vào đánh giá tổng quan về tình hình đăng ký kinh doanh tại địa phương bao gồm cả xu hướng chuyển đổi hình thức kinh doanh; sự khác biệt giữa các hộ kinh doanh đã và chưa đăng ký, cá nhân kinh doanh, triển vọng của việc áp dụng hình thức đăng ký pháp lý mới (cá nhân kinh doanh); các yếu tố thúc đẩy và cản trở việc đăng ký kinh doanh, từ yếu tố tài chính đến các yếu tố khác, cũng như hiệu quả của các chính sách hỗ trợ hiện hành. Từ góc độ quản lý nhà nước, các cuộc thảo luận đã đánh giá những khó khăn trong việc thực hiện chính sách, hiệu quả các giải pháp khuyến khích đăng ký kinh doanh và xem xét tác động của việc đăng ký kinh doanh đến sự phát triển kinh tế - xã hội.

► **Bảng 3. Quy mô mẫu của các cuộc thảo luận nhóm tập trung và phỏng vấn sâu theo từng nhóm**

Người cung cấp thông tin	Số lượng
Các phòng ban cấp quận/ huyện (Sở Kế hoạch & Tài chính, Kinh tế - hạ tầng, Lao động, Thương binh và Xã hội)	16
Chuyên gia	6
Các hộ kinh doanh (đã đăng ký và chưa đăng ký) và cá nhân kinh doanh tham gia thảo luận nhóm tập trung (7 cuộc họp thảo luận nhóm, 4-8 người tham gia/nhóm)	44
Các hộ kinh doanh (đã đăng ký và chưa đăng ký) và cá nhân kinh doanh tham gia phỏng vấn sâu	21
Tổng	87

Hạn chế: Kết quả thu được cũng có một số hạn chế nhất định, chẳng hạn như việc chọn những người trả lời phỏng vấn không nhất thiết mang tính đại diện cho chính quyền cấp trung ương và địa phương. Ngoài ra có thể xảy ra sai số do đo lường các biến số quan trọng chưa chính xác. Do bảng hỏi yêu cầu người tham gia khảo sát tự điền nên có khả năng thông tin sai lệch, hoặc do thiếu kiến thức hoặc vì nguyên nhân khác.

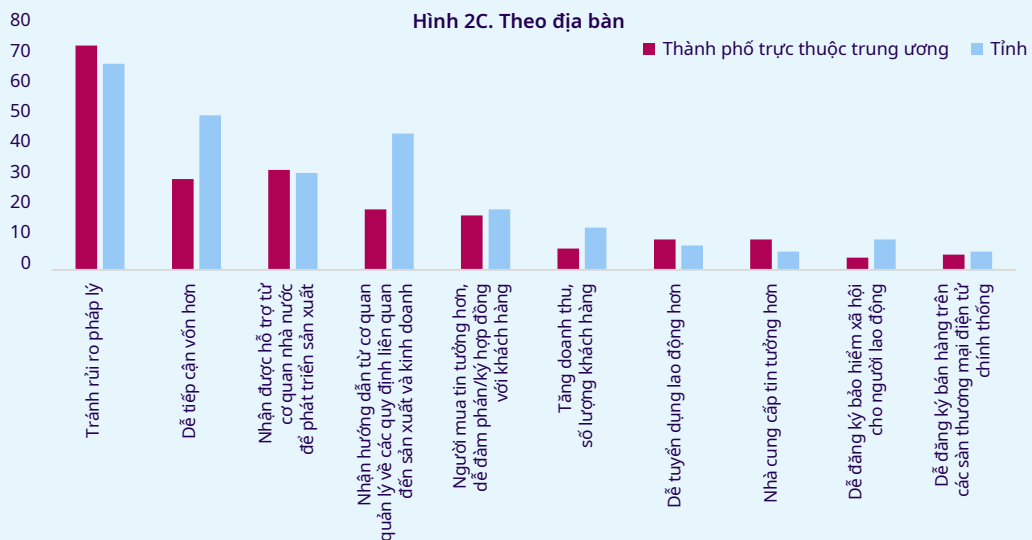
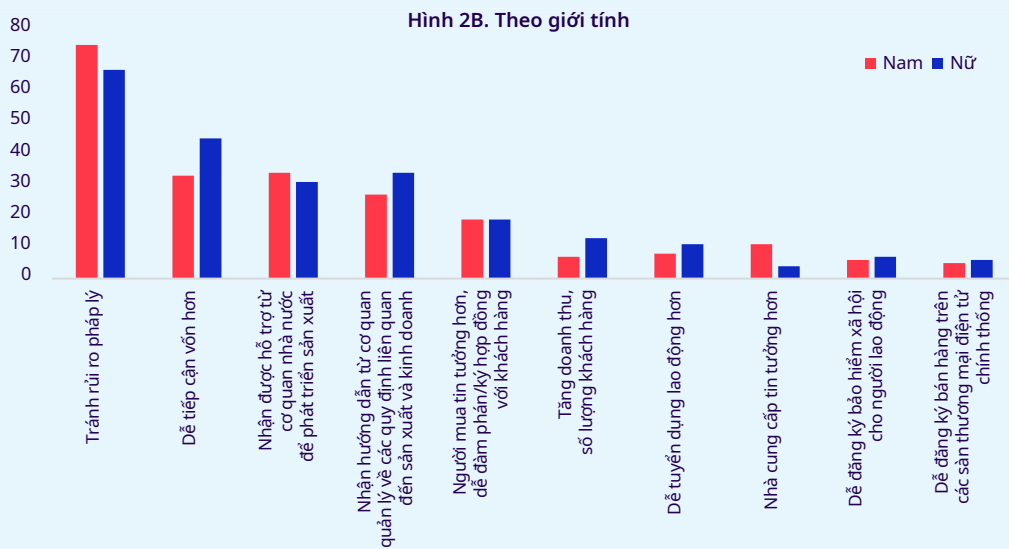
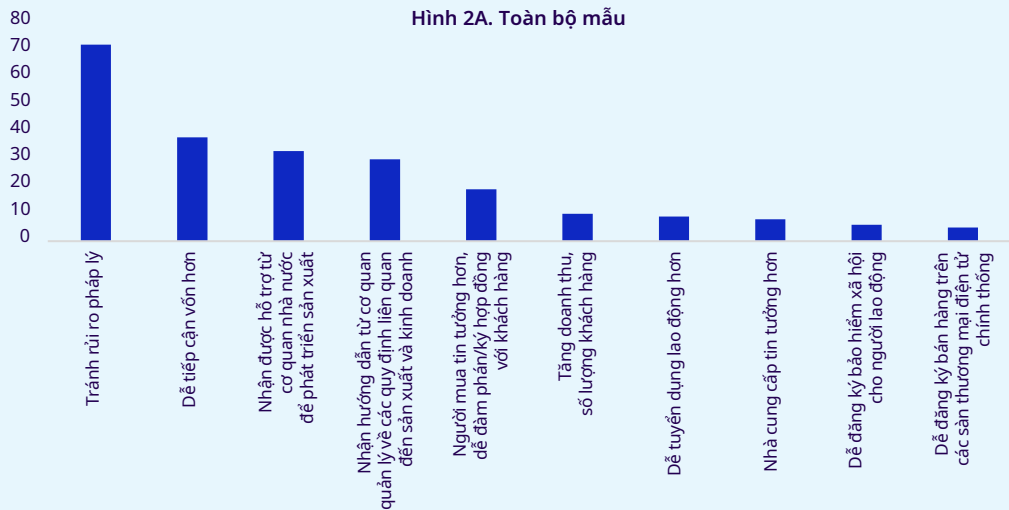
2.2 Các yếu tố thúc đẩy chính thức hóa

Phần này trình bày các kết quả khảo sát chính, thảo luận nhóm tập trung và phỏng vấn sâu liên quan đến lợi ích của việc chính thức hóa từ các hộ kinh doanh đã đăng ký (lợi ích từ việc đăng ký kinh doanh), các hộ kinh doanh chưa đăng ký và các cá nhân kinh doanh (nhận thức về những lợi ích có thể mang lại nếu đăng ký kinh doanh).

Lợi ích của việc chính thức hóa được ghi nhận bởi các hộ kinh doanh đã đăng ký. Trải nghiệm đăng ký tích cực có thể giúp xác định các yếu tố khuyến khích các đơn vị kinh doanh chưa đăng ký. Dữ liệu từ khảo sát các hộ kinh doanh đã đăng ký được trình bày trong Hình 2, phân theo toàn bộ mẫu (Hình 2A), theo giới tính (Hình 2B) và theo địa điểm (thành phố trực thuộc trung ương hoặc tỉnh, Hình 2C).

Lợi ích chính từ việc đăng ký kinh doanh theo các hộ kinh doanh đã đăng ký ghi nhận là “tránh rủi ro pháp lý do kinh doanh không có giấy phép” (72%). Tỷ lệ này được ghi nhận cao hơn ở nam giới (75%) so với nữ giới (67%). So sánh kết quả theo địa điểm khảo sát, thì tỷ lệ này cao hơn ở các thành phố trực thuộc trung ương (74%) so với các tỉnh (68%). Xu hướng này phù hợp với các nghiên cứu quốc tế khác do điều tra của cơ quan lao động và thuế ở khu vực thành thị có thể được thực hiện nhiều hơn so với khu vực nông thôn.

► Hình 2. Lợi ích của đăng ký kinh doanh theo ghi nhận từ các hộ kinh doanh đã đăng ký (%)



Nguồn: Tổng hợp của tác giả dựa trên khảo sát với các hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh

Tầm quan trọng của việc tuân thủ pháp luật trong quá trình đăng ký cũng được khẳng định qua các cuộc thảo luận nhóm tập trung và phỏng vấn sâu với các hộ kinh doanh đã đăng ký (Hộp 3).

► **Hộp 3. Tầm quan trọng của việc đăng ký kinh doanh: Những chia sẻ của chủ hộ kinh doanh về việc tuân thủ pháp luật**

► Tôi đăng ký kinh doanh để tránh rắc rối pháp lý. Tôi không được miễn đăng ký, vì vậy tôi chỉ cần hoạt động theo luật mà không cần lo lắng gì.

► Phỏng vấn sâu, hộ may mặc, quận trung tâm, thành phố

Tôi đăng ký kinh doanh để tránh bị phạt.

► Phỏng vấn sâu, hộ kinh doanh tạp hóa, tỉnh

Lợi ích thứ hai là dễ dàng tiếp cận vốn hơn (38%). Tỷ lệ này cao hơn ở nữ giới so với nam giới (lần lượt là 45% và 33%), có thể phản ánh yếu tố giới tính trong khả năng tiếp cận tiết kiệm cá nhân hoặc các nguồn vốn khác. Tương tự, số người trả lời phỏng vấn ở các tỉnh nhấn mạnh việc tiếp cận vốn dễ dàng (51%) cao hơn so với số người trả lời phỏng vấn ở thành phố (30%). Điều này phù hợp với việc các hộ kinh doanh đã đăng ký ở hai thành phố cho biết có nhiều kênh tiếp cận vốn, bao gồm tiết kiệm cá nhân và vay mượn từ người thân, trái ngược với các tỉnh nơi các ngân hàng thương mại và ngân hàng chính sách thông qua các tổ chức chính trị và chính quyền cấp xã/phường là lựa chọn ưu tiên.

Việc các chủ đơn vị kinh doanh ở tỉnh nêu bật lợi ích của việc đăng ký kinh doanh trong việc tiếp cận vốn vay (Hộp 4) cho thấy các cơ chế hỗ trợ các cá nhân kinh doanh tiếp cận vốn vay có thể khuyến khích việc đăng ký kinh doanh ở khu vực nông thôn, nơi mức độ tự tích lũy vốn và huy động vốn từ mạng lưới cá nhân cho kinh doanh thấp hơn so với khu vực thành thị.

► **Hộp 4. Mở khóa các cơ hội tài chính: Tác động của việc đăng ký kinh doanh đến khả năng tiếp cận tín dụng của các hộ kinh doanh**

► Khi chưa đăng ký kinh doanh, tôi đã vay được 150 triệu đồng. Sau đó, khi đã đăng ký kinh doanh, nhân viên ngân hàng đến tận nơi thẩm định, xem giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, xem cửa hàng và đồng ý cho tôi vay 500 triệu đồng. Nếu chưa đăng ký kinh doanh, ngân hàng sẽ chỉ cho vay một khoản nhỏ như trước.

► Phỏng vấn sâu, hộ kinh doanh dược phẩm và thực phẩm ở tỉnh

Sau khi đăng ký kinh doanh, khi tôi xin vay vốn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh, tôi được cấp tín dụng gấp ba lần so với trước đây dù tài sản thế chấp vẫn là nhà của vợ chồng tôi.

► Phỏng vấn sâu, hộ làm mộc ở tỉnh

Lợi ích thứ ba được ghi nhận từ việc đăng ký kinh doanh là “nhận được sự hỗ trợ từ chính quyền địa phương trong sản xuất và kinh doanh” (33%) (Hình 2). Đáng chú ý là không có sự khác biệt đáng kể nào được ghi nhận giữa các thành phố và tỉnh. Điều này cho thấy các tỉnh, thành phố đều thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển kinh doanh. Điều quan trọng cần lưu ý là khi đề cập đến “chính quyền địa phương”, các hộ kinh doanh đã đăng ký không phân biệt được giữa “chính quyền” và “các tổ chức xã hội, công đoàn” và “hiệp hội doanh nghiệp” vì các tổ chức này thường phối hợp chặt chẽ để hỗ trợ phát triển kinh tế. Điều này được minh họa bởi một hộ kinh doanh nêu bật những lợi ích của việc đăng ký kinh doanh sau khi tham gia Ngày Doanh nhân Việt Nam do Ủy ban Nhân dân huyện phối hợp với Hiệp hội Doanh nhân huyện tổ chức.

► **Hộp 5. Lợi ích từ sự hỗ trợ của chính quyền địa phương sau khi đăng ký kinh doanh**

► Khi về hưu, tôi bắt đầu công việc kinh doanh. Sau khi đăng ký kinh doanh, tôi đăng ký trở thành thành viên của hiệp hội doanh nghiệp. Tôi đóng phí hội viên vài triệu đồng một năm. Tại các sự kiện và hội chợ xúc tiến thương mại, tôi được hỗ trợ gian hàng giới thiệu sản phẩm, đôi khi là miễn phí. Tôi đã có thêm nhiều khách hàng hơn kể từ khi tham gia các hoạt động giới thiệu sản phẩm này. Cửa hàng của tôi nằm trong một ngõ nhỏ. Tôi không sử dụng mạng xã hội, vì vậy tôi chủ yếu có được khách hàng mới từ việc tham gia các sự kiện giới thiệu sản phẩm của quận và thành phố.

► Phỏng vấn sâu một doanh nghiệp phân phối sản phẩm trà thảo dược tại thành phố Hồ Chí Minh

Lợi ích thứ tư được ghi nhận là nhận được sự hướng dẫn từ các cơ quan quản lý chuyên ngành (30%), bao gồm phòng cháy chữa cháy, an toàn và vệ sinh thực phẩm, y tế, điện lực và BHXH (Hình 2). Tỷ lệ các hộ kinh doanh do phụ nữ điều hành ghi nhận lợi ích này cao hơn so với các hộ kinh doanh do nam giới điều hành. Tỷ lệ chủ hộ kinh doanh ở các tỉnh nhận thấy lợi ích này cao hơn gấp hai lần so với các chủ hộ kinh doanh ở thành phố (lần lượt là 45% và 20%). Sự khác biệt này có thể do các hộ kinh doanh ở thành phố có cơ hội tiếp cận thông tin pháp lý đa dạng hơn. Dữ liệu từ các cuộc phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm tập trung cũng củng cố những phát hiện này.

▶ **Hộp 6. Ghi nhận của hộ kinh doanh về hướng dẫn của cơ quan chuyên ngành sau khi đăng ký kinh doanh**

Thành phố	Tỉnh
■ Dù bạn kinh doanh trong lĩnh vực nào thì bạn cũng phải tìm hiểu các quy định của chính phủ, chẳng hạn như về an toàn thực phẩm và phòng cháy chữa cháy. Nếu không tuân thủ, bạn sẽ bị phạt khi họ đến kiểm tra. Tôi chưa bao giờ được hướng dẫn về thủ tục đăng ký bảo hiểm xã hội bắt buộc cho người lao động, mặc dù tôi tuyển dụng 11 nhân viên phục vụ và nhân viên bếp. Nếu các cơ quan quản lý thị trường đến kiểm tra, họ sẽ phạt chúng tôi nếu chúng tôi làm sai. Khi phạt, họ sẽ giải thích chúng tôi vi phạm quy định nào. Nhưng họ không hướng dẫn chúng tôi tuân thủ các quy định của thị trường khi kinh doanh.	■ Sau khi đăng ký kinh doanh, tôi có thể tham gia các khóa đào tạo về an toàn thực phẩm khá thường xuyên, gần như mỗi năm. Chính quyền xã thông báo thời gian và địa điểm. Tôi được cơ quan điện lực hướng dẫn cần đăng ký kinh doanh để lắp đặt đường dây điện ba pha, vì vậy tôi đã đăng ký kinh doanh. Thủ tục rất thuận lợi. Gần đây, có một người từ cơ quan bảo hiểm xã hội của huyện đến hướng dẫn và tính toán phí bảo hiểm cho các chủ hộ kinh doanh đăng ký theo quy định mới.¹¹

▶ Phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm tập trung với chủ hộ kinh doanh đã đăng ký

Các lợi ích khác từ việc đăng ký kinh doanh được ghi nhận bao gồm sự tin tưởng của người mua tăng lên (19%), tăng doanh thu và khách hàng (10%), dễ dàng tuyển dụng lao động (9%), sự tin tưởng từ nhà cung cấp nguyên liệu đầu vào (8%), đăng ký BHXH cho người lao động (6%) và thuận lợi cho việc bán hàng trên các nền tảng thương mại điện tử (5%).

¹¹ Theo Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024, các chủ doanh nghiệp đã đăng ký có thể tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc từ ngày 1 tháng 7 năm 2025.

► **Hộp 7. Xây dựng lòng tin: Sự tin tưởng của khách hàng và thành công trong hoạt động kinh doanh**

► Sau khi hoàn tất đăng ký kinh doanh, tôi đã làm biển hiệu cho cửa hàng, bao gồm cả số đăng ký kinh doanh, vì vậy khách hàng tin tưởng tôi hơn và đến mua nhiều hơn. Doanh thu cũng cao hơn.

► Phỏng vấn sâu, hộ kinh doanh dịch vụ đại lý viễn thông ở tỉnh

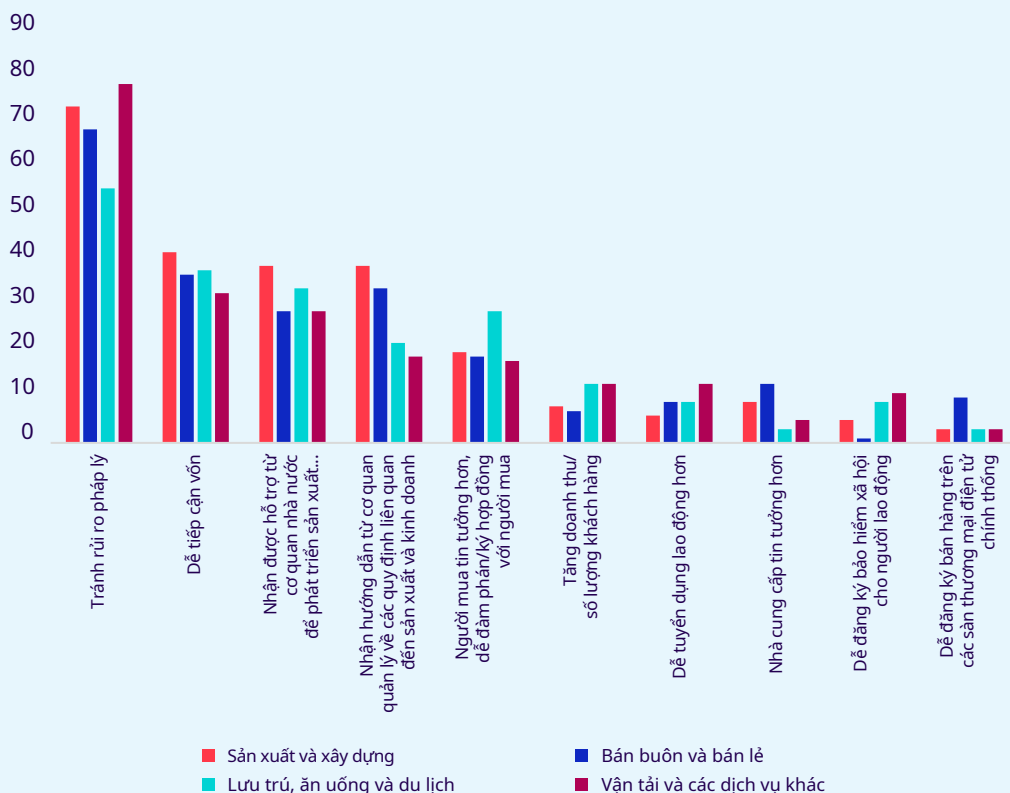
► Tôi kinh doanh theo hình thức có điều kiện nên tôi buộc phải đăng ký kinh doanh. Các công ty sản xuất dược phẩm sẽ không bao giờ làm ăn với các hiệu thuốc không có giấy phép kinh doanh. Họ cũng yêu cầu các giấy phép khác do ngành y tế cấp.

► Hộ kinh doanh dược phẩm và thực phẩm ở tỉnh

► Tôi cũng tuyển rất nhiều nhân viên phục vụ bàn và nhân viên bếp. Cơ sở kinh doanh của tôi có giấy phép và khi nói chuyện với người lao động từ các tỉnh khác, họ tin rằng tôi không lừa họ.

► Phỏng vấn sâu một công ty trách nhiệm hữu hạn, kinh doanh thực phẩm với hơn 10 nhân viên, thành lập tại một quận ở thành phố

► **Hình 3. Lợi ích sau khi đăng ký kinh doanh theo ghi nhận từ các hộ kinh doanh đã đăng ký (%)**



Nguồn: Tổng hợp của tác giả dựa trên khảo sát các cá nhân kinh doanh và hộ kinh doanh

► Phỏng vấn sâu, hộ kinh doanh dịch vụ đại lý viễn thông ở tỉnh

Lợi ích đăng ký kinh doanh, theo ghi nhận từ các hộ kinh doanh đã đăng ký, cũng khác nhau tùy theo lĩnh vực kinh tế (Hình 3). Chẳng hạn như, tránh rủi ro pháp lý vẫn là lợi ích hàng đầu đối với các doanh nghiệp trong lĩnh vực vận tải, trái ngược với các doanh nghiệp lưu trú, ăn uống và du lịch. Tỷ lệ doanh nghiệp cho biết nhận được hỗ trợ từ chính quyền địa phương hoặc hướng dẫn từ các cơ quan quản lý là cao nhất trong lĩnh vực sản xuất và xây dựng. Điều này hàm ý rằng, mặc dù chính quyền đã nỗ lực hỗ trợ các hộ kinh doanh, vẫn cần có sự hỗ trợ tập trung vào các hộ kinh doanh sản phẩm và dịch vụ cụ thể (Hộp 8).

► Hộp 8. Khó được hỗ trợ: Quan điểm của chủ hộ kinh doanh đã đăng ký và chưa đăng ký

► Tôi chưa thấy bất cứ chính quyền hay tổ chức nào hỗ trợ dịch vụ của tôi. Họ chỉ đến nhắc nhở tôi trước tiên phải đăng ký kinh doanh, sau đó nhắc nhở tôi về trật tự xã hội.

► Phỏng vấn sâu, nhà nghỉ đăng ký hộ kinh doanh do một người sở hữu, tỉnh

► Tôi chưa đăng ký kinh doanh vì quy mô kinh doanh rất nhỏ, nhưng quan trọng hơn là tôi chưa thấy bất kỳ lợi ích nào. Chính quyền địa phương ở đây thường hỗ trợ các hợp tác xã nông nghiệp và các hộ gia đình sản xuất các sản phẩm đặc sản, nhưng đối với dịch vụ vận tải như của tôi thì không có chương trình hỗ trợ nào. Vì thế, có đăng ký kinh doanh cũng không khác gì.

► Phỏng vấn sâu, doanh nghiệp vận tải chưa đăng ký ở một tỉnh

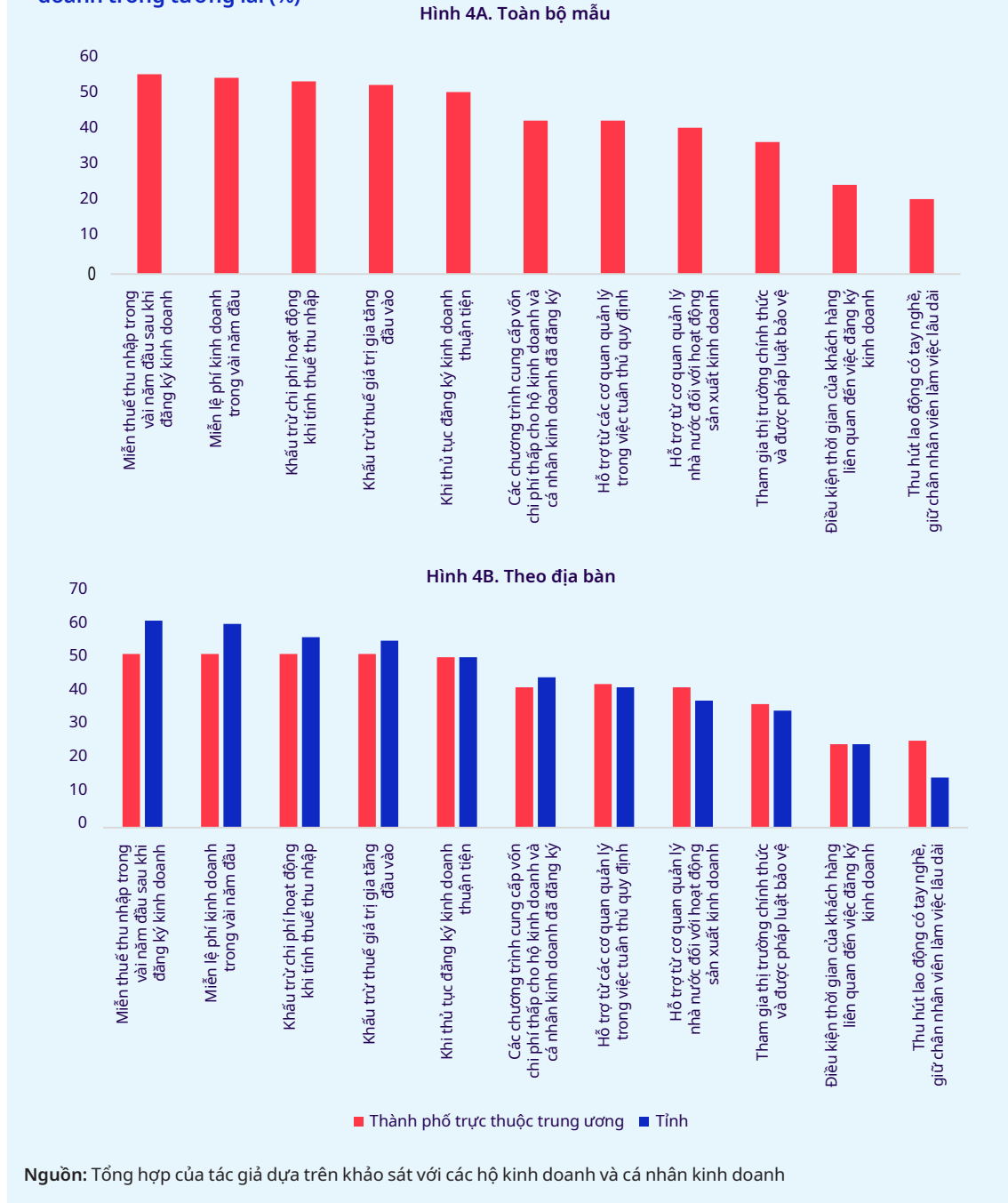
► Tôi đã đăng ký kinh doanh để tuân thủ pháp luật, nhưng tôi không thấy bất kỳ sự hỗ trợ nào ngay cả trong những năm khó khăn thời kỳ COVID. Kinh doanh ngày càng khó khăn, lợi nhuận ngày càng giảm. Tôi cũng không thể cạnh tranh với những người bán hàng trực tuyến không phải trả chi phí thuê cửa hàng. Tôi không biết liệu họ có đăng ký kinh doanh hay không.

► Phỏng vấn sâu, người bán thiết bị câu cá đã đăng ký kinh doanh ở một thành phố

Các yếu tố có thể thúc đẩy việc chính thức hóa được ghi nhận bởi các hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh chưa đăng ký.

Thông tin về lợi ích của việc chính thức hóa đối với các hộ kinh doanh chưa đăng ký và cá nhân kinh doanh (Hình 4) có thể ảnh hưởng đến quyết định đăng ký trong tương lai và đóng vai trò rất quan trọng cần xem xét khi xây dựng các chính sách nhằm thúc đẩy chính thức hóa. Các yếu tố tác động này được ghi nhận cho toàn bộ mẫu (4A) và phân theo người trả lời phỏng vấn ở các thành phố trực thuộc trung ương và tỉnh (4B).

► Hình 4. Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định đăng ký của hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh trong tương lai (%)



Kết quả cho thấy các ưu đãi về thuế là yếu tố then chốt ảnh hưởng đến quyết định chính thức hóa kinh doanh của các hộ kinh doanh chưa đăng ký và cá nhân kinh doanh, chủ yếu là miễn thuế thu nhập (56%), phí cấp phép kinh doanh (55%), cũng như khấu trừ chi phí hoạt động (54%) và thuế GTGT đầu vào (53%). Điều này nhấn mạnh vai trò quan trọng của các ưu đãi thuế trong việc thúc đẩy chính thức hóa. Một yếu tố quan trọng khác thúc đẩy việc chính thức hóa là các thủ tục đăng ký kinh doanh thuận tiện (51%). Khoảng 40%-50% người trả lời phỏng vấn ghi nhận là các chương trình tiếp cận

vốn với chi phí thấp cũng như sự hỗ trợ theo các khung pháp lý và từ các cơ quan quản lý. Điều này cho thấy, ngoài các ưu đãi về thuế và quy trình đăng ký thuận lợi, sự hỗ trợ từ các cơ quan nhà nước cũng là một yếu tố quan trọng thúc đẩy chính thức hóa.

Các động lực tiềm năng khác thúc đẩy chính thức hóa gồm có tham gia thị trường chính thức và được pháp luật bảo vệ (37% số người được phỏng vấn), tránh các điều kiện do khách hàng đặt ra (25%) và khả năng thu hút lao động lành nghề và giữ chân người lao động (21%). Trong các cuộc thảo luận nhóm tập trung và phỏng vấn sâu, các chủ đơn vị kinh doanh thường thừa nhận họ đăng ký là do yêu cầu của khách hàng hoặc nhà cung cấp trước khi ký hợp đồng. Mặc dù một số khách hàng yêu cầu hóa đơn tài chính để tiến hành giao dịch, trong trường hợp số tiền nhỏ, các đơn vị kinh doanh đã tìm cách đáp ứng yêu cầu mà không cần đăng ký kinh doanh chính thức.

► Hộp 9. Vấn đề hóa đơn tài chính: Chia sẻ từ các chủ đơn vị kinh doanh chưa đăng ký

Trước đây, khi tôi mới mở dịch vụ ăn uống và chưa đăng ký kinh doanh, tôi không thể xuất hóa đơn tài chính cho người mua. Nếu có người mua nào yêu cầu, thường là các cơ quan hoặc tổ chức nhà nước, tôi sẽ nhờ bạn bè ở các doanh nghiệp đã đăng ký xuất hóa đơn tài chính giúp tôi. Vì tôi không có nhiều khách hàng như vậy, tôi đã nghĩ rằng việc đăng ký kinh doanh là không cần thiết, nhưng sau này khi nhiều khách hàng thường xuyên yêu cầu hóa đơn tài chính, tôi đã cân nhắc việc đăng ký kinh doanh.

► Phỏng vấn sâu, cá nhân kinh doanh thực phẩm tại một quận, thành phố

Tôi làm nghề lái xe và nhiều khách hàng yêu cầu hóa đơn tài chính, đặc biệt là các khách hàng là cán bộ của các cơ quan nhà nước, tổ chức hoặc công ty đi và về từ sân bay. Nhưng tôi có thể nhờ bạn bè xuất hóa đơn hộ. Tôi có một người bạn làm việc trong một công ty vận tải. Chúng tôi chỉ cần đóng đủ thuế cho mỗi hóa đơn được xuất, thế là xong. Tôi thấy không cần thiết phải đăng ký kinh doanh.

► Phỏng vấn sâu, doanh nghiệp vận tải ở thành phố

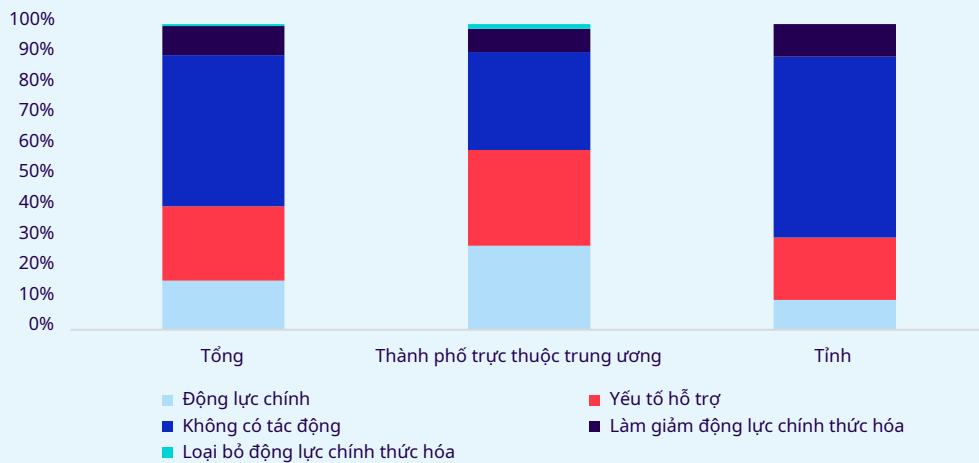
Bằng chứng cũng làm nổi bật sự khác biệt giữa các động lực thúc đẩy chính thức hóa theo địa bàn (Hình 4). Nhìn chung, tất cả các ưu đãi về thuế đều được ghi nhận bởi tỷ lệ doanh nghiệp chưa đăng ký cao hơn ở các tỉnh so với các thành phố trực thuộc trung ương. Điều này có thể cho thấy rằng các hộ kinh doanh chưa đăng ký và cá nhân kinh doanh ở tỉnh đang bị hạn chế về tín dụng và sẽ được hưởng lợi nhiều hơn từ các ưu đãi về thuế để chính thức hóa. Ngược lại, các hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh chưa đăng ký ở các thành phố trực thuộc trung ương nhấn mạnh lợi ích từ việc thu hút lao động có tay nghề và giữ chân người lao động, phản ánh sự cạnh tranh cao hơn về lao động trong môi trường đô thị.

Khảo sát cũng tìm hiểu về vai trò của BHXH bắt buộc như một động lực tiềm năng đối với chính thức hóa (Hình 5). Theo Luật BHXH (2014), những người sử dụng lao động tư nhân có nghĩa vụ phải tham gia BHXH bắt buộc. Từ năm 2024, quy định này cũng đã được mở rộng tới các chủ hộ kinh doanh. Trong khảo sát, có 266 hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh chưa đăng ký tham gia trả lời câu hỏi về vai trò của BHXH. Người được hỏi có thể lựa chọn xem việc tham gia BHXH bắt buộc là động lực chính, là yếu tố hỗ trợ, không ảnh hưởng, hoặc thậm chí làm giảm khả năng chính thức hóa.

Nhìn chung, câu trả lời của người tham gia phỏng vấn cho thấy BHXH bắt buộc chưa phải là động lực chính thúc đẩy việc chính thức hóa. Chỉ 16% hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh chưa đăng ký xác định đây là yếu tố chính, trong khi 24% liệt kê đây là yếu tố hỗ trợ. Một nửa số người tham gia phỏng vấn cho biết BHXH bắt buộc không ảnh hưởng đến quyết định chính thức hóa, trong khi 10% cho biết quy định này có thể khiến họ ngần ngại hoặc không muốn chính thức hóa. Do đó cần phải triển khai các giải pháp đổi mới linh hoạt hơn, kết hợp các ưu đãi về thuế với các ưu đãi về BHXH nhằm khuyến khích doanh nghiệp chính thức hóa song song với việc mở rộng diện bao phủ của BHXH.

Đáng chú ý, vai trò của BHXH cũng khác nhau theo từng địa bàn. Tại các thành phố trực thuộc trung ương, BHXH được xem là yếu tố quan trọng hơn, với 28% coi là động lực chính và 31% coi là động lực hỗ trợ. Tổng cộng, 59% số người được hỏi tại khu vực này đánh giá BHXH có ảnh hưởng đến quyết định chính thức hóa, cao hơn nhiều so với mức 30% ở các tỉnh. Những phát hiện này một lần nữa phản ánh tầm quan trọng của các ưu đãi về thuế ở các tỉnh so với các thành phố trực thuộc trung ương.

► **Hình 5. Vai trò của bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với quyết định chính thức hóa của hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh chưa đăng ký (%)**



Nguồn: Tổng hợp của tác giả dựa trên khảo sát các hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh

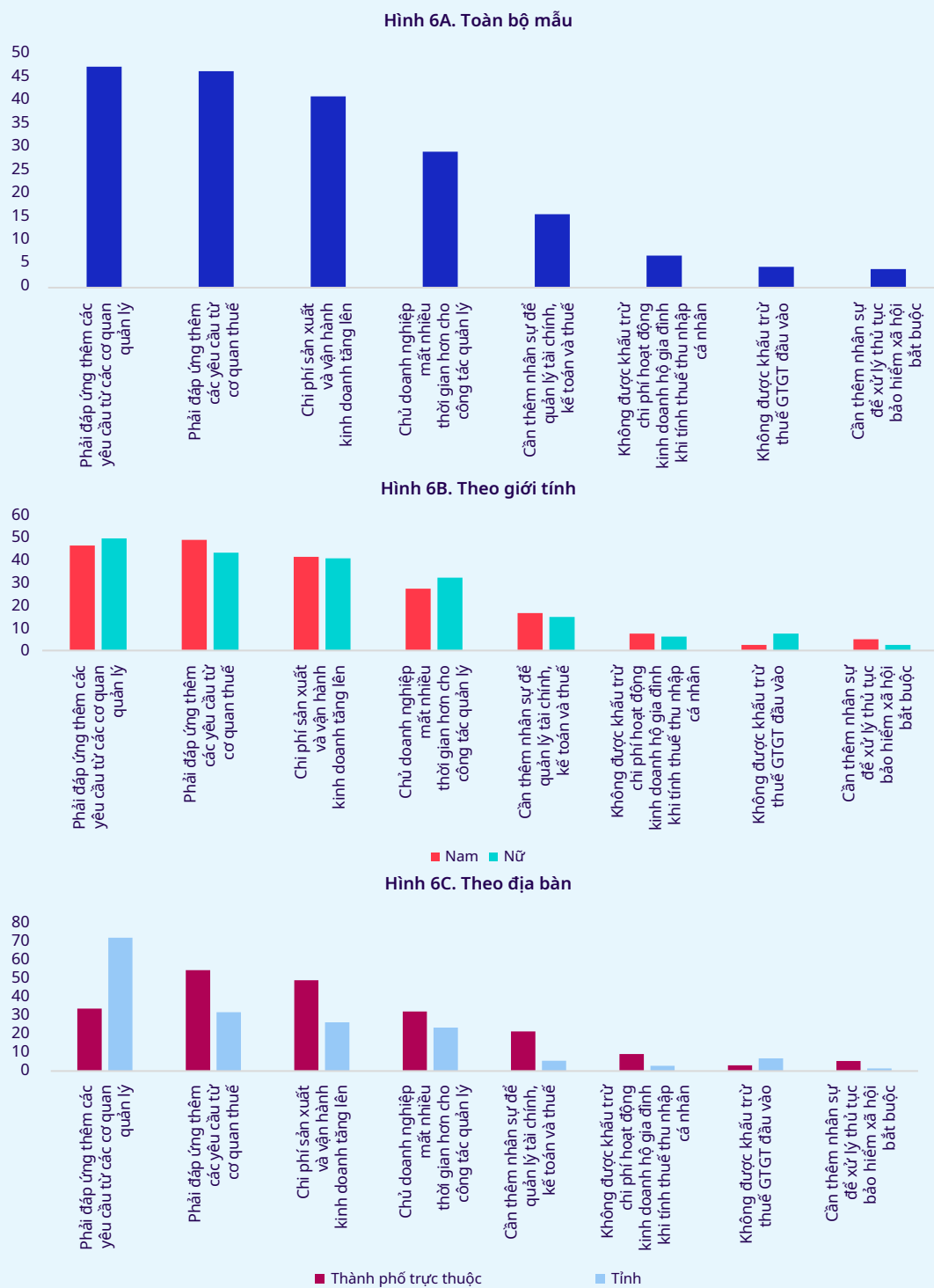
2.3 Những trở ngại đối với công cuộc chính thức hóa

Ba thách thức được ghi nhận nhiều nhất trong công cuộc chính thức hóa là:

- 47,5% số người được hỏi cho biết họ gặp khó khăn liên quan đến việc “phải đáp ứng nhiều yêu cầu hơn từ các cơ quan quản lý nhà nước (ngoài cơ quan thuế)”
- 46,5% số người được hỏi ghi nhận trở ngại liên quan đến việc “đáp ứng các yêu cầu ngày càng tăng từ cơ quan thuế”
- 41% số người được hỏi cho biết rằng “chi phí sản xuất và hoạt động kinh doanh tăng lên”

Hình 6 trình bày các kết quả khảo sát chính đối với toàn bộ mẫu các hộ kinh doanh đã đăng ký được phỏng vấn (6A), phân loại theo giới tính (6B) và địa điểm (6C).

► Hình 6. Tỷ lệ các hộ kinh doanh đã đăng ký ghi nhận khó khăn sau khi đăng ký kinh doanh (%)



Nguồn: Tổng hợp của tác giả dựa trên khảo sát hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh

Phân tích sâu hơn dữ liệu cho thấy khó khăn được ghi nhận nhiều nhất là các yêu cầu quản lý khắt khe của Nhà nước (47,5%). Tỷ lệ phụ nữ phản ánh khó khăn này (49%) cao hơn nam giới (46%). Điều này cũng phù hợp với bằng chứng từ ILO (2024a) cho thấy mặc dù việc làm phi chính thức cao hơn ở nam giới, nhưng phụ nữ lại thường phải đối mặt với điều kiện làm việc đặc biệt bất bình. Sự khác biệt trong phản hồi rõ rệt hơn theo địa bàn, theo đó trở ngại này được ghi nhận bởi 72% hộ kinh doanh đã đăng ký ở các tỉnh, so với 34% ở các thành phố trực thuộc trung ương. Điều này phản ánh thực tế là các doanh nghiệp đã đăng ký ở thành phố chủ động hơn trong việc tìm hiểu các quy định pháp luật liên quan đến ngành nghề kinh doanh, từ đó giảm bớt khó khăn trong việc đáp ứng các yêu cầu của cơ quan quản lý.

Thách thức phổ biến thứ hai là đáp ứng các yêu cầu của cơ quan thuế (46,5%). Tỷ lệ người trả lời ở các thành phố trực thuộc trung ương ghi nhận đây là trở ngại cho việc chính thức hóa (55%) cao hơn so với tỷ lệ này ở các tỉnh (32%). Trong các thảo luận nhóm, các hộ kinh doanh cho biết sau khi đăng ký, cơ quan thuế sẽ ấn định mức thuế khoán phải nộp hàng năm. Khi có thêm doanh thu hoặc phát hành hóa đơn tài chính, các hộ kinh doanh phải thực hiện thêm nhiều thủ tục khác. Chủ hộ kinh doanh cũng chia sẻ rằng khi làm việc với cơ quan thuế, những thách thức đặc thù mà các hộ kinh doanh phải đối diện chưa được xem xét đầy đủ.

► Hộp 10. Ứng phó với thách thức về thuế: Tác động của đại dịch và gánh nặng tuân thủ



Tôi kinh doanh tạp hóa. Hàng năm, cơ quan thuế ước tính mức doanh thu để tính thuế khoán mà doanh nghiệp tôi phải nộp. Nhưng trong thời kỳ đại dịch, chúng tôi hoàn toàn chuyển sang kinh doanh trực tuyến, và gần đây bị tính thêm thuế và phí phạt nộp chậm lên đến hơn 70 triệu đồng. Doanh thu chịu thuế bổ sung này bao gồm cả doanh thu từ thời kỳ COVID. Sau đó, tôi đã ngừng bán hàng trực tuyến vì không muốn phải chịu thuế hoặc phí phạt nộp chậm. Tôi thấy như vậy là không công bằng khi áp dụng mức doanh thu để tính thuế khoán, chúng tôi không được hướng dẫn đầy đủ rằng thuế khoán chỉ áp dụng cho bán hàng trực tiếp. Khi tính toán thuế suất từ doanh thu bán hàng trực tuyến, cán bộ thuế đề cập đến nhiều quy định, nhưng một người kinh doanh như tôi không hiểu hết các quy định này. Vì vậy tôi đành nộp thêm thuế và phí phạt nộp chậm để tránh vi phạm pháp luật.

► Phỏng vấn sâu hộ kinh doanh ở một quận

Khó khăn đáng chú ý thứ ba mà người tham gia trả lời khảo sát gặp phải là chi phí sản xuất và vận hành tăng cao (41%), vấn đề này được ghi nhận phổ biến bởi các doanh nghiệp đăng ký tại thành phố (49%), cao so với các doanh nghiệp tại tỉnh (26%) và không có sự khác biệt đáng kể khi phân theo giới tính. Điều quan trọng cần lưu ý là bản thân việc đăng ký kinh doanh không phải là nguyên nhân trực tiếp gây tăng chi phí mà đó là do việc tuân thủ các yêu cầu pháp lý, chẳng hạn như mua sắm thiết bị để đáp ứng các tiêu chuẩn an toàn phòng cháy chữa cháy, quy định về vệ sinh và an toàn thực phẩm. Hơn nữa, việc chính thức hóa thường thể hiện cam kết được pháp luật, khách hàng và nhà cung cấp công nhận chính thức, điều này thường thúc đẩy chủ hộ đầu tư nâng cấp cơ sở để tăng cường uy tín và sức cạnh tranh.

► **Hộp 11. Sự thuận tiện và hiệu quả của việc đăng ký kinh doanh đối với các hộ kinh doanh**

► Tôi thấy việc đăng ký kinh doanh rất thuận lợi. Chỉ cần một lần đến văn phòng đăng ký, hoàn tất thủ tục trực tuyến là xong. Tôi không nhớ có khoản phí nào khác không, chắc hẳn là rất nhỏ nên tôi không nhớ nữa.”

“Tôi tự mình thực hiện các thủ tục đăng ký kinh doanh mà không cần thuê ai tư vấn hay làm hộ. Các thủ tục rất thuận tiện và nhanh chóng, chỉ mất một buổi thôi.

► Thảo luận nhóm tập trung, các hộ kinh doanh đã/chưa đăng ký, tỉnh

Trở ngại được ghi nhận nhiều thứ tư là hạn chế về thời gian đối với chủ hộ (29%). Trở ngại này được ghi nhận bởi phụ nữ (32%) nhiều hơn nam giới (27%). Tỷ lệ này cũng cao hơn ở các thành phố trực thuộc trung ương (32%) so với các tỉnh (24%). Các cuộc thảo luận nhóm tập trung và phỏng vấn sâu cho thấy trở ngại này phổ biến hơn ở những chủ hộ kinh doanh có doanh thu cao hơn, quy mô hoạt động tương đối lớn hơn và sử dụng lao động ngoài gia đình.

► **Hộp 12. Gánh nặng của việc chính thức hóa: Quan điểm của một chủ hộ kinh doanh**

► Chủ hộ kinh doanh khác với chủ công ty ở chỗ chúng tôi phải tự quản lý mọi thứ. Chúng tôi mua hàng, sản xuất hàng hóa, giao hàng, trả hàng, giải quyết khiếu nại. Chủ hộ kinh doanh luôn phải có mặt ở cửa hàng, không có quản lý hỗ trợ. Mỗi khi chính quyền yêu cầu chúng tôi đi học về một quy định nào đó thì lại mất rất nhiều thời gian. Và họ chỉ gọi những hộ kinh doanh đã đăng ký, còn nhiều hộ kinh doanh chưa đăng ký cũng kinh doanh tôi lại không bị gọi đi tập huấn.

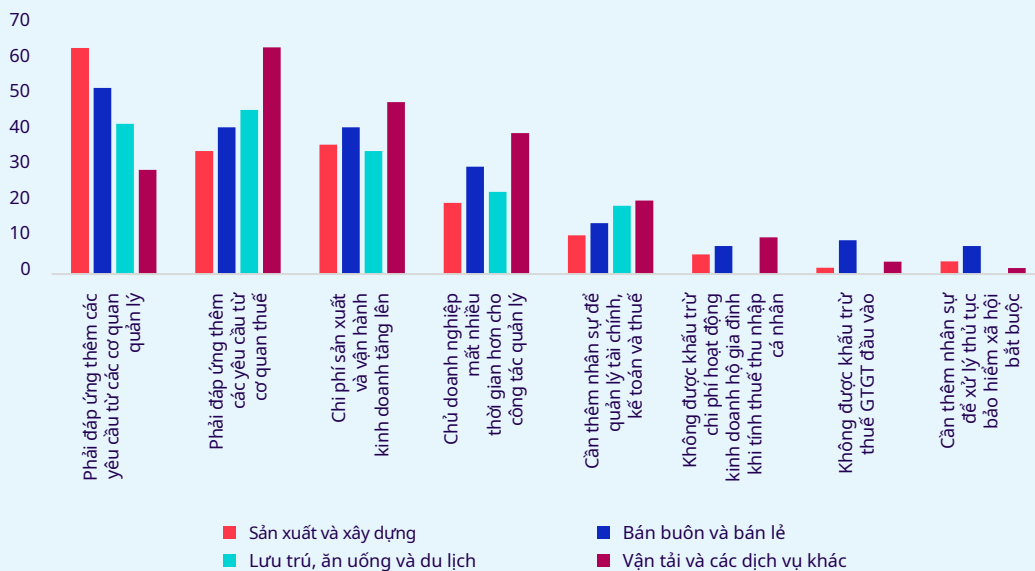
Hiện nay có rất nhiều thủ tục cải cách. Khi kinh doanh khó khăn, tôi chỉ lo làm sao kiếm đủ tiền mỗi ngày để trang trải chi phí, chứ không phải lo về thủ tục thuế hay tìm hiểu về các quy định môi trường. Nếu kinh doanh có lãi thì không sao, nhưng nếu doanh thu và khách hàng giảm như sau COVID đến giờ, chúng tôi chỉ muốn dành thời gian tập trung vào việc khôi phục kinh doanh và không thể nghĩ đến bất cứ điều gì khác.

► Thảo luận nhóm tập trung, chủ hộ kinh doanh, quận, thành phố

Những khó khăn khác sau khi đăng ký kinh doanh bao gồm việc thuê thêm nhân viên để quản lý tài chính, kế toán và thuế (16%), khấu trừ chi phí hoạt động kinh doanh hộ gia đình để tính thuế TNCN (7%) và khấu trừ thuế GTGT đầu vào (5%), và thuê thêm nhân viên để quản lý các thủ tục BHXH bắt buộc (4%). Nhìn chung, các thủ tục hành chính liên quan đến thuế và bảo hiểm đang tạo ra rào cản đáng kể đối với quá trình chính thức hóa, đòi hỏi cần tiếp tục đơn giản hóa và tăng cường sự gắn kết giữa chính sách chính thức hóa và mở rộng diện bao phủ BHXH.

Trở ngại sau đăng ký trên các lĩnh vực (Hình 7) cho thấy các hộ kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất và xây dựng bị ảnh hưởng nhiều nhất bởi các yêu cầu bổ sung của cơ quan quản lý, tiếp đến là lĩnh vực thương mại bán buôn và bán lẻ, lĩnh vực lưu trú, ăn uống và du lịch, và cuối cùng là vận tải và các dịch vụ khác. Ngược lại khi xét về khó khăn liên quan đến đáp ứng các yêu cầu bổ sung của cơ quan thuế, thứ hạng trên lại đảo ngược.

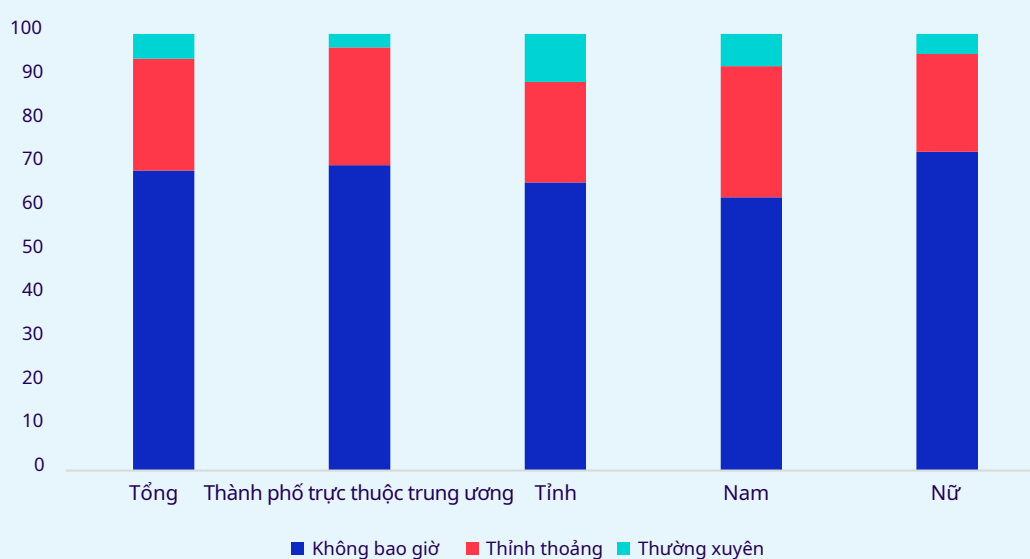
► Hình 7. Khó khăn sau khi đăng ký kinh doanh của các hộ kinh doanh đã đăng ký theo lĩnh vực (%)



Nguồn: Tổng hợp của tác giả dựa trên khảo sát với các cá nhân kinh doanh và hộ kinh doanh

Những trở ngại trong việc chính thức hóa theo ghi nhận của các hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh chưa đăng ký: Phần lớn các hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh (68%) chưa bao giờ tính đến việc đăng ký (Hình 8), với ít sự khác biệt theo địa bàn và giới tính của người trả lời phỏng vấn. 26% người trả lời phỏng vấn cho biết rằng họ đã cân nhắc đến việc chính thức hóa nhưng chưa thực hiện. Chỉ có 6% đã cân nhắc bước này nhiều lần.

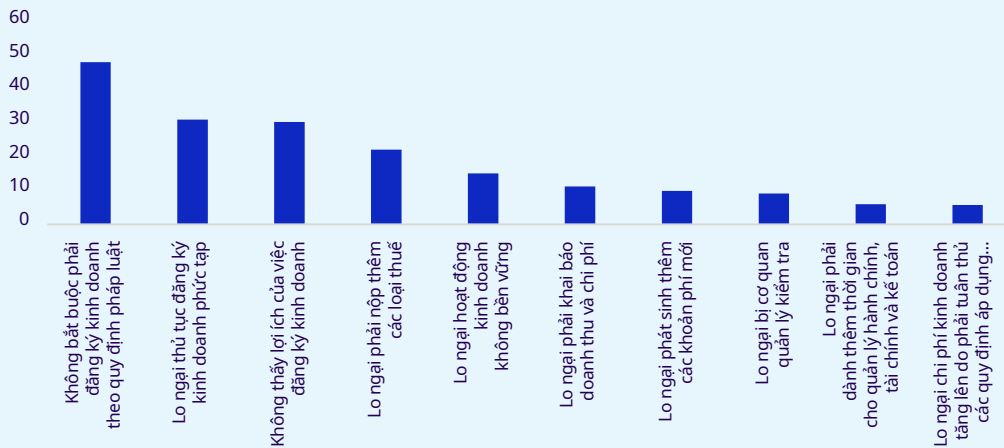
► Hình 8. Tỷ lệ các hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh đang cân nhắc đăng ký (%)



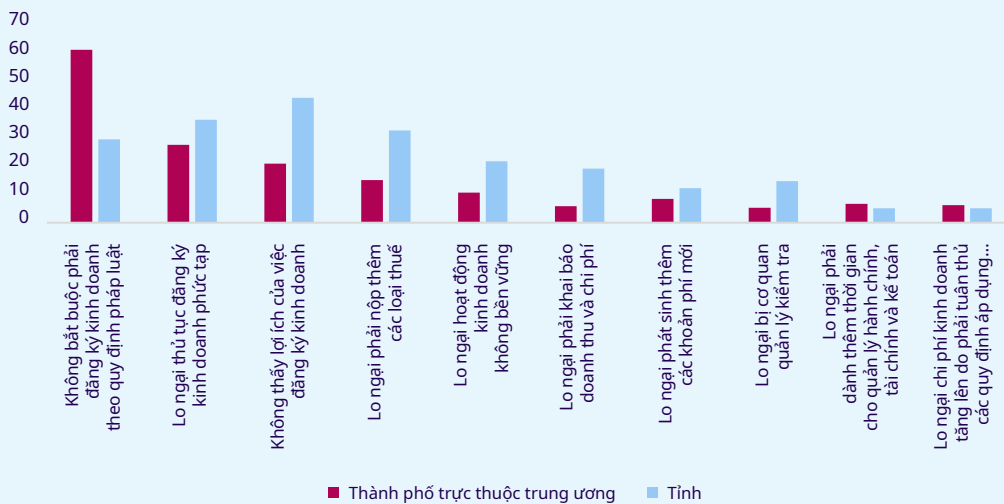
Nguồn: Tổng hợp của tác giả dựa trên khảo sát với các cá nhân kinh doanh và hộ kinh doanh

Do phần lớn người trả lời phỏng vấn là các đơn vị kinh doanh chưa đăng ký chưa từng cân nhắc đến việc chính thức hóa, vấn đề quan trọng là phải hiểu điều gì đang cản trở họ. Kết quả về những trở ngại được ghi nhận đối với việc chính thức hóa trong số các hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh chưa đăng ký được thể hiện tại Hình 9, theo toàn bộ mẫu (9A) và theo địa điểm (9B).

► **Hình 9. Các lý do khác nhau được các hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh chưa đăng ký nêu ra (%)**



Hình 9B. Theo địa bàn



Nguồn: Tổng hợp của tác giả dựa trên khảo sát với các cá nhân kinh doanh và hộ kinh doanh

Lý do phổ biến nhất của việc không đăng ký là niềm tin rằng việc này không bắt buộc (48%), với tỷ lệ cao hơn ở các thành phố trực thuộc trung ương (61%) so với các tỉnh (30%). Cần đẩy mạnh các chiến dịch truyền thông và nâng cao nhận thức để thúc đẩy thay đổi quan điểm này.

- ▶ Thảo luận nhóm tập trung, các hộ kinh doanh đã/chưa đăng ký, tỉnh

▶ **Hộp 13. Sự cần thiết của đăng ký kinh doanh: Quan điểm của các hộ kinh doanh địa phương**

▶ Tôi bán hàng ăn sáng từ 6 giờ sáng đến 10 giờ sáng rồi nghỉ. Tôi bán ngay trước nhà, gần trường học, vì vậy tôi chỉ bán khi học sinh đến trường. Bán bữa sáng như tôi làm chỉ là một cách để kiếm lời, chứ không phải là một “doanh nghiệp” cần đăng ký. Tôi chưa thấy bất kỳ cán bộ xã nào đến nhắc tôi phải đăng ký kinh doanh.

▶ Phỏng vấn sâu một hộ kinh doanh ở tỉnh

▶ Tôi chỉ có một chiếc xe tải nhỏ chạy quanh chợ phế liệu và vật liệu xây dựng cho người dân. Tôi có thể tiết kiệm được vài triệu đồng mỗi tháng, vì vậy tôi không cần phải đăng ký kinh doanh. Tôi không cần vay vốn để kinh doanh nên có lẽ tôi không cần đăng ký kinh doanh.

▶ Phỏng vấn sâu một cá nhân kinh doanh vận tải ở tỉnh

Lý do phổ biến thứ hai là lo ngại về thủ tục đăng ký kinh doanh phức tạp (31%), với tỷ lệ cao hơn ở các tỉnh so với các thành phố trực thuộc trung ương. Đáng chú ý là quan điểm của các cán bộ phụ trách đăng ký kinh doanh và các cá nhân kinh doanh/hộ kinh doanh có vẻ khác nhau. Cụ thể là, theo phòng Tài chính và Kế hoạch cấp huyện, thủ tục đăng ký đã được đơn giản hóa, hiện nay chỉ mất ba ngày làm việc để hoàn tất sau khi đã tiếp nhận hồ sơ hợp lệ. Toàn bộ quy trình được thực hiện trực tuyến, hiện nay mã số đăng ký kinh doanh và mã số thuế của chủ doanh nghiệp hiện đã được hợp nhất và liên kết dữ liệu giữa cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan thuế đã được thiết lập đầy đủ. Ngược lại chủ các đơn vị kinh doanh chưa đăng ký thường bày tỏ lo ngại về việc không nộp được hồ sơ hợp lệ trong lần đầu tiên dẫn đến phải nộp lại nhiều lần.

► **Hộp 14. Vượt qua nỗi e ngại về thủ tục hành chính: những thách thức trong việc đăng ký kinh doanh**

► **Tôi sợ nhất là các thủ tục hành chính. Đăng ký hộ kinh doanh rất khó khăn. Có nhiều từ ngữ trong các văn bản giấy tờ mà tôi không biết mình có hiểu đúng hay không. Là một người kinh doanh ở nông thôn như tôi, tôi không được học hành nhiều. Tôi nghe những người khác đi đăng ký kinh doanh nói rằng “rất nhanh” nhưng tôi vẫn ngại. Và nhiều người lớn tuổi thậm chí còn ngại hơn khi làm thủ tục trực tuyến.**

► Phỏng vấn sâu, hộ kinh doanh tại một huyện thuộc tỉnh

► **Tôi kinh doanh nhỏ, chỉ bán hàng ăn sáng, tôi vẫn đang được hướng dẫn về an toàn và vệ sinh thực phẩm. Tôi không muốn đăng ký kinh doanh vì tôi không biết liệu có lợi ích gì không và tôi sợ phải trả thêm chi phí. Đăng ký kinh doanh cũng mất thời gian, tôi vẫn ngại làm các thủ tục hành chính. Mỗi khi phải đến cơ quan công quyền, tôi đều rất ngại.**

► Phỏng vấn nhóm tập trung, cá nhân kinh doanh chưa đăng ký tại một tỉnh

Lý do không đăng ký phổ biến thứ ba là không thấy được bất kỳ lợi ích nào liên quan (30%), với tỷ lệ trả lời cao hơn ở các tỉnh (44%) so với các thành phố (21%). Điều này có thể phản ánh nhận thức về lợi ích từ việc tuân thủ pháp luật thấp hơn ở các tỉnh, theo đó nhận thức về nguy cơ bị phạt do hoạt động kinh doanh phi chính thức thấp hơn.

Các lý do còn lại của việc không đăng ký bao gồm lo ngại phải đóng thuế nhiều hơn (22,3%), hoạt động kinh doanh không bền vững (15,2%), việc kê khai doanh thu và chi phí (11%), các khoản phí và lệ phí mới (10%) và việc kiểm tra của các cơ quan quản lý (9,2%).

3. Kinh nghiệm quốc tế về chính thức hóa và phát triển cá nhân kinh doanh

Chương trước đã làm rõ các rào cản khác nhau đối với việc chính thức hóa hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh chưa đăng ký tại Việt Nam. Trong số đó, rào cản nổi bật bao gồm thiếu kiến thức về các yêu cầu đăng ký, lo ngại về quy trình đăng ký phức tạp, và gánh nặng hành chính ngày càng tăng từ cơ quan thuế và các cơ quan quản lý khác. Kết quả là, hầu hết các hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh vẫn hoạt động phi chính thức, và khoảng 70% số hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh chưa đăng ký được khảo sát cho biết họ chưa tính đến việc đăng ký kinh doanh.

Tình trạng này có nguy cơ tạo ra khoảng cách giữa các doanh nghiệp đã đăng ký, hoạt động chính thức và nhận thức được nhiều lợi ích đi kèm, với các đơn vị kinh doanh chưa đăng ký, hoặc là không hiểu về các yêu cầu đăng ký hoặc hiểu sai về chi phí và lợi ích thực sự của việc chính thức hóa.

Trong bối cảnh như vậy, việc nghiên cứu cách các quốc gia khác đã giải quyết những rào cản đối với công cuộc chính thức hóa có thể đem lại những bài học quý giá cho các nhà hoạch định chính sách tại Việt Nam. Tất nhiên, mỗi quốc gia có những đặc điểm khác nhau về đặc tính của khu vực kinh tế phi chính thức, cơ cấu lao động các ngành, khung pháp lý và chính sách thuế. Do đó khi vận dụng những kinh nghiệm quốc tế cần xem xét kỹ bối cảnh Việt Nam. Mục tiêu của phần này không nhằm đưa ra các khuyến nghị chính sách cụ thể, mà là đưa ra một loạt ví dụ để tham khảo và lựa chọn hướng áp dụng phù hợp.

Nội dung chương này xoay quanh sáu nhóm chủ đề: (i) định nghĩa pháp lý về cá nhân kinh doanh, hoặc các loại hình tương tự như cá nhân kinh doanh và hộ kinh doanh của Việt Nam, (ii) thủ tục đăng ký kinh doanh và các yêu cầu hành chính khác, (iii) các chính sách áp dụng, bao gồm các trường hợp miễn trừ (thuế, tài sản, phá sản và kế toán), (iv) các biện pháp hỗ trợ tăng trưởng, (v) các chính sách thúc đẩy chuyển đổi thành doanh nghiệp chính thức và (vi) các chính sách có liên quan khác, bao gồm cả BHXH và quan hệ lao động. Phần lớn các kinh nghiệm này được trích từ các báo cáo mới đây của ILO tập trung vào khu vực châu Á - Thái Bình Dương (ILO, 2025a) hay đưa ra một góc nhìn mang tính toàn cầu (ILO, 2025b).

3.1 Định nghĩa pháp lý và các đặc điểm của hộ kinh doanh cá thể

Hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh đại diện cho một đặc tính đặc thù của nền kinh tế Việt Nam. Việc khởi nghiệp với loại hình kinh doanh này rất phổ biến nhờ sự đơn giản và chi phí thấp. Tuy nhiên, mặc dù đóng góp quan trọng vào tăng trưởng kinh tế và việc làm, địa vị pháp lý của các loại hình kinh doanh này vẫn chưa rõ ràng, dẫn đến những khó khăn trong hoạt động, đặc biệt là trong việc hiểu và áp dụng luật.

Việc nghiên cứu kinh nghiệm của các quốc gia khác trong nỗ lực xây dựng khung pháp lý rõ ràng, đơn giản và đảm bảo chi phí quản lý thấp cho loại hình kinh doanh này là rất cần thiết. Một số đặc trưng thuận lợi của hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh nên được duy trì, tuy nhiên, các khía cạnh khác cần được điều chỉnh theo hướng tăng tính minh bạch, thiết lập rõ ràng địa vị pháp lý, từ đó thúc đẩy chính thức hóa, mở rộng diện bao phủ BHXH.

Phần tiếp theo của báo cáo sẽ tìm hiểu kinh nghiệm của các nước Mỹ Latinh trong việc áp dụng cơ chế đơn giản hóa như một bước chuyển tiếp hướng tới chính thức hóa (Goldschmit & Cetrángolo, 2025).

Bối cảnh

Trước khi triển khai các cơ chế đơn giản hóa, hầu hết các nước Mỹ Latinh đều có khung pháp lý và quy định phức tạp, rời rạc và mang tính hình thức cao. Việc đăng ký kinh doanh thường đòi hỏi phải tiến hành nhiều bước tại các cơ quan khác nhau. Các thủ tục tuân thủ được thiết kế chủ yếu cho các doanh nghiệp

vừa và lớn, kéo theo chi phí hành chính và tài chính đáng kể, đặc biệt là đối với các doanh nghiệp siêu nhỏ và nhỏ. Các doanh nghiệp được yêu cầu tính toán và nộp nhiều loại thuế riêng biệt, bao gồm thuế TNCN, thuế GTGT, thuế kinh doanh địa phương và đóng BHXH (ECLAC, 2016; ILO, 2014). Việc ghi chép sổ sách và kê khai thường cần đến dịch vụ kế toán chuyên nghiệp thực hiện (Perry và cộng sự, 2007). Kết quả là, các đơn vị kinh doanh phi chính thức ít có động lực để chính thức hóa.

Những hạn chế này đã thúc đẩy một số quốc gia xây dựng các loại hình pháp lý đơn giản hóa hoặc mang tính chuyển tiếp nhằm giảm rào cản gia nhập, mở rộng phạm vi thu thuế và tăng cường khả năng tiếp cận an sinh xã hội. Cơ cấu doanh nghiệp và thị trường lao động của Việt Nam, như đã mô tả trong Chương 2, có nhiều đặc điểm tương đồng với bối cảnh thúc đẩy việc áp dụng các cơ chế đơn giản hóa ở Mỹ Latinh.

Các cơ chế đơn giản hóa: Phạm vi và thiết kế thể chế

Từ cuối những năm 1990, với làn sóng cải cách được khởi nguồn, nhiều nước Mỹ Latinh đã triển khai các cơ chế đơn giản hóa như Monotributo của Argentina (1998), SIMPLES Nacional (2006) và SIMEI (2009) ở Brazil, và Monotributo Social của Uruguay (2001, được mở rộng vào năm 2011). Các chương trình này được thiết kế riêng như một “cầu nối” giữa khu vực kinh tế phi chính thức và chính thức, hướng đến các doanh nghiệp nhỏ, doanh thu thấp và lao động tự làm thiếu khả năng tuân thủ thuế và bảo hiểm xã hội. Các mô hình này đã định nghĩa lại phạm vi chính thức hóa bằng cách đưa ra một địa vị pháp lý và thuế lũy tiến, công nhận các cơ sở kinh doanh quy mô nhỏ là những chủ thể kinh tế hợp pháp, ngay cả khi chưa được thành lập đầy đủ.

Cá nhân với tư cách là chủ thể pháp lý. Theo các chương trình này, cá nhân được coi là chủ thể pháp lý, thay vì phải thành lập pháp nhân riêng. Việc công nhận cá nhân là một chủ thể pháp lý được coi là một sự đổi mới về mặt thể chế vì nó làm giảm rào cản gia nhập đối với lao động tự làm và các hộ kinh doanh siêu nhỏ dễ dàng đăng ký kinh doanh mà không phải làm nhiều thủ tục rắc rối hay tốn nhiều chi phí như khi tạo lập một pháp nhân riêng. Tuy nhiên, chính đặc điểm này lại hạn chế phạm vi bảo vệ pháp lý và phát triển kinh doanh. Cá nhân vẫn phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các khoản nợ bằng tài sản của mình, trong khi quyền tiếp cận tín dụng, bảo vệ phá sản và thu hút đầu tư vẫn bị hạn chế. Do đó, mặc dù giúp mở rộng thu thuế và BHXH, các mô hình này vẫn chưa đủ để đảm bảo sự phát triển bền vững của doanh nghiệp.

Quyền và đặc quyền. Việc tham gia vào các mô hình này thường là tự nguyện nhưng giúp mang lại mức độ công nhận pháp lý nhất định. Khi đăng ký, người kinh doanh thường có thể xuất hóa đơn, tiếp cận tín dụng và tham gia các chương trình an sinh xã hội. Thuế đơn nhất (monotax) hợp nhất nhiều khoản nghĩa vụ khác nhau bao gồm thuế thu nhập, thuế GTGT, và đóng BHXH, thành một khoản thanh toán định kỳ duy nhất. Khoản này có thể là mức cố định hoặc được tính lũy tiến dựa trên các khoản mục thu nhập.

Phạm vi. Các cơ chế đơn giản hóa thường hướng đến đối tượng là các đơn vị kinh doanh: (i) có mức doanh thu thấp, (ii) có số lượng lớn trong nước, do đó khó quản lý, (iii) có cơ cấu tổ chức tương đối đơn giản và (iv) có tỷ lệ gia nhập và rời khỏi thị trường cao (Goldschmit và Cetrángolo, 2025). Do đó, các mô hình này thường hướng đến các doanh nghiệp siêu nhỏ, cá nhân kinh doanh và lao động tự làm, đáp ứng các tiêu chí nhất định về doanh thu, việc làm hoặc lĩnh vực hoạt động. Điều kiện đủ để tham gia có thể được xác định thông qua mức trần doanh thu, quy mô lao động và tiêu chí ngành nghề. Ví dụ.

- Chương trình Monotributo của Argentina phân ra 11 phân nhóm dựa trên thu nhập.
- Chương trình SIMPLES Nacional của Brazil áp dụng cho các công ty có doanh thu hàng năm dưới 4,8 triệu BRL (đồng Real Brazil, tương đương xấp xỉ 950.000 đô la Mỹ) và SIMEI áp dụng cho các lao động tự làm có doanh thu hàng năm lên đến 81.000 BRL.
- Chương trình Monotributo Social của Uruguay áp dụng cho các cá nhân có thu nhập thấp và hộ kinh doanh siêu nhỏ, thường không có hoặc chỉ có tối đa một nhân viên.

Tương tự ở các nước Mỹ Latinh, điều kiện đủ để tham gia thường giới hạn ở các hoạt động quy mô nhỏ. Các lĩnh vực được quản lý chặt như tài chính, bất động sản và các ngành nghề phải đăng ký như luật sư, bác sĩ, kế toán... thường bị loại trừ. Các hoạt động liên quan đến thương mại xuyên biên giới, bán lẻ quy mô lớn hoặc giao dịch bất động sản cũng không thuộc diện áp dụng.

Cổng đăng ký một cửa. Cơ chế đăng ký một cửa là một trong những đổi mới thể chế quan trọng nhất được triển khai nhằm giảm rào cản gia nhập. Thay vì phải đăng ký với nhiều cơ quan khác nhau, các doanh nghiệp đủ điều kiện có thể đăng ký thông qua một cổng hành chính duy nhất, thường là một cổng thông tin trực tuyến do cơ quan thuế quốc gia hoặc cơ quan phụ trách doanh nghiệp nhỏ quản lý. Tại Argentina, việc đăng ký được tập trung dưới sự quản lý của cơ quan thuế liên bang (Administración Federal de Ingresos Públicos) và cơ quan này liên thông với các cơ quan BHXH và bảo hiểm y tế. Tại Brazil, SIMPLES Nacional hoạt động dưới sự quản lý của Ban Thư ký Thuế Liên bang (Receita Federal) với các cơ sở dữ liệu quản lý thuế liên kết giữa liên bang, tiểu bang và thành phố, thống nhất việc khai báo và nộp thuế. Tại Uruguay, cơ quan BHXH (Banco de Previsión Social) quản lý việc đăng ký và thu phí đóng góp cho Monotributo Social, tích hợp việc đăng ký an sinh xã hội với việc tuân thủ thuế.

Tuân thủ luật lao động và xã hội. Các cơ chế đơn giản hóa áp dụng các yêu cầu tuân thủ nhẹ nhàng hơn so với hệ thống thông thường. Người tham gia nộp một khoản thanh toán định kỳ duy nhất trong đó đã gộp nhiều khoản nghĩa vụ: thuế thu nhập, thuế GTGT hoặc thuế doanh thu, và các khoản đóng BHXH, bảo hiểm y tế và hưu trí. Khoản đóng này thường được tính theo mức cố định hoặc lũy tiến dựa trên các khoản mục doanh thu, thay vì hạch toán chi tiết. Nghĩa vụ tuân thủ luật lao động cũng được đơn giản hóa. Các doanh nghiệp chỉ cần đăng ký thông tin cơ bản cho người lao động, và được miễn nhiều báo cáo phức tạp như nộp bảng lương chi tiết hoặc sổ sách kế toán điện tử. Trong các mô hình cho doanh nghiệp siêu nhỏ như SIMEI, lao động tự làm được coi là người đóng góp độc lập chứ không phải là người sử dụng lao động, nên nghĩa vụ pháp lý của họ được giảm nhưng vẫn đảm bảo quyền tiếp cận an sinh xã hội tối thiểu.

Thuế. Các đơn vị kinh doanh theo cơ chế đơn giản hóa này chỉ phải trả một khoản thanh toán duy nhất thay vì phải tính toán và nộp nhiều loại thuế như thuế TNCN, thuế GTGT và đóng BHXH. Do vậy, khoản nộp thuế này còn được gọi là thuế đơn nhất. Mức thuế phải nộp có thể được xác định khoản dựa trên thông tin gián tiếp như loại hình hoạt động, quy mô kinh doanh, số lượng nhân viên, hay đơn giản là dựa trên một mức thuế cố định được pháp luật quy định cho từng nhóm tiêu chí (mức thu nhập, hoạt động kinh doanh...). Trong mọi trường hợp, cơ chế đơn giản hóa này không yêu cầu làm sổ sách kế toán chi tiết và mức thuế suất thường thấp hơn so với hệ thống thuế thông thường.

Phá sản, mất khả năng thanh toán và thừa kế. Các cơ chế đơn giản hóa chỉ bảo vệ giới hạn theo luật phá sản và thừa kế, nhưng vẫn tốt hơn so với hoạt động phi chính thức. Do được công nhận pháp lý và có mã số thuế, doanh nghiệp có thể tham gia vào các thủ tục phá sản đơn giản hoặc được chuyển giao cho người thừa kế. Tuy nhiên, việc bảo vệ phá sản hoàn toàn chỉ dành cho các công ty có cách pháp nhân. Một số quốc gia như Brazil đã áp dụng các thủ tục phá sản đơn giản cho doanh nghiệp nhỏ theo chương trình SIMPLES Nacional. Uruguay cho phép chuyển nhượng đăng ký cho vợ/chồng hoặc thành viên gia đình còn sống, giúp duy trì hoạt động kinh doanh mà các doanh nghiệp phi chính thức không làm được.

Cơ chế khuyến khích chuyển đổi sang các loại hình chính thức. Nhiều quốc gia đã đưa ra các cơ chế khuyến khích chuyển đổi từ phi chính thức sang cơ chế đơn giản hóa, và rồi tiếp tục sang hệ thống chung. Các cơ chế khuyến khích này bao gồm giảm tỷ lệ đóng góp ban đầu hoặc trợ cấp cho người đăng ký lần đầu (Brazil, Uruguay), tiếp cận các khoản tín dụng, mua sắm của chính phủ, các chương trình đào tạo, với cơ chế tự động chuyển cấp khi doanh thu hoặc số lao động vượt ngưỡng (Argentina, Brazil), các công cụ kỹ thuật số đơn giản để kê khai thu nhập hoặc điều chỉnh các khoản mục thanh toán khi doanh nghiệp tăng trưởng. Các cơ chế đơn giản hóa này được thiết kế như các cơ chế chuyển tiếp, đưa ra các thang đóng góp theo bậc, giúp doanh nghiệp đang phát triển không phải đối mặt với những bước nhảy vọt quá lớn về thuế giữa các phân nhóm khác nhau (Perry và cộng sự 2007; ILO 2014, Goldschmit & Cetrángolo, 2025).

Thách thức tồn tại. Doanh nghiệp vẫn còn gặp khó khăn trong báo cáo thu nhập chính xác. Một số doanh nghiệp cố tình duy trì quy mô nhỏ để tiếp tục hưởng ưu đãi. Về phía người lao động, họ có thể chỉ được hưởng các quyền lợi an sinh xã hội cơ bản. Đối với Nhà nước, nguồn thu ngân sách giảm, bất bình đẳng về thuế và tình trạng trốn thuế là những thách thức lớn.

Kinh nghiệm của các nước Mỹ Latinh cho thấy rằng các cơ chế đơn giản hóa chỉ thực sự hiệu quả khi được lồng ghép trong một chiến lược tổng thể tích hợp thể chế, nâng cấp doanh nghiệp và hòa nhập xã hội.

Mô tả chi tiết từng cơ chế đơn giản hóa¹²

Sự thành công của một cơ chế đơn giản hóa phụ thuộc vào nhiều yếu tố, bao gồm thiết kế và triển khai chương trình, cũng như điều kiện kinh tế vĩ mô, thị trường lao động, cơ cấu ngành của nền kinh tế và các loại hình doanh nghiệp hoạt động. Do đó, không có một mô hình duy nhất phù hợp mọi quốc gia. Tính khả thi của chương trình sẽ phụ thuộc vào hoàn cảnh của từng quốc gia. Dưới đây là tổng hợp tóm tắt các ví dụ của các quốc gia.

- **Argentina:** Chương trình “Monotributo” được triển khai năm 1998 và hướng đến lao động tự làm hoặc các doanh nghiệp siêu nhỏ. Đây là một cơ chế đơn giản, thay thế việc nộp thuế TNCN, thuế GTGT cũng như các khoản đóng an sinh xã hội cho hưu trí và y tế bằng một khoản phí cố định hàng tháng. Để đủ điều kiện, người nộp thuế phải đáp ứng một số yêu cầu nhất định dựa trên tổng thu nhập hàng năm đã kê khai, diện tích kinh doanh, mức tiêu thụ điện hàng năm, đơn giá hàng hóa, tiền thuê mặt bằng, loại hàng hóa và dịch vụ cung cấp... Hệ thống chia thành 11 hạng mục. Việc tham gia Monotributo là tự nguyện và được hưởng các chế độ đặc biệt cho các ngành nghề và loại hình lao động khác nhau. Người tham gia được hưởng gói bảo hiểm y tế tối thiểu, lương hưu tối thiểu (thường thấp hơn so với mức đóng).
- **Brazil:** Chương trình SIMPLES Nacional được xây dựng năm 2006 với mục tiêu thúc đẩy chính thức hóa và tuân thủ pháp luật trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Chương trình này cho phép thanh toán hàng tháng một khoản gộp gồm nghĩa vụ bảo hiểm và tám loại thuế. Mức đóng thay đổi tùy thuộc vào tổng thu nhập tích lũy trong 12 tháng trước kỳ tham chiếu và ngành nghề hoạt động. Tính từ năm 2018, ngưỡng để tham gia SIMPLES dao động từ 30.000 BRL (tương đương xấp xỉ 5.200 đô la Mỹ) đến 400.000 BRL (70.000 đô la Mỹ), nhân với số tháng kể từ khi doanh nghiệp bắt đầu hoạt động. Chương trình này không bắt buộc, và các doanh nghiệp vừa và nhỏ có thể tham gia vô thời hạn nếu họ tuân thủ các quy định. Bổ sung cho SIMPLES Nacional, kể từ năm 2009, Chương trình Cá nhân Kinh doanh siêu nhỏ (SIMEI) đã được triển khai và hướng đến các cá nhân kinh doanh có doanh thu hàng năm thấp hơn mức trần quy định. Tại Brazil, do có hệ thống y tế thống nhất, nên người tham gia cơ chế đơn giản hóa không có chế độ bảo hiểm riêng. Tuy nhiên, cơ chế đơn giản hóa đảm bảo quyền hưởng hưu trí theo chế độ chung thông qua khoản đóng góp tỷ lệ với mức lương tối thiểu.
- **Uruguay:** Chương trình Monotributo được triển khai vào năm 2001 và áp dụng cho các hộ kinh doanh cá thể, bao gồm cả những hộ do vợ chồng cùng đứng tên, có không quá một lao động, cũng như các hình thức hợp tác không chính thức gồm tối đa hai người (hoặc ba người nếu là người thân trong gia đình), và không có nhân viên theo hợp đồng chính thức. Để đủ điều kiện tham gia chương trình, doanh nghiệp phải đáp ứng các điều kiện sau: (i) thu nhập dưới một ngưỡng nhất định, (ii) hoạt động ở quy mô kinh tế hạn chế với giới hạn về tài sản đăng ký, (iii) hoạt động kinh doanh không được thực hiện ở nhiều hơn một địa điểm cùng một lúc, (iv) chỉ thực hiện một hoạt động chính thuộc diện đăng ký với tư cách người sử dụng lao động, trừ các hộ sản xuất nông nghiệp và (v) chỉ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho người tiêu dùng cuối cùng. Từ góc độ người đóng thuế, tham gia chương trình Monotributo thay thế các khoản đóng BHXH và tất cả các loại thuế quốc gia, trừ thuế nhập khẩu. Khoản thanh toán Monotributo hàng tháng được tính bằng khoảng 30% của năm mức tham chiếu cố định, được gọi là “cơ sở đóng góp giả định”. Người kinh doanh phải xác định mức phù hợp với mình thay vì báo cáo thu nhập thực tế. Ngoài ra, năm 2011, chính phủ đã triển khai Monotributo Social, một chương trình đặc biệt dành cho các cá nhân thuộc hộ gia đình nghèo hoặc trong hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn. Người sử dụng có quyền nhận mức lương hưu tối thiểu khi nghỉ hưu. Một đặc thù của hệ thống Monotributo là bảo hiểm y tế do nhà nước cung cấp là tùy chọn đối với người đóng thuế. Tuy nhiên, những người không tham gia bảo hiểm y tế này phải đóng thêm một khoản để được bảo hiểm khi ốm đau. Bảng 4 so sánh ba chương trình đơn giản hóa.

¹² Nguồn: Goldschmit & Cetrángolo (2025).

¹³ Để đủ điều kiện tham gia SIMEI, các doanh nghiệp phải: (i) đủ điều kiện tham gia SIMPLES Nacional và đáp ứng các yêu cầu của chương trình này, (ii) thực hiện hoạt động kinh tế có tổ chức một cách chuyên nghiệp để sản xuất hoặc lưu thông hàng hóa hoặc dịch vụ, (iii) chỉ có một cơ sở kinh doanh, (iv) không tham gia vào một công ty khác với tư cách là chủ sở hữu, đối tác hoặc người quản lý, (v) không được thành lập dưới hình thức công ty khởi nghiệp và (vi) không thuê nhiều hơn một nhân viên, mà nhân viên này chỉ được nhận một mức lương tối thiểu.

▶ **Bảng 4. So sánh chương trình thuế đơn giản hóa khác nhau ở Mỹ Latinh**

Quốc gia	Tên chương trình	Năm triển khai	Điều kiện tham gia	Ngành nghề bị loại trừ	Tiêu chí xác định mức thuế	Quyền lợi y tế	Quyền lợi hưu trí	Chế độ đặc biệt	Điều kiện hoặc chuyển đổi
Argentina	Monotributo (Chương trình đơn giản hóa).	1998	Dựa trên nhiều tiêu chí kết hợp: doanh thu gộp hàng năm, diện tích mặt bằng sử dụng cho kinh doanh và lượng điện tiêu thụ hàng năm, đơn giá hàng hóa và tiền thuê mặt bằng.	Dịch vụ quy mô lớn, nhập khẩu và một số hoạt động chuyên môn nhất định.	Mười một hạng mục khác nhau, được xác định chủ yếu dựa trên tổng doanh thu hàng năm và các chỉ số khác.	Gói bảo hiểm y tế tối thiểu do Obras Sociales cung cấp.	Quyền được hưởng trợ cấp cơ bản toàn dân của hệ thống quốc gia.	Tùy thuộc vào lĩnh vực hoạt động và loại hình lao động.	Tự động chuyển sang chương trình chung khi vượt ngưỡng quy định, nhưng có giai đoạn chuyển tiếp. Việc áp dụng mức thuế theo tỷ lệ và tăng dần trên 11 hạng mục giúp tránh tình trạng tăng đột ngột và hạn chế việc khai báo thiếu doanh thu.
Brazil	SIMPLES Nacional và Cá nhân kinh doanh siêu nhỏ (SIMEI).	2006	SIMPLES Giới hạn doanh thu tùy thuộc vào loại hình kinh doanh. Các giới hạn khác: không có cổ đông nước ngoài, không phải là tổ chức tài chính. SIMEI Cần đủ điều kiện tham gia SIMPLES. Giới hạn doanh thu: Tối đa 81.000 BRL/năm. Giới hạn số lao động: tối đa 1. Số lượng cơ sở: 1 Quyền sở hữu: không được là chủ sở hữu hoặc đối tác của công ty khác.	Tài chính, khai khoáng, và bán lẻ quy mô lớn.	Tổng thu nhập tích lũy trong 12 tháng trước kỳ tham chiếu và ngành nghề hoạt động của công ty.	Hệ thống y tế quốc gia cung cấp bảo hiểm chăm sóc sức khỏe cho toàn dân.	Đóng góp tỷ lệ thuận với mức lương tối thiểu, bao gồm cả người đóng thuế và gia đình.	SIMEI	Mức cận biên tăng dần. Tự động kết thúc khi vượt quá ngưỡng quy định với thời gian ân hạn. Không bị phạt hay thủ tục phức tạp.

Quốc gia	Tên chương trình	Năm triển khai	Điều kiện tham gia	Ngành nghề bị loại trừ	Tiêu chí xác định mức thuế	Quyền lợi y tế	Quyền lợi hưu trí	Chế độ đặc biệt	Điều kiện hoặc chuyển đổi
Uruguay	Monotributo	2001 (sau đó đã được sửa đổi).	Dành riêng cho “các hoạt động có quy mô kinh tế nhỏ”. Đó có thể là: (i) doanh nghiệp tư nhân, với tối đa một nhân viên, (ii) quan hệ đối tác không chính thức không quá ba, và không có nhân viên. Ngoài ra còn có giới hạn doanh thu hàng năm (dựa trên loại hình doanh nghiệp hoạt động).	Các hoạt động bán buôn, tài chính và xuất khẩu.	Thuế suất khoảng 30%/năm, dựa trên năm mức “cơ sở đóng góp giả định”.	Bảo hiểm y tế toàn dân và không bắt buộc. Những cá nhân không tham gia phải đóng góp một khoản bảo hiểm ốm đau.	Việc đóng góp là bắt buộc và mang lại quyền được hưởng lương hưu tối thiểu.	Monotributo Social dành cho những cá nhân dưới mức nghèo hoặc trong hoàn cảnh dễ bị tổn thương.	Có thể chuyển sang chế độ thuế đầy đủ khi doanh nghiệp tăng trưởng.

Nguồn: Tóm tắt của tác giả dựa trên Goldschmit và Cetrángolo (2025).

Những kinh nghiệm quốc tế cho thấy Việt Nam nên xem xét một hệ thống đăng ký hợp nhất cho các hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh dựa trên sự phối hợp liên bộ. Hai nhóm này có thể được hợp nhất thành cá nhân kinh doanh siêu nhỏ hoặc chủ thể kinh doanh siêu nhỏ có địa vị pháp lý rõ ràng nhằm:

- Xác định giới hạn quy mô rõ ràng dựa trên doanh thu và số lượng lao động, đồng thời xác định cách xử lý khi vượt ngưỡng (ví dụ ở Pháp, các doanh nghiệp cần phải chuyển đổi sau hai năm vượt ngưỡng).
- Thiết lập các lộ trình và ưu đãi rõ ràng để chuyển đổi sang các mô hình doanh nghiệp chuẩn nhằm tránh những tác động tiêu cực.
- Cân nhắc đơn giản hóa quy trình đăng ký và vận hành, kể cả mô hình trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

Cần xem xét việc đơn giản hóa việc tuân thủ thuế thông qua việc tích hợp các khoản phải đóng cho cơ quan thuế (thuế GTGT và thuế TNCN) và BHXH Việt Nam, triển khai một kênh thanh toán kỹ thuật số liên thông.

3.2 Thủ tục đăng ký kinh doanh và các yêu cầu hành chính khác¹⁴

Mặc dù việc xác định rõ ràng tư cách pháp lý của các hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh là bước đầu tiên cần thiết, việc đơn giản hóa thủ tục đăng ký và các thủ tục hành chính khác cũng rất quan trọng. Chương trước đã nhấn mạnh rằng các thủ tục đăng ký phức tạp được coi là trở ngại phổ biến thứ hai đối với việc đăng ký. Dưới đây là các giải pháp khả thi có thể áp dụng:

Mô hình một cửa: Tại Thái Lan, trung tâm dịch vụ một cửa được thành lập nhằm đơn giản hóa các thủ tục sau đăng ký doanh nghiệp. Điều này cho phép các doanh nhân hoàn tất các yêu cầu pháp lý (như BHXH, nộp hồ sơ công ty cho Bộ Lao động) chỉ trong một lần đến, thay vì phải đến nhiều cơ quan khác nhau.

Tại Philippines, sau khi cá nhân kinh doanh hoàn tất đăng ký kinh doanh trước khi hoạt động, họ nhận được giấy phép từ Barangay - đơn vị hành chính nhỏ nhất trong nước và giấy phép của thành phố, không bao gồm giấy phép theo lĩnh vực kinh doanh.

Sử dụng công nghệ số phục vụ đăng ký kinh doanh: Nhiều quốc gia thường đơn giản hóa thủ tục đăng ký bằng cách sử dụng công nghệ số, đặc biệt là các chính sách chính thức hóa điện tử. Nghị định số 2024/92/NĐ-CP đặt nền tảng cho Việt Nam trong việc đơn giản hóa quy trình đăng ký hợp tác xã bằng cách ứng dụng công nghệ mới, như chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan quản lý nhà nước. Để tiếp tục phát huy bước đi này, Việt Nam có thể học hỏi kinh nghiệm từ các nước khác.

Tại Mông Cổ, một nền tảng số cho phép đăng ký doanh nghiệp và người lao động tham gia bảo hiểm xã hội, đồng thời kết nối các hệ thống chính phủ để tạo điều kiện thuận lợi cho việc tuân thủ các tiêu chuẩn pháp luật và quy định. Tại Malaysia, cổng thông tin MyCoID được tích hợp với nhiều cơ quan, bao gồm thuế, an sinh xã hội và nguồn nhân lực để chia sẻ thông tin. Tại Ấn Độ, cổng đăng ký Udyam được triển khai để khuyến khích các doanh nghiệp nhỏ đăng ký miễn phí. Các doanh nghiệp đăng ký cũng có thể được ưu tiên vay vốn từ các ngân hàng nhà nước cũng như tham gia mua sắm công. Tại Hàn Quốc, một loạt các sáng kiến số hóa thúc đẩy chính thức hóa các doanh nghiệp phi chính thức, bao gồm hệ thống nhận dạng số và cơ sở dữ liệu để giám sát an toàn lao động.

¹⁴ Nguồn: ILO (2025a) và ILO (2025b).

3.3 Các cơ chế khuyến khích đăng ký kinh doanh¹⁵

Các quốc gia thường đưa ra các cơ chế khuyến khích đăng ký kinh doanh, bao gồm các quy định ưu đãi dành cho các cá nhân kinh doanh. Bằng chứng cho thấy rằng các chế độ ưu đãi được thiết kế và thực hiện theo nhu cầu của cá nhân kinh doanh sẽ làm tăng khả năng đăng ký kinh doanh. Với các ưu đãi về thuế là động lực chính thúc đẩy việc chính thức hóa đối với các doanh nghiệp chưa đăng ký, có thể rút ra những bài học quan trọng như sau:

Mua sắm công: Các cơ chế đấu thầu được thiết kế phù hợp với nhu cầu của các doanh nghiệp nhỏ có thể tạo ra những động lực mạnh cho việc chính thức hóa kinh doanh. Sau khi đăng ký, các doanh nghiệp có quyền đấu thầu các dự án mua sắm công, qua đó mở rộng cơ hội kinh doanh và tiềm năng phát triển. Tại Việt Nam, chính phủ đã dành riêng các gói thầu nhỏ cho các doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa và hỗ trợ họ tham gia đấu thầu. Tại Hàn Quốc, Cơ quan Dịch vụ Mua sắm Công cung cấp các khoản tạm ứng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia đấu thầu các hợp đồng của chính phủ lên đến 70% giá trị hàng hóa. Ngoài ra, giải thưởng “Sản phẩm cung ứng xuất sắc cho Chính phủ của doanh nghiệp vừa và nhỏ” giúp tăng mức độ nhận diện sản phẩm của các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong hệ thống mua sắm điện tử trực tuyến, trong khi cơ chế “đấu thầu nhiều lần” giúp đơn giản hóa quy trình mua sắm đối với mặt hàng được mua định kỳ và số lượng lớn. Tại Philippines, ít nhất 10% hàng hóa mua sắm công phải do các doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa cung cấp.

Quản lý thuế: Doanh nghiệp nhỏ thường gặp khó khăn trong việc đáp ứng nghĩa vụ thuế, điều này có thể là một trở ngại đối với việc chính thức hóa. Để khắc phục, Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2018 của Việt Nam quy định áp dụng mức thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi cho các doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa với lần lượt là 15% và 17% thay vì mức thuế tiêu chuẩn 20%. Ở Ấn Độ, hệ thống thuế đã được đơn giản hóa đáng kể với hơn 17 loại thuế gộp thành một loại thuế gián thu chung. Tại Philippines, tần suất kê khai và nộp thuế đã giảm. Luật thuế thu nhập năm 2018 của Indonesia đã triển khai một chế độ thuế đơn giản hóa cho các công ty nhỏ. Tại Thái Lan, các đợt miễn giảm thuế đã được triển khai vào năm 2016 và 2019, theo đó các doanh nghiệp mới đăng ký được miễn thuế năm đầu tiên và giảm thuế năm thứ hai.

3.4 Các biện pháp hỗ trợ tăng trưởng¹⁶

Khi các doanh nghiệp được chính thức hóa, các cơ chế khuyến khích là chìa khóa để hỗ trợ tăng trưởng, đặc biệt trong bối cảnh nền kinh tế đang phát triển nhanh như Việt Nam. Việc nâng cao chất lượng doanh nghiệp từng bước thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, việc làm thỏa đáng và phát triển bền vững. Bên cạnh đó, các yếu tố khuyến khích doanh nghiệp duy trì đăng ký và trải nghiệm môi trường hỗ trợ cũng quan trọng không kém. Các chính sách chính thức hóa nên khuyến khích doanh nghiệp trưởng thành và phát triển bài bản hơn trong hoạt động kinh doanh (ILO, 2024b). Các sáng kiến sau đây liên quan đến một số lĩnh vực chính sách và có thể được coi là một chuỗi các chính sách liên tục, cần thiết để hỗ trợ doanh nghiệp phát triển.

Tăng năng suất: Nhiều chính phủ triển khai các biện pháp hỗ trợ tăng trưởng và nâng cao năng suất doanh nghiệp. Tại Ấn Độ, công nghệ mới trong nông nghiệp thường quá đắt với các chủ doanh nghiệp nhỏ, nên nhà nước đã hỗ trợ họ tiếp cận các sản phẩm phù hợp khi đăng ký. Tại Philippines, sáng kiến “Bringing Back Jobs” (Mang lại việc làm) tổ chức đào tạo cho các doanh nhân về công nghệ số cũng như an toàn và sức khỏe nghề nghiệp. Tại Singapore, chương trình “SME Go Digital” (Số hóa các doanh nghiệp vừa và nhỏ) thúc đẩy việc áp dụng công nghệ số trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ, bao gồm cả trong công tác kế toán, nhân sự và marketing.

¹⁵ Nguồn: ILO (2025a) and ILO (2025b).

¹⁶ Nguồn: ILO (2025a) and ILO (2025b).

Chính sách theo ngành: Do một số ngành cụ thể thường xuyên phải đối diện với những khó khăn trong tăng trưởng nên cần có hỗ trợ riêng. Tại Philippines, lao động trong ngành thủy sản được tiếp cận nhiều dịch vụ, bao gồm y tế và nhà ở, thông qua thẻ định danh mới nhằm thúc đẩy việc chính thức hóa lao động và tăng khả năng chống chịu của họ trước những cú sốc kinh tế và biến đổi khí hậu. Tại Bắc Macedonia, việc áp dụng chế độ thuế ưu đãi thông qua chương trình thuế khoán và hệ thống thuế GTGT đơn giản hóa đã thúc đẩy chính thức hóa. Ngoài ra còn có các ưu đãi tài chính và tuyển dụng lao động cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Chuỗi cung ứng: Các biện pháp nhằm thúc đẩy doanh nghiệp nhỏ tham gia vào chuỗi cung ứng đã chứng tỏ hiệu quả trong việc tiếp cận thị trường nội địa và quốc tế. Tại Sri Lanka, một sáng kiến được ILO và Chính phủ Na Uy hỗ trợ đã kết nối các doanh nghiệp xuất khẩu với người lao động. Doanh nghiệp đào tạo lao động được hưởng mức giá rong biển ưu đãi và người lao động được kết nối với một chuỗi cung ứng rộng lớn hơn, mang lại lợi ích cho cả hai bên. Dự án “Chuỗi cung ứng vì một tương lai việc làm bền vững” của ILO cung cấp hỗ trợ kỹ thuật cho người sử dụng lao động và người lao động trong chuỗi cung ứng tại Colombia (cà phê), Malaysia (cao su) và Namibia (khai thác mỏ). Tại Colombia, một thực tiễn tốt là sử dụng các ủy ban điều hành để thúc đẩy đối thoại xã hội và xác định các điểm nghẽn gây khó khăn cho việc tạo ra việc làm thỏa đáng và tăng năng suất.

3.5 Chính sách thúc đẩy chính thức hóa các cá nhân kinh doanh và chuyển đổi các hộ kinh doanh thành doanh nghiệp chính thức

Kinh nghiệm quốc tế cho thấy nhận thức về các hình thức xử phạt đối với hoạt động phi chính thức có thể tạo ra động lực để các doanh nghiệp đăng ký. Nhiều quốc gia áp dụng cách tiếp cận “cây gậy và củ cà rốt” (vừa xử phạt vừa khuyến khích) trong các biện pháp thúc đẩy chính thức hóa (ILO, 2024b).

Xử phạt: Tại Bangladesh, các doanh nghiệp bị kiểm tra ngẫu nhiên bởi cơ quan thuế có xu hướng đăng ký nhiều hơn, nhưng chủ yếu là doanh nghiệp quy mô lớn. Điều này có thể là do các doanh nghiệp nhỏ hơn chưa có năng lực để đăng ký hay đáp ứng được các yêu cầu hành chính (De Giorgi và cộng sự, 2018). Một nghiên cứu tương tự ở Brazil cho thấy rằng trong số các doanh nghiệp nhận được nhiều thông tin và ưu đãi đăng ký khác nhau, các doanh nghiệp được thanh tra lao động đến thăm có xác suất chính thức hóa cao hơn (De Andrade và cộng sự, 2016).

Cơ chế khuyến khích: Tại Sri Lanka, một nghiên cứu thực nghiệm cho thấy việc hỗ trợ chi phí đăng ký chỉ thực sự hiệu quả khi quy trình đăng ký đơn giản và thuận lợi. (De Mel và cộng sự, 2013).

3.6 Các chính sách khác¹⁷

Bảo hiểm xã hội: Những chính sách gần đây nhằm thúc đẩy việc chính thức hóa như Nghị quyết số 28-NQ/TW năm 2018 và Luật BHXH năm 2014 và 2024, đã mở rộng diện BHXH bắt buộc tới người lao động trong các hộ kinh doanh. Đầu tư vào BHXH cũng có thể mang lại lợi ích đối với hiệu suất kinh doanh, như Lee và Torm (2017) đã chỉ ra rằng tại Việt Nam, việc tăng diện bao phủ an sinh xã hội thêm 10 điểm phần trăm dẫn đến tăng doanh thu trên mỗi người lao động lên đến 2 điểm phần trăm và tăng lợi nhuận lên 1,8 điểm phần trăm¹⁸. Tại Thái Lan, một chương trình đã được triển khai vào năm 2011 để bảo hiểm cho người lao động phi chính thức. Chương trình này cho phép họ đóng góp tự nguyện lên đến 100 baht Thái mỗi tháng, được chính phủ hỗ trợ từ 50% đến 100% số tiền đóng bảo hiểm, tùy thuộc vào độ tuổi. Chương trình đóng bảo hiểm tự nguyện hiện nay bao phủ 39% lực lượng lao động, bên cạnh 36% được bao phủ theo chương trình bảo hiểm bắt buộc. Dân số còn lại được bảo hiểm theo chương trình bảo hiểm không đóng góp, với mức trợ cấp thấp. Các phương án khác để mở rộng diện bao phủ an sinh xã hội được trình bày tại Phần 3.1, đặc biệt là chương trình Monotributo ở Mỹ Latinh.

¹⁷ Nguồn: ILO (2025a) and ILO (2025b).

¹⁸ Tuy nhiên, có độ trễ thời gian giữa thời điểm doanh nghiệp cần đầu tư vào an sinh xã hội và thời điểm được hưởng lợi ích. Vì lý do này, cần có các cơ chế khuyến khích và hỗ trợ của chính phủ để thúc đẩy việc chính thức hóa hoạt động kinh doanh.

Phát triển kỹ năng: Do các doanh nghiệp hoạt động phi chính thức thường bị hạn chế bởi năng suất thấp, và kỹ năng hạn chế của người lao động. Các sáng kiến nâng cao kỹ năng nên được xem xét như một phần của chính sách chính thức hóa hướng đến các hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh.

Tại Philippines, chương trình Kỹ năng vì Thịnh vượng của ILO hướng đến mục tiêu là các nhóm yếu thế, chẳng hạn như người thất nghiệp, khu vực nông thôn và người dân tộc thiểu số. Chương trình đảm bảo rằng việc đào tạo phù hợp với nhu cầu của các doanh nghiệp tại địa phương. Để đạt được mục tiêu này, mô hình hợp tác công-tư đã được hình thành, tập hợp các cơ quan công quyền từ cấp trung ương và địa phương, các công ty tư nhân và các tổ chức xã hội dân sự. ILO cũng hợp tác với các cơ quan lao động Ấn Độ để khởi động chương trình đào tạo thí điểm cho lao động giúp việc gia đình tại Delhi và Noida. Chương trình đã cấp chứng chỉ cho 500 lao động giúp việc gia đình. Những người này được cung cấp thẻ kỹ năng trên USB chứa thông tin số về quá trình đào tạo và bằng cấp, để giới thiệu tới các nhà tuyển dụng tiềm năng. Người lao động cho biết tham gia đào tạo giúp họ cảm thấy được tôn trọng hơn, chủ lao động đánh giá cao hơn, đồng thời năng suất nâng cao. Tại Jordan, chương trình Công nhận kết quả học tập trước đây của ILO cho phép người dân Jordan và nước ngoài được công nhận kỹ năng nghề nghiệp, từ đó giúp họ tiếp cận một số ngành yêu cầu giấy phép hành nghề và được tạo điều kiện thuận lợi hơn trong việc xin giấy phép lao động.

Các chiến dịch truyền thông và nâng cao nhận thức: Tiếp cận và thu hút sự tham gia là chìa khóa để thúc đẩy việc chính thức hóa các doanh nghiệp nhỏ. Tại Việt Nam, một lý do đáng chú ý khiến các hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh chưa đăng ký là thiếu thông tin và chưa nhận thức đầy đủ về các yêu cầu chính thức hóa. Tại Afghanistan, Pakistan, Philippines và Sierra Leone, các chiến dịch nâng cao nhận thức trên toàn quốc đã cung cấp thông tin đến những người kinh doanh về lợi ích của việc chính thức hóa và các bước để đăng ký kinh doanh. Pakistan đã áp dụng một cách tiếp cận tổng hợp, trong đó các chiến dịch nâng cao nhận thức được lồng ghép vào các nỗ lực rộng hơn về chính thức hóa, bao gồm cải cách pháp luật và các sáng kiến an sinh xã hội. Tại Bangladesh, Hàn Quốc và Singapore, các chiến dịch này hướng đến đối tượng cụ thể là các doanh nghiệp nhỏ. Tương tự như vậy, các chiến dịch có thể được thiết kế để hướng đến các ngành nghề có tỷ lệ phi chính thức cao.

► Kết luận và Khuyến nghị

Kết luận

Bằng cách tạo điều kiện thuận lợi cho các quy trình đăng ký và xây dựng khung chính sách tích hợp, chính phủ có thể khuyến khích các doanh nghiệp phi chính thức chuyển dịch sang khu vực chính thức. Doanh nghiệp, người lao động và chính phủ từ đó có thể được hưởng những lợi ích đáng kể của việc chính thức hóa. Doanh nghiệp sẽ tiếp cận tốt hơn các nguồn lực nâng cao năng suất, cơ hội giao thiệp với khách hàng và các dịch vụ thiết yếu như ngân hàng và tín dụng, đồng thời giảm thiểu các rủi ro như bị xử phạt về thuế và tham nhũng. Đối với người lao động, chính thức hóa mở ra cơ hội hưởng chế độ an sinh xã hội và các quyền lao động cơ bản đầy đủ. Quan trọng hơn, chính thức hóa dẫn đến mức lương bình quân cao hơn và giảm nguy cơ có việc làm vất vả. Đối với chính phủ, việc thúc đẩy nền kinh tế chính thức giúp củng cố khung thể chế, cải thiện bảo vệ người lao động và tăng cường quyền lợi người tiêu dùng. Ngoài ra, việc tăng thu ngân sách nhà nước cho phép chính phủ mở rộng phạm vi và chất lượng dịch vụ công.

Những lợi ích trên nhiều phương diện này của việc chính thức hóa không chỉ được ghi nhận trên thế giới mà còn được các cán bộ nhà nước và chuyên gia tại Việt Nam công nhận. Cụ thể, các cuộc phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm tập trung được thực hiện cho báo cáo này đã xác định được những lợi ích chính sau đây của việc chính thức hóa đối với Việt Nam.

- **Giám sát kinh tế:** Việc chính thức hóa các hoạt động kinh doanh phi chính thức đồng nghĩa với việc phản ánh chính xác hơn đóng góp của khu vực phi chính thức vào Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) và việc làm trong thống kê kinh tế.
- **Mở rộng an sinh xã hội:** Người lao động trong các doanh nghiệp được chính thức hóa, bao gồm cả chủ doanh nghiệp và người lao động, được tiếp cận BHXH bắt buộc.
- **Tuân thủ pháp luật và lợi ích xã hội:** Các doanh nghiệp được chính thức hóa được quản lý theo các quy định pháp luật, thúc đẩy lợi ích cộng đồng và môi trường. Chính thức hóa đảm bảo tất cả các thành viên xã hội đều được hưởng lợi trực tiếp hoặc gián tiếp.
- **Nâng cao chất lượng hàng hóa và dịch vụ:** Khi chính thức hóa các hoạt động kinh doanh mà không phải chịu chi phí tuân thủ quá cao, các sản phẩm và dịch vụ do các doanh nghiệp nhỏ cung cấp có thể đáp ứng các tiêu chuẩn cao hơn, mang lại lợi ích cho người tiêu dùng, đặc biệt là những người ở nhóm thu nhập thấp.
- **Tăng cường quản lý Nhà nước:** Chính thức hóa tăng cường hiệu quả giám sát của Nhà nước trong việc bảo vệ các quyền hợp pháp của chủ doanh nghiệp, người tiêu dùng và thực thi pháp luật.
- **Mở rộng tiếp cận các chính sách hỗ trợ:** Các doanh nghiệp được chính thức hóa được tiếp cận công bằng hơn với các chương trình hỗ trợ của Nhà nước, đảm bảo sự đối xử bình đẳng giữa các doanh nghiệp.
- **Xây dựng chính sách dựa trên dữ liệu:** Quá trình chính thức hóa góp phần cải thiện cơ sở dữ liệu quốc gia, hỗ trợ việc xây dựng và thực thi các chính sách.

Các khuyến nghị

Những khuyến nghị này xuất phát từ tiền đề rằng cá nhân kinh doanh và hộ kinh doanh là những công cụ quan trọng để thúc đẩy hoạt động khởi nghiệp tại Việt Nam, bao gồm ở cả các hộ gia đình thu nhập thấp và khu vực nông thôn.

Các khuyến nghị này được đưa ra theo hai hướng khác nhau, không loại trừ lẫn nhau mà có tính bổ sung. Hướng 1 rà soát địa vị pháp lý và định nghĩa về cá nhân kinh doanh, hộ kinh doanh và doanh nghiệp tư nhân để làm rõ các quy định liên quan áp dụng cho các loại hình kinh doanh khác nhau này. Khuyến nghị này sẽ đòi hỏi hợp lý hóa môi trường pháp lý điều chỉnh các doanh nghiệp nhỏ tại Việt Nam. Với Hướng 2, điều chỉnh các quy định pháp lý không nhất thiết phải thay đổi địa vị và định nghĩa pháp lý về cá nhân kinh doanh, hộ kinh doanh và doanh nghiệp tư nhân. Một số biện pháp trong hướng này có thể được thực hiện trong ngắn hạn, giúp thúc đẩy tăng trưởng và chính thức hóa, tạo tiền đề cho việc xây dựng một khung pháp lý mới ở giai đoạn tiếp theo.

Hướng 1: Làm rõ địa vị pháp lý và phạm vi áp dụng của cá nhân kinh doanh thông qua một cơ chế đơn giản hóa.

Việc rà soát khung pháp lý đã chỉ rõ rằng cá nhân kinh doanh thiếu địa vị pháp lý rõ ràng. Đây là một trong những trở ngại chính đối với việc đăng ký do cá nhân kinh doanh không phải là hộ kinh doanh cũng không phải là doanh nghiệp tư nhân. Làm rõ định nghĩa pháp lý về cá nhân kinh doanh là bước đầu tiên cần thiết phải thực hiện.

Kết quả khảo sát cũng cho thấy cá nhân kinh doanh và hộ kinh doanh là những hình thức kinh doanh phổ biến do tính linh hoạt và chi phí hoạt động thấp. Do đó, các cải cách về khung pháp lý cần làm rõ địa vị pháp lý của cá nhân kinh doanh, hộ kinh doanh và doanh nghiệp tư nhân mà không làm tăng thêm chi phí và thủ tục hành chính quá mức.

Theo đó, Việt Nam có thể cân nhắc việc áp dụng cơ chế đơn giản hóa tương tự mô hình của các nước Mỹ Latinh, tạo ra một nhóm pháp lý riêng cho các doanh nghiệp siêu nhỏ, đồng thời đơn giản hóa việc đăng ký và hợp nhất nghĩa vụ thuế và BHXH thành một khoản thanh toán duy nhất. Cơ chế kinh doanh đơn giản hóa này sẽ đóng vai trò là bước đệm giúp các doanh nghiệp muốn chuyển dịch từ nền kinh tế phi chính thức sang nền kinh tế chính thức, thúc đẩy tăng trưởng kinh doanh lâu dài và chuyển đổi sang các loại hình kinh doanh khác.

Loại hình kinh doanh đơn giản hóa này cũng sẽ có tác động tích cực đến bình đẳng giới thông qua việc khuyến khích phụ nữ khởi nghiệp và phát triển doanh nghiệp. Phụ nữ chịu ảnh hưởng nhiều hơn từ gánh nặng thủ tục hành chính và khó tiếp cận tín dụng. Do đó, cơ chế đơn giản hóa sẽ mang lại lợi ích nhiều hơn cho các doanh nghiệp siêu nhỏ do phụ nữ làm chủ.

Một mục tiêu chính sách then chốt của Việt Nam là mở rộng diện bao phủ BHXH tới lao động tự làm, doanh nghiệp siêu nhỏ và người lao động của doanh nghiệp này. Gắn đăng ký kinh doanh và bảo hiểm xã hội thông qua việc nộp thuế gộp sẽ giúp hài hòa các mục tiêu chính thức hóa và mở rộng diện bao phủ an sinh xã hội.

Các cân nhắc thiết kế khác khi triển khai cơ chế kinh doanh đơn giản hóa bao gồm:

1.1 Đăng ký kinh doanh bắt buộc

Việc thiếu các quy định đăng ký rõ ràng, cả về kinh doanh và thuế, là một trở ngại lớn đối với quá trình chính thức hóa. Việc bắt buộc đăng ký đối với các doanh nghiệp mới tham gia theo cơ chế đơn giản hóa sẽ giúp làm rõ địa vị pháp lý, củng cố nền tảng tuân thủ thuế và bảo hiểm xã hội.

1.2 Gộp cá nhân kinh doanh và hộ kinh doanh thành một loại hình đơn giản hóa

Kết quả khảo sát, thảo luận nhóm tập trung và phỏng vấn sâu đã chỉ ra sự không rõ ràng giữa cá nhân kinh doanh và hộ kinh doanh. Hơn nữa, hầu hết các hộ kinh doanh thực chất đều do một cá nhân điều hành. Việc hợp nhất hai loại hình này thành một sẽ giảm bớt sự không rõ ràng và nhầm lẫn hiện tại, duy trì lợi thế hoạt động và chi phí gia nhập thấp, đồng thời tránh nhầm lẫn về cơ cấu sở hữu giữa cá nhân và hộ gia đình. Cơ chế đơn giản hóa của Việt Nam có thể hợp nhất thuế TNCN, thuế kinh doanh/thuế GTGT và BHXH, với các quyền lợi BHXH được xác định dựa trên thông lệ quốc tế.

1.3 Các tính năng và tùy chọn khác

Cơ chế đơn giản hóa có thể bao gồm các điều khoản sau, phản ánh các thông lệ quốc tế đã được khảo sát và thực tiễn hoạt động của các cá nhân kinh doanh và hộ kinh doanh:

- *Phạm vi*: Áp dụng rộng rãi cho các doanh nghiệp siêu nhỏ có vốn nhỏ trong tất cả các lĩnh vực, ngoại trừ các ngành nghề được quy định và các hoạt động rủi ro cao hoặc quy mô lớn.
- *Tiêu chí*: Sử dụng ngưỡng doanh thu đơn giản, có xem xét đến giới hạn số lượng nhân viên, để xác định đủ điều kiện tham gia.
- *Thuế*: Kết hợp các tiêu chí như doanh thu đơn giản và các chỉ số về điều kiện vật chất như diện tích mặt bằng, mức tiêu thụ điện/nước. Cần lưu ý rằng việc chỉ sử dụng doanh thu hoặc số lượng nhân viên có thể dẫn đến việc báo cáo thiếu.
- *Thanh toán hợp nhất*: gộp thuế thu nhập, thuế GTGT và các khoản đóng an sinh xã hội, thành một khoản thanh toán duy nhất.
- *Quyền lợi an sinh xã hội*: đảm bảo quyền tiếp cận an sinh xã hội thiết yếu, đặc biệt là y tế và hưu trí.

Hướng 2: Các chính sách thúc đẩy tăng trưởng và chính thức hóa

Hướng này tập trung cân nhắc một số biện pháp hỗ trợ khác ngay cả khi chưa thay đổi khung pháp lý hiện hành điều chỉnh các cá nhân kinh doanh, hộ kinh doanh và doanh nghiệp tư nhân

Nếu cơ chế đơn giản hóa được triển khai, những biện pháp hỗ trợ này vẫn phù hợp, thậm chí còn hiệu quả hơn, để hỗ trợ các doanh nghiệp trong cơ chế đơn giản hóa phát triển và chuyển dịch sang cơ chế đăng ký tiêu chuẩn. Kinh nghiệm quốc tế cho thấy, cơ chế đơn giản hóa cần đi kèm các chính sách hỗ trợ toàn diện.

2.1 Tăng cường hỗ trợ và khuyến khích

Việc hỗ trợ các cá nhân kinh doanh và hộ kinh doanh rất quan trọng trong giai đoạn hoạt động ban đầu sau khi đăng ký. Các biện pháp hỗ trợ có thể bao gồm giảm hoặc miễn thuế trong giai đoạn đầu (một đến hai năm), đào tạo kỹ năng kinh doanh, các dịch vụ hỗ trợ tiếp cận thông tin thị trường và quy định pháp luật, tạo điều kiện kết nối với chuỗi cung ứng hoặc các chương trình xúc tiến thương mại. Cụ thể hơn, có thể xem xét các biện pháp can thiệp sau:

2.1.1 Cách tính thuế thu nhập cá nhân: Pháp luật hiện hành yêu cầu các cá nhân kinh doanh, hộ kinh doanh và chủ doanh nghiệp tư nhân phải chịu trách nhiệm toàn bộ về các khoản nợ và nghĩa vụ phát sinh từ hoạt động kinh doanh của họ. Tuy nhiên, phương pháp tính thuế TNCN đối với hộ kinh doanh và doanh nghiệp tư nhân không phù hợp với quy định đối với người lao động hưởng lương, mặc dù họ đóng thuế thu nhập doanh nghiệp và là cá nhân tự chịu rủi ro.

Cụ thể, hộ kinh doanh bị đánh thuế dựa trên tổng doanh thu, bao gồm tất cả doanh thu vượt quá 100 triệu đồng/năm và phải nộp thuế GTGT. Trong khi đó, chủ doanh nghiệp tư nhân phải chịu thuế thu nhập doanh nghiệp và hộ kinh doanh nộp thuế TNCN, không được khấu trừ tiền lương hoặc tiền công như chi phí. Điều này tạo ra sự không nhất quán, vì hộ kinh doanh bị đánh thuế trên tổng doanh thu, trong khi người lao động hưởng lương bị đánh thuế trên thu nhập ròng sau khi trừ các khoản khấu trừ được phép.

2.1.2 Quy định thuế đối với cá nhân kinh doanh: Các sửa đổi tiếp theo cũng cần cho phép cá nhân kinh doanh đăng ký, kê khai và nộp thuế theo từng giao dịch, điều này dễ theo dõi hơn, đặc biệt là đối với những đơn vị không hoạt động thường xuyên. Tuy nhiên, nếu doanh thu hàng năm dưới 100 triệu đồng, hộ kinh doanh nên được phép yêu cầu hoàn thuế đã nộp vì họ không phải chịu thuế nếu thu nhập hàng năm dưới mức quy định.

2.1.3 Ngưỡng doanh thu đối với thuế TNCN và thuế GTGT: Theo quy định hiện hành, chủ doanh nghiệp và các cá nhân kinh doanh đăng ký thuế theo phương thức kê khai phải nộp thuế nếu doanh thu hàng năm vượt quá 100 triệu đồng. Tuy nhiên, luật không cho phép khấu trừ chi phí hoặc miễn giảm cho người thân trong gia đình, có thể dẫn đến trường hợp chi phí kinh doanh vượt quá doanh thu. Điều này tạo ra gánh nặng thuế không đáng có đối với cá nhân kinh doanh. Do đó, để giải quyết sự mất cân bằng này, ngưỡng doanh thu 100 triệu đồng cần được nâng lên ít nhất bằng ngưỡng giảm trừ gia cảnh, tức là mức mà hệ thống thuế công nhận là mức tối thiểu cần thiết cơ bản cho cuộc sống, hiện đang ở mức 132 triệu đồng/năm. Sau đó, giới hạn này sẽ được điều chỉnh theo bất kỳ thay đổi nào trong tương lai về mức giảm trừ gia cảnh.

2.1.4 Nền kinh tế không tiền mặt: Nỗ lực hướng tới một nền kinh tế không tiền mặt cũng sẽ góp phần giảm thiểu tình trạng phi chính thức. Các khoản thanh toán không tiền mặt dễ truy vết hơn và cũng có thể được sử dụng để điều chỉnh các chế độ thuế khoán hoặc các ưu đãi thuế khác trong trường hợp hệ thống thuế đơn nhất. Ngoài ra, chính phủ cũng có thể sử dụng thông tin được tạo ra từ các khoản thanh toán không tiền mặt để tăng tính hiệu quả của các chính sách thực thi.

2.1.5 Thanh tra: Kết quả khảo sát chỉ ra rằng “tránh rủi ro pháp lý” là động lực chính ghi nhận thúc đẩy việc chính thức hóa do các hộ kinh doanh đã đăng ký. Đồng thời, nỗi lo ngại bị các cơ quan quản lý kiểm tra sau khi đăng ký cũng được ghi nhận là một trở ngại đối với việc chính thức hóa của các hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh chưa đăng ký. Điều này nêu bật vai trò quan trọng của công tác thanh tra, kiểm tra trong việc định hình các quyết định chính thức hóa của đơn vị kinh doanh. Để tạo ra hệ thống cơ chế khuyến khích phù hợp, có thể thiết lập mô hình thanh tra dựa trên rủi ro, bao gồm cả thời gian ân hạn cho các hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh mới đăng ký. Điều này sẽ đảm bảo rằng các đơn vị kinh doanh chưa đăng ký không bỏ qua việc đăng ký do e ngại bị xử phạt, cho phép họ xây dựng lòng tin với Nhà nước và cho họ đủ thời gian để làm quen với luật pháp và tuân thủ tất cả các quy định liên quan.

Các bộ ngành chịu trách nhiệm thực hiện các biện pháp hướng tới chính thức hóa có thể là Bộ Tài chính (Luật thuế) chủ đạo, phối hợp với Bộ Công Thương và Bộ Nội vụ (nền kinh tế không tiền mặt và thanh tra).

2.2 Hoàn thiện khung pháp lý

Việc rà soát luật pháp cũng làm rõ rằng các quy định quản lý cá nhân kinh doanh, hộ kinh doanh và doanh nghiệp tư nhân khác nhau ở nhiều khía cạnh. Sự phức tạp này thường khó giải thích được và cần nỗ lực để thúc đẩy một khung chính sách mạch lạc hơn. Việc sửa đổi các quy định pháp luật đòi hỏi nhiều hơn là chỉ điều chỉnh các quy tắc đăng ký kinh doanh. Thay vào đó, cần thiết phải có một gói cải cách toàn diện bao gồm các quy phạm pháp luật liên quan nhằm tránh cách tiếp cận chắp vá trong điều chỉnh pháp luật. Vì lý do này, các chính sách về BHXH, phá sản, bảo vệ người tiêu dùng cũng như thuế cần được xem xét đồng thời.

2.2.1 Bảo hiểm xã hội: Các nghị định/thông tư hướng dẫn thực hiện Luật BHXH năm 2024 cần đưa ra định nghĩa về hộ kinh doanh, công nhận họ là đối tượng tham gia BHXH bắt buộc. Điều này đảm bảo nguyên tắc công nhận việc làm chính thức do thương nhân tạo ra, bao gồm cả cá nhân kinh doanh, được thực hiện đầy đủ. Điều này cũng bổ sung những lợi ích có thể đem lại từ việc liên kết các chính sách chính thức hóa với các biện pháp nhằm tăng cường diện bao phủ an sinh xã hội, bao gồm cả khi triển khai một cơ chế đơn giản hóa.

2.2.2 Phá sản: Luật Phá sản năm 2014 cần được sửa đổi để đưa ra các quy định về phá sản của các cá nhân kinh doanh. Việc thiếu các quy định rõ ràng về phá sản đối với các đơn vị kinh doanh cá thể tạo ra sự không chắc chắn. Cần có những thay đổi về luật pháp để mang lại cho các đơn vị kinh doanh này những cơ chế quản lý việc mất khả năng thanh toán hợp pháp và cho phép các chiến lược thoái vốn có trách nhiệm không gây ra hậu quả nghiêm trọng cho cá nhân. Báo cáo tổng quan về kinh nghiệm của các quốc gia đã mô tả các thủ tục phá sản được đơn giản hóa, đồng thời nhấn mạnh tầm quan trọng của luật thừa kế nhằm đảm bảo sự kế thừa về mặt hành chính.

2.2.3 Bảo vệ người tiêu dùng: Với việc triển khai Luật Bảo vệ người tiêu dùng, đảm bảo các chủ đơn vị kinh doanh cá thể được đưa vào thuộc diện đối tượng điều chỉnh của luật này sẽ giúp bảo vệ người tiêu dùng và các chủ doanh nghiệp. Hơn nữa, điều này phù hợp với các tiêu chuẩn toàn cầu về quyền của người tiêu dùng.

2.2.4 Luật thuế: Các điều khoản trong luật thuế quy định về thuế đối với các cá nhân kinh doanh, doanh nghiệp tư nhân, các hộ kinh doanh đã đăng ký và các cá nhân tự làm chưa đăng ký cần được sửa đổi để tạo ra sự hiểu biết thống nhất về thuật ngữ “cá nhân kinh doanh”. Các sửa đổi luật thuế phải định nghĩa rõ ràng các cá nhân kinh doanh, hộ kinh doanh và doanh nghiệp tư nhân. Tất cả các thương nhân cá thể đều phải tuân thủ cùng một quy định về thuế thu nhập dù họ là cá nhân kinh doanh, hộ kinh doanh hay doanh nghiệp tư nhân.

Các bộ ngành chịu trách nhiệm thực hiện các biện pháp để xây dựng khung pháp lý thuận lợi có thể là Bộ Tài chính, Bộ Công Thương (phá sản, bảo vệ người tiêu dùng và luật thuế) và Bộ Nội vụ (BHXH). Tuy nhiên, sự phối hợp với chính quyền địa phương và các tổ chức công tư khác là rất quan trọng để đảm bảo sự thành công của các sáng kiến này.

2.3 Đơn giản hóa thủ tục đăng ký kinh doanh

2.3.1 Đơn giản hóa quy trình đăng ký và làm rõ lợi ích của việc chính thức hóa: Các buổi tư vấn miễn phí và việc cung cấp các tài liệu đơn giản hóa có thể giúp quá trình đăng ký dễ dàng hơn nữa. Giải pháp này đã được ILO (2024b) nhấn mạnh, trong đó nêu rõ rằng các hệ thống đăng ký doanh nghiệp đơn giản hóa được thiết kế cho các doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa cho phép chính phủ thu thập dữ liệu thiết yếu về nhân khẩu học doanh nghiệp, đồng thời thúc đẩy việc chính thức hóa. Ngoài ra, việc triển khai các nền tảng kỹ thuật số và đổi mới trong chính phủ điện tử giúp tăng cường khả năng tiếp cận và đơn giản hóa quy trình đăng ký. Bằng cách tạo ra một hệ thống đăng ký trực tuyến thân thiện có thể truy cập thông qua trang web hoặc ứng dụng di động, quy trình sẽ trở nên dễ tiếp cận hơn đối với các cá nhân kinh doanh chưa đăng ký.

2.3.2 Rà soát các đối tượng được miễn đăng ký kinh doanh: Đối với các đối tượng được miễn theo Điều 3 (Nghị định số 39/2007/NĐ-CP), nhưng vẫn phải đăng ký với các cơ quan quản lý nhà nước, cần thiết lập một cơ chế quản lý và chia sẻ thông tin hiệu quả hơn giữa các cơ quan nhà nước (cơ quan đăng ký kinh doanh, thuế, ngân hàng và các tổ chức bảo hiểm). Điều này có thể thực hiện được bằng cách thiết lập một hệ thống đăng ký điện tử hợp nhất và giao thức trao đổi dữ liệu, liên kết dữ liệu của Bộ Tài chính và các bộ khác với dữ liệu từ Cục Thuế và BHXH Việt Nam, cùng các đơn vị khác. Làm như vậy sẽ cho phép đơn giản hóa việc đăng ký và tuân thủ, đạt được cách hiểu thống nhất về quy trình đăng ký kinh doanh giữa tất cả các cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương, và giúp các doanh nghiệp tránh đăng ký không cần thiết hay nộp thông tin trùng lặp. Ngoài ra cần tiến hành một nghiên cứu đánh giá các nền tảng điện tử và kỹ thuật số hiện có về phạm vi chia sẻ và tích hợp dữ liệu cũng như bất kỳ rào cản nào.

Các bộ chịu trách nhiệm đơn giản hóa việc đăng ký kinh doanh có thể là Bộ Tài chính và Bộ Công Thương. Tuy nhiên, những nỗ lực này cũng cần sự phối hợp chặt chẽ giữa chính quyền cấp trung ương và địa phương, nơi việc đăng ký kinh doanh có thể gặp nhiều khó khăn.

2.4 Truyền thông, nâng cao nhận thức, giám sát và đánh giá

Cuối cùng, điều quan trọng là phải triển khai các chiến dịch truyền thông và nâng cao nhận thức cũng như thiết kế và thực hiện chiến lược giám sát và đánh giá. Bên cạnh những cải cách hành chính nhằm giảm thời gian xử lý hồ sơ đăng ký kinh doanh, điều cần thiết là phải tăng cường tính minh bạch của quy trình đăng ký thông qua các kênh truyền thông, trang web chính thức và các nền tảng mạng xã hội, đồng thời giám sát tiến độ và cung cấp thông tin cho việc ra quyết định thông qua chiến lược giám sát và đánh giá.

Các chiến dịch như vậy chủ yếu nên tập trung làm rõ các yêu cầu đăng ký kinh doanh, vì một nửa số đơn vị kinh doanh chưa đăng ký được khảo sát cho biết họ không biết về quy trình này. Ngoài ra, các chiến dịch này nên đề cập đến lợi ích của việc đăng ký kinh doanh, với các thông điệp chính sau:

2.4.1 Đăng ký giúp tăng cường khả năng tiếp cận trợ giúp pháp lý và thông tin: Các chiến dịch tuyên truyền nên nhấn mạnh rằng các cá nhân kinh doanh đã đăng ký được tiếp cận trợ giúp pháp lý và cập nhật kịp thời các quy định pháp luật do các cơ quan quản lý nhà nước cung cấp để đảm bảo tuân thủ pháp luật và giảm thiểu rủi ro giao dịch phi chính thức do thiếu kiến thức. Điều này có thể đạt được bằng cách thành lập các bàn trợ giúp pháp lý địa phương hoặc các phòng tư vấn pháp lý lưu động cho cá nhân kinh doanh, đặc biệt là ở các vùng nông thôn, nơi bằng chứng khảo sát cho thấy việc tiếp cận thông tin này còn hạn chế.

2.4.2 Đăng ký đảm bảo quyền lợi trong giao dịch: Bên cạnh đó, các chiến dịch này nên nhấn mạnh rằng việc đăng ký đảm bảo cá nhân kinh doanh có thể bảo vệ quyền lợi của mình khi tham gia giao dịch với các chủ thể thương mại khác. Ví dụ, trong trường hợp cá nhân kinh doanh cung cấp dịch vụ tiếp thị liên kết cho các nền tảng thương mại điện tử, việc thiếu đăng ký kinh doanh có thể dẫn đến nhầm lẫn về nghĩa vụ thuế. Nếu không có phân loại thuế rõ ràng, các đơn vị kinh doanh này có thể gặp phải các rắc rối pháp lý và thuế.

2.4.3 Đăng ký giúp xác định chính xác nghĩa vụ thuế: Cuối cùng, các chiến dịch này nên nhấn mạnh rằng cá nhân kinh doanh đã đăng ký có thể xác định chính xác mẫu tờ khai thuế và mức thuế phù hợp với hoạt động của họ, giảm nguy cơ khai thiếu hoặc nộp thừa thuế. Ví dụ, những cá nhân tham gia vào các nền tảng thương mại điện tử mà không đăng ký kinh doanh có thể không xác định được họ là người lao động phải chịu thuế TNCN hay là người tiếp thị liên kết độc lập. Việc phân loại sai này có thể dẫn đến việc kê khai thuế không chính xác và có thể bị phạt. Bằng cách đăng ký kinh doanh, các cá nhân kinh doanh đảm bảo rằng các chi phí thực tế được hạch toán và thuế được áp dụng chính xác cho lợi nhuận ròng, từ đó tránh bị đánh thuế cao hơn.

Để đảm bảo kết quả tối ưu, các chiến dịch nên hướng mục tiêu vào các lĩnh vực có tỷ lệ phi chính thức cao hơn mức trung bình quốc gia, hoặc một số nhóm đơn vị kinh doanh sẵn sàng chính thức hóa, nhưng gặp rào cản. Hơn nữa, cần hướng đến mục tiêu là phụ nữ đang cân nhắc khởi nghiệp, những người có thể thiếu thông tin hoặc hỗ trợ cần thiết. Cũng cần thông tin về các chương trình nâng cao năng lực và đào tạo cũng như nhấn mạnh lợi ích của việc đăng ký kinh doanh.

Để các chiến dịch này mang lại hiệu quả, điều quan trọng là phải đảm bảo sự tham gia sâu của ba bên. Cụ thể, cần có sự tham gia của đại diện người lao động và người sử dụng lao động để đánh giá những hạn chế trong việc chính thức hóa mà các nhóm cụ thể gặp phải và được tham vấn về các chính sách cần thực hiện. Trong bối cảnh này, Việt Nam có thể khôi phục lại nhóm công tác đa bên được thành lập năm 2021 với mục tiêu phối hợp các nỗ lực hướng tới chính thức hóa khu vực kinh tế phi chính thức (ILO, 2025a).

Bên cạnh các chiến dịch này, điều quan trọng là phải thiết kế và thực hiện một chiến lược giám sát và đánh giá hoạt động hiệu quả. Mục tiêu của chiến lược này là theo dõi tiến độ đạt được của các công cuộc cải cách khác nhau và cung cấp thông tin, bằng chứng thực nghiệm vững chắc cho việc ra quyết định. Có nhiều lựa chọn khác nhau để thúc đẩy việc chính thức hóa các cá nhân kinh doanh dựa trên kinh nghiệm quốc tế. Tuy nhiên, các phương án này liệu có hiệu quả hay không phụ thuộc vào việc triển khai và phản hồi từ các bên liên quan. Việc theo dõi tiến độ và xem xét lại các quyết định dựa trên kết quả đạt được là rất cần thiết. Một hệ thống giám sát và đánh giá hoạt động tốt sẽ đòi hỏi sự tham gia của nhiều chủ thể khác nhau, dữ liệu từ nhiều nguồn khác nhau và việc thành lập một ban chỉ đạo chịu trách nhiệm đánh giá các cải cách và theo dõi tiến độ, bao gồm đại diện từ Bộ Tài chính và Bộ Nội vụ.

► Tài liệu tham khảo

- De Andrade, Gustavo Henrique & Miriam Bruhn & David McKenzie. 2016. "Một bàn tay trợ giúp hay cánh tay dài của pháp luật? Bằng chứng thực nghiệm về những gì chính phủ có thể làm để chính thức hóa các công ty." *Tạp chí Kinh tế Ngân hàng Thế giới*, Ngân hàng Thế giới, tập 30(1), trang 24-54.
- De Giorgi, Giacomo & Matthew Ploenzke & Aminur Rahman. 2018. "Chính thức hóa các doanh nghiệp nhỏ: Phương pháp xử lý cứng rắn." *Tạp chí Nghiên cứu Phát triển, Tạp chí Taylor & Francis*, tập 54(6), trang 983-1001, tháng 6.
- De Mel, Suresh, David McKenzie và Christopher Woodruff. 2013. "Nhu cầu và hệ quả của việc chính thức hóa các doanh nghiệp phi chính thức ở Sri Lanka." *Tạp chí Kinh tế Hoa Kỳ: Kinh tế ứng dụng* 5 (2): 122-50.
- Ủy ban Kinh tế Mỹ Latinh và Caribe (ECLAC). 2016. "*Toàn cảnh xã hội của Mỹ Latinh năm 2016*." Liên Hợp Quốc. Santiago.
- Elbadawi, I., và N. V. Loayza. 2008. "Phi chính thức, việc làm và phát triển kinh tế ở thế giới Ả Rập". Bài trình bày tại hội nghị quốc tế về Khủng hoảng thất nghiệp ở các nước Ả Rập, Cairo, tháng 3 năm 2008.
- Gatti, R., D. F. Angel-Urdinola, J. Silva, và A. Bodor. 2011. "*Phấn đấu vì việc làm tốt hơn: Thách thức của khu vực kinh tế phi chính thức ở Trung Đông và Bắc Phi*." Washington, DC: Ngân hàng Thế giới.
- Goldschmit, A và Oscar Cetrángolo. 2025. "*Kinh nghiệm với các cơ chế đơn giản hóa nhằm hợp nhất thuế và đóng góp an sinh xã hội ở Mỹ Latinh: Những bài học chính*." Santiago: Tổ chức Lao động Quốc tế, 2025.
- Tổng cục Thống kê (GSO). 2023. "*Báo cáo về tình hình chung của người lao động trong khu vực kinh tế phi chính thức*." Hà Nội, Việt Nam.
- Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO). 2014. "*Tổng quan chuyên đề về lao động 1: Chuyển dịch sang kinh tế chính thức ở Mỹ Latinh và Caribe*". Geneva: Tổ chức Lao động Quốc tế.
- 2021. "*Việc làm phi chính thức tại Việt Nam: Xu hướng và các yếu tố quyết định*".
- 2023. "*Lý thuyết về sự thay đổi trong quá trình chuyển dịch từ kinh tế phi chính thức sang kinh tế chính thức tại Việt Nam*". Hà Nội.
- 2024a. "*Báo cáo nghiên cứu: Việc làm phi chính thức tại Việt Nam qua lăng kính giới*". Hà Nội, Việt Nam.
- 2024b. "*Chính thức hóa và cơ chế doanh nghiệp siêu nhỏ và nhỏ đơn giản hóa: Hướng tới cải cách pháp luật về hộ kinh doanh tại Việt Nam*". Hà Nội.
- 2024c. "*Xác định tư cách pháp lý cho các hộ kinh doanh tại Việt Nam - Chìa khóa dẫn đến chính thức hóa*." Hà Nội.
- 2024d. "*Người lao động phi chính thức trong ngành công nghiệp gỗ của Việt Nam*." Hà Nội.
- 2024e. "*Thúc đẩy chính thức hóa trong ngành cà phê Việt Nam: Quan điểm của người sử dụng lao động về hỗ trợ các hộ nông dân*." Hà Nội.
- 2025a. "*Các cách tiếp cận đổi mới để chính thức hóa ở châu Á và Thái Bình Dương: Báo cáo dẫn đề cho Diễn đàn Chia sẻ Kiến thức Khu vực Ba bên châu Á và Thái Bình Dương của ILO*". Geneva.
- 2025b. "*Các cách tiếp cận đổi mới để giải quyết tình trạng phi chính thức và thúc đẩy quá trình chuyển dịch sang chính thức vì việc làm thỏa đáng*." Geneva.
- 2025c. "*Tương lai của bảo hiểm xã hội tại Việt Nam: Các lựa chọn chính sách và khuyến nghị*." Hà Nội.
- La Porta, R., và A. Shleifer. 2008. "Nền kinh tế phi chính thức và phát triển kinh tế." *Tạp chí Hoạt động Kinh tế Brookings* (Mùa thu): 343-62.

--- 2014. "Phi chính thức và Phát triển," *Tạp chí Quan điểm Kinh tế* (28) 3: 109–26.

Lee, S và Torm, N 2017. "An sinh xã hội và Hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp: Trường hợp các doanh nghiệp vừa và nhỏ của Việt Nam." *Tạp chí Lao động Quốc tế*, ILO tập 156(2), trang 185-212, tháng 6.

Perry, G. E., Maloney, W. F., Arias, O. S., Fajnzylber, P., Mason, A., & Saavedra-Chanduvi, J. 2007. "*Phi chính thức: Thoát ly và Loại trừ*." Ngân hàng Thế giới.

Trần Thị Lê Thu. 2021. "Xác định tư cách chủ thể của các hộ kinh doanh trong giải quyết tranh chấp tại tòa án." *Tạp chí Công Thương*, số 16.

► Phụ lục I. Tình trạng pháp lý và quy định đối với các cá nhân kinh doanh, hộ kinh doanh và doanh nghiệp tư nhân

Bảng 5 dưới đây trình bày tóm tắt kết quả lựa chọn và đánh giá 18 quy định chính (vấn đề/mối quan hệ) tại Việt Nam liên quan đến hoạt động thương mại của các cá nhân kinh doanh, hộ kinh doanh và doanh nghiệp tư nhân. Mục tiêu là để hiểu rõ việc áp dụng các quy định này trong thực tiễn, vốn có tác động đáng kể đến quản lý nhà nước và hoạt động kinh doanh. Về tác động, ngay cả một sự điều chỉnh nhỏ đối với các quy định này cũng có thể dẫn đến những hệ quả sâu rộng, thậm chí có thể khiến hoạt động của các mô hình này trở nên khó khăn hơn. Tác động tổng hợp của những thay đổi trong các quy định pháp lý trên nhiều lĩnh vực có thể thúc đẩy hoặc kìm hãm sự phát triển của một mô hình cụ thể.

Các quy định pháp luật điều chỉnh các cá nhân kinh doanh, hộ kinh doanh và hoạt động thương mại tại Việt Nam bao gồm nhiều quy định từ các nguồn luật khác nhau. Các quy định này bao gồm: (1) văn bản pháp luật do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam ban hành, (2) các hiệp định quốc tế mà Việt Nam đã ký kết, (3) tập quán thương mại, (4) án lệ, (5) sự công bằng và (6) các thỏa thuận, hợp đồng hoặc hành vi pháp lý đơn phương mà các chủ thể thiết lập.

Sự phong phú của các nguồn luật và quy định pháp luật này phản ánh sự đa dạng của các hoạt động thương mại và mô hình tổ chức kinh doanh mà các chủ thể có thể áp dụng để tiến hành các hoạt động thương mại phù hợp với chính sách của Nhà nước và mục tiêu của từng chủ thể. Tuy nhiên, sự đa dạng này cũng tạo ra những khó khăn trong việc nhận thức và áp dụng. Một đánh giá toàn diện cho thấy không có chính sách pháp luật nhất quán, thống nhất hoặc có hệ thống nào cho tất cả 18 vấn đề liên quan đến các mô hình kinh doanh này. Đánh giá cũng chỉ ra những mâu thuẫn và chồng chéo giữa các quy định, gây khó khăn cho các chủ thể trong việc tuân thủ và cho các cơ quan quản lý trong việc áp dụng hiệu quả các công cụ pháp luật này.

► **Bảng 5. Tình trạng pháp lý và quy định đối với các cá nhân kinh doanh, hộ kinh doanh và doanh nghiệp tư nhân**

Quy định pháp luật	Cá nhân kinh doanh	Hộ kinh doanh	Doanh nghiệp tư nhân	Ghi chú
(1) Tình trạng pháp lý/tư cách chủ thể	Cá nhân. ¹⁹	Cá nhân. ²⁰	Cá nhân. ²¹ Tuy nhiên, trên thực tế, nhiều quan hệ pháp lý vẫn coi doanh nghiệp tư nhân là một chủ thể. Ví dụ, doanh nghiệp có thể tuyên bố phá sản và phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	Cả ba mô hình tổ chức kinh doanh này đều được xác định là cá nhân ²² . Các cá nhân sở hữu, thành lập hoặc góp vốn để thành lập các mô hình này phải chịu trách nhiệm cá nhân vô hạn đối với các nghĩa vụ về tài sản được thiết lập bởi các mô hình này.
(2) Chủ thể/ thực thể có quyền thành lập	Cá nhân.	Cá nhân hoặc thành viên hộ gia đình. ²³	Cá nhân.	Chỉ có thể được thành lập bởi cá nhân hoặc nhóm cá nhân. Không thể thành lập các pháp nhân hoặc tổ chức không có tư cách pháp lý.
(3) Chính sách thuế	Phí cấp giấy phép kinh doanh. ²⁴ Thuế TNCN + Thuế GTGT. ²⁵ Thuế tiêu thụ đặc biệt. ²⁶ Thuế bảo vệ môi trường. ²⁷ Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp. ²⁸ Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu. ²⁹ Thuế tài nguyên. ³⁰	Phí cấp giấy phép kinh doanh. ³¹ Thuế TNCN + Thuế GTGT. ³² Thuế tiêu thụ đặc biệt. Thuế bảo vệ môi trường. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp. Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu. Thuế tài nguyên.	Phí cấp giấy phép kinh doanh. ³³ Thuế thu nhập doanh nghiệp. ³⁴ Chủ doanh nghiệp tư nhân không phải chịu thuế TNCN đối với lợi nhuận của doanh nghiệp. ³⁵ Thuế tiêu thụ đặc biệt. Thuế bảo vệ môi trường. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp. Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu. Thuế tài nguyên.	Cá nhân và hộ kinh doanh đều được gọi chung là người nộp thuế. Các doanh nghiệp tư nhân, với tư cách là một loại hình doanh nghiệp theo Luật Doanh nghiệp, thường được quy định và đề cập như người nộp thuế phải thực hiện đăng ký thuế.

¹⁹ Khoản 1, Điều 3, Nghị định số 39/2007/NĐ-CP

²⁰ Khoản 1, Điều 79 và Khoản 1, Điều 80 của Nghị định số 01/2021/NĐ-CP

²¹ Điều 1, Khoản 188, Luật Doanh nghiệp 2020

²² Điều 101-104 của Bộ luật Dân sự 2015

²³ Khoản 1, Điều 79 và 80 của Nghị định số 01/2021/NĐ-CP

²⁴ Điều 4 Văn bản hợp nhất số 38/VBHN-VPQH, Luật Phí và lệ phí năm 2023 và Điều 4, Văn bản hợp nhất số 20/VBHN-BTC năm 2021 hợp nhất Thông tư hướng dẫn về phí cấp giấy phép kinh doanh

²⁵ Điều 2 Văn bản hợp nhất số 15/VBHN-VPQH 2014

²⁶ Điều 4 Văn bản hợp nhất số 08/VBHN-VPQH, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt 2022

²⁷ Điều 5 Luật Thuế Bảo vệ Môi trường năm 2010

²⁸ Điều 4 Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp năm 2010

²⁹ Điều 3 Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu 2016

³⁰ Điều 3 Luật Thuế Tài nguyên Thiên nhiên 2009

³¹ Điều 4 Văn bản hợp nhất số 38/VBHN-VPQH, Luật Phí và lệ phí năm 2023 và Điều 4, Văn bản hợp nhất 20/VBHN-BTC năm 2021 hợp nhất Thông tư hướng dẫn về phí cấp giấy phép kinh doanh

³² Điều 2 Văn bản hợp nhất số 15/VBHN-VPQH 2014

³³ Điều 4 Văn bản hợp nhất số 38/VBHN-VPQH, Luật Phí và lệ phí năm 2023 và Điều 4, Văn bản hợp nhất 20/VBHN-BTC năm 2021 hợp nhất Thông tư hướng dẫn về phí cấp giấy phép kinh doanh

³⁴ Điều 2 Văn bản hợp nhất số 22/VBHN-VPQH: Luật thuế thu nhập doanh nghiệp.

³⁵ https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/chu-doanh-nghiep-tu-nhan-co-phai-nop-thue-thu-nhap-ca-nhan-doi-voi-khoan-loi-tuc-cua-doanh-nghiep-t-823549-134959.html?_cf_chl_f_tk=Qak2BLXNJfAcJAKT_7htiOI0B0.eNjDDSSp2yWFT.k0-1782810139-1.0.1.1-2JTE-5Q0YoOSuxoe1TkE1wSSWLcwPUfctQcZJPWQ5pM

Quy định pháp luật	Cá nhân kinh doanh	Hộ kinh doanh	Doanh nghiệp tư nhân	Ghi chú
(4) Bảo hiểm xã hội	BHXX bắt buộc:³⁶ Nếu sử dụng lao động theo hợp đồng lao động, đơn vị kinh doanh và người lao động phải tham gia BHXX bắt buộc. BHXX tự nguyện: Chủ đơn vị kinh doanh có thể tham gia BHXX tự nguyện.	BHXX bắt buộc: Nếu sử dụng lao động theo hợp đồng lao động, hộ kinh doanh và người lao động phải tham gia BHXX bắt buộc. Bảo hiểm xã hội tự nguyện: Chủ đơn vị kinh doanh và thành viên hộ gia đình trong trường hợp hộ gia đình đăng ký kinh doanh có thể tham gia BHXX tự nguyện. Sau khi Luật BHXX năm 2024 có hiệu lực kể từ ngày 1 tháng 7 năm 2025, chủ hộ kinh doanh phải tham gia BHXX bắt buộc.	BHXX bắt buộc:³⁷ Các doanh nghiệp tư nhân, chủ doanh nghiệp tư nhân và người lao động phải tham gia BHXX bắt buộc. BHXX tự nguyện: Chủ doanh nghiệp tư nhân (người quản lý doanh nghiệp tư nhân) không nhận lương có thể tham gia BHXX tự nguyện. Sau khi Luật BHXX năm 2024 có hiệu lực kể từ ngày 1 tháng 7 năm 2025, chủ doanh nghiệp tư nhân (có hoặc không nhận lương) phải tham gia BHXX bắt buộc.	Đối với chủ doanh nghiệp: Quy định của Luật không yêu cầu chủ doanh nghiệp tham gia BHXX bắt buộc, trừ trường hợp cá nhân đó tham gia vào quan hệ lao động. Sau khi Luật BHXX năm 2024 có hiệu lực kể từ ngày 1 tháng 7 năm 2025, chủ hộ kinh doanh và chủ doanh nghiệp tư nhân (người quản lý doanh nghiệp tư nhân) đã đăng ký phải tham gia BHXX bắt buộc.
(5) Đăng ký kinh doanh	Các nhóm đối tượng sau đây không được coi là thương nhân và không cần đăng ký kinh doanh.³⁸ Việc bán hàng trực tuyến, trong trường hợp hoạt động trực tuyến thông qua việc thiết lập trang web để cung cấp dịch vụ thương mại điện tử, phải được đăng ký trực tuyến với Bộ Công Thương theo quy định và được coi là cá nhân thực hiện hoạt động thương mại.³⁹	Đăng ký tại phòng đăng ký kinh doanh cấp huyện.⁴⁰ Năm trường hợp không cần đăng ký kinh doanh: 1) hộ gia đình tham gia sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và muối, 2) người bán hàng vỉa hè, người bán đồ ăn vặt và người bán hàng lưu động, 3) người bán hàng rong, 4) người bán hàng theo mùa và 5) người cung cấp dịch vụ thu nhập thấp.⁴¹	Đăng ký tại cơ quan đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính.⁴²	

³⁶ Điều 2 Luật Bảo hiểm xã hội 2014

³⁷ Điều 2 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 và Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2020

³⁸ Khoản 1, Điều 3, Nghị định số 39/2007/NĐ-CP.

³⁹ Khoản 1, Điều 55, Nghị định số 52/2013/NĐ-CP

⁴⁰ Điều 82, Điều 87 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP

⁴¹ Điều 79, Khoản 2, Nghị định số 01/2021/NĐ-CP

⁴² Điều 19, Luật Doanh nghiệp 2020

Quy định pháp luật	Cá nhân kinh doanh	Hộ kinh doanh	Doanh nghiệp tư nhân	Ghi chú
(6) Thương nhân/doanh nhân Chính sách hỗ trợ	Nếu một cá nhân không đăng ký kinh doanh, người đó không được coi là thương nhân theo quy định của Luật Thương mại năm 2005 (Điều 6). Tuy nhiên, luật thương mại vẫn áp dụng đối với họ. Được hưởng chính sách miễn thuế theo Nghị định số 92/2021/NĐ-CP quy định chi tiết Nghị quyết 406/NQ-UBTVQH15 về các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp và người dân bị ảnh hưởng bởi đại dịch.	Cá nhân chủ hộ kinh doanh Một số chương trình hỗ trợ đang được thực hiện: - Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam đã ban hành Công văn 5838/NHCS-TDSV năm 2023 hướng dẫn hoạt động cho vay đối với các hộ sản xuất, kinh doanh ở các vùng khó khăn theo Quyết định số 17/2023/QĐ-TTg sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg - Chính sách miễn thuế theo Nghị định 92/2021/NĐ-CP.	Cá nhân chủ hộ kinh doanh Một số chương trình hỗ trợ đang được thực hiện: - Thông tư 13/2023/TT-BKHĐT về cơ chế thực hiện “Chương trình hỗ trợ phát triển bền vững doanh nghiệp tư nhân giai đoạn 2022-2025” (Chương trình 167). Chương III, Chương IV của Nghị định số 80/2021/NĐ-CP hướng dẫn thực hiện các điều khoản của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ.	
(7) Tiếp cận tín dụng	Vay tiền từ một tổ chức tín dụng. ⁴³	Vay vốn từ một tổ chức tín dụng nhưng bên ký kết hợp đồng là một cá nhân.	Theo luật, các doanh nghiệp tư nhân không được phép vay vốn từ các tổ chức tín dụng vì họ không phải là pháp nhân. ⁴⁴	So với các ngân hàng thương mại, việc cho vay đối với các doanh nghiệp tư nhân khá linh hoạt. Các doanh nghiệp tư nhân vẫn có thể ký kết hợp đồng tín dụng với ngân hàng dưới danh nghĩa doanh nghiệp. Tuy nhiên, hợp đồng này chứa nhiều điều khoản ràng buộc trách nhiệm trả nợ thay mặt chủ doanh nghiệp tư nhân. Mục đích vay và thẩm định là thách thức. Nếu cá nhân vay thì chỉ được sử dụng cho mục đích tiêu dùng. Nhưng nếu doanh nghiệp vay thì chỉ có thể được thẩm định cho mục đích kinh doanh. Do đó, nếu cá nhân sở hữu một doanh nghiệp tư nhân vay vốn, sẽ gặp khó khăn trong quá trình thẩm định.

⁴³ Điều 2 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN

⁴⁴ Điều 7 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN

Quy định pháp luật	Cá nhân kinh doanh	Hộ kinh doanh	Doanh nghiệp tư nhân	Ghi chú
				Do hộ kinh doanh không phải là pháp nhân nên không đủ điều kiện vay vốn từ các tổ chức tín dụng. Nếu muốn vay vốn từ ngân hàng thì chỉ có thể vay với tư cách cá nhân sở hữu hộ kinh doanh. Tương tự như các doanh nghiệp tư nhân. ⁴⁵
8) Quan hệ lao động	Nếu sử dụng lao động theo hợp đồng lao động.⁴⁶ - Người sử dụng lao động: cá nhân kinh doanh (đơn vị kinh doanh). - Người lao động: người làm việc theo hợp đồng lao động. Nếu sử dụng lao động không có hợp đồng lao động thì không phát sinh quan hệ lao động.⁴⁷ Nếu chủ đơn vị kinh doanh tự mình thực hiện tất cả các hoạt động kinh doanh thì không có quan hệ lao động.⁴⁸	Nếu sử dụng lao động theo hợp đồng lao động.⁴⁹ - Người sử dụng lao động: hộ kinh doanh (luật không quy định rõ ràng hộ kinh doanh là người sử dụng lao động, nhưng quy định chủ thể thành lập hộ kinh doanh là người sử dụng lao động). - Người lao động: người làm việc theo hợp đồng lao động. Trường hợp hộ kinh doanh chỉ bao gồm các thành viên gia đình hoặc sử dụng lao động không có hợp đồng lao động thì người lao động không có quan hệ lao động.	- Người sử dụng lao động: Doanh nghiệp tư nhân - Người lao động: người làm việc theo hợp đồng lao động (bao gồm cả chủ doanh nghiệp tư nhân nhận lương để quản lý doanh nghiệp).	
(9) Quyền kinh doanh	Được phép buôn bán hàng hóa và dịch vụ theo quy định của pháp luật, bao gồm các ngành thương mại tự do và các ngành kinh doanh có điều kiện nếu đáp ứng các điều kiện, trừ hàng hóa và dịch vụ quy định tại Điều 5, Nghị định số 39/2007/NĐ-CP.	Có quyền kinh doanh trong các lĩnh vực các lĩnh vực đầu tư kinh doanh tự do và có điều kiện kể từ khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định pháp luật và phải đảm bảo các điều kiện đó được đáp ứng trong suốt quá trình hoạt động. ⁵⁰	Quyền tự do kinh doanh trong các lĩnh vực và ngành nghề không bị pháp luật cấm. ⁵¹	Luật Đầu tư năm 2020 được chia thành ba nhóm ngành nghề kinh doanh: 1) bị cấm đầu tư và kinh doanh (Điều 6), (2) có điều kiện đầu tư và kinh doanh (Phụ lục IV) và (3) ngành nghề kinh doanh tự do.

⁴⁵ Điều 7 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN.

⁴⁶ Khoản 1 và 2, Điều 3 Bộ luật Lao động năm 2019

⁴⁷ Khoản 6, Điều 3, Bộ luật Lao động năm 2019

⁴⁸ Khoản 5, Điều 3, Bộ luật Lao động năm 2019

⁴⁹ Điều 3 Bộ luật Lao động năm 2019 và Điều 79 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP

⁵⁰ Điều 89 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP

⁵¹ Điều 7 Luật Doanh nghiệp 2020

Quy định pháp luật	Cá nhân kinh doanh	Hộ kinh doanh	Doanh nghiệp tư nhân	Ghi chú
(10) Phá sản	Chưa có quy định.	Chưa có quy định.	Tuân theo Luật Phá sản năm 2014 (Điều 2).	
(11) Thừa kế/Chuyển nhượng	Được điều chỉnh bởi các quy định về thừa kế và chuyển nhượng trong luật dân sự.	Việc chuyển nhượng và thừa kế hộ kinh doanh có thể được thực hiện thông qua các quy định về thay đổi chủ sở hữu hộ kinh doanh, bao gồm các quy định về hợp đồng mua bán, tặng và thừa kế hộ kinh doanh. ⁵²	Luật Doanh nghiệp 2020 (Điều 192 và 193) và Nghị định số 01/2021/NĐ-CP về đăng ký kinh doanh (Điều 54) có quy định về việc chuyển nhượng và thừa kế doanh nghiệp tư nhân.	
(12) Bảo vệ người tiêu dùng	Được điều chỉnh bởi Luật Bảo vệ Người tiêu dùng năm 2023 (ngày 1 tháng 7 năm 2024), Chương III Nghị định 55/2024/NĐ-CP (ngày 1 tháng 7 năm 2024) và Khoản 1, Điều 7 Nghị định 39/2017/NĐ-CP.	Được điều chỉnh bởi Luật Bảo vệ Người tiêu dùng năm 2023 (ngày 1 tháng 7 năm 2024) và các quy định chi tiết trong Nghị định 55/2024/NĐ-CP (ngày 1 tháng 7 năm 2024).	Được điều chỉnh bởi Luật Bảo vệ Người tiêu dùng năm 2023 (ngày 1 tháng 7 năm 2024) và các quy định chi tiết trong Nghị định 55/2024/NĐ-CP (ngày 1 tháng 7 năm 2024).	
(13) Phòng cháy chữa cháy	Việc rà soát thiết kế phòng cháy chữa cháy phải được thực hiện theo quy định pháp luật.	Việc rà soát thiết kế phòng cháy chữa cháy phải được thực hiện theo quy định pháp luật.	Việc rà soát thiết kế phòng cháy chữa cháy phải được thực hiện theo quy định pháp luật.	
(14) Điện	Được điều chỉnh bởi các điều khoản của Luật Điện lực, Thông tư số 16/2014/TT-BCT, Thông tư số 25/2018/TT-BCT và Phụ lục theo Quyết định số 2941/QĐ-BCT.	Được điều chỉnh bởi các điều khoản của Luật Điện lực, Thông tư số 16/2014/TT-BCT, Thông tư sửa đổi và bổ sung theo Thông tư số 96/2015/TT-BTC, Thông tư số 25/2018/TT-BCT và Phụ lục Quyết định số 2941/QĐ-BCT.	Được điều chỉnh bởi các quy định của Luật Điện lực 28/2004/QH11, Thông tư số 16/2014/TT-BCT, Thông tư số 78/2014/TT-BCT được sửa đổi và bổ sung bởi Thông tư số 96/2015/TT-BTC, Thông tư số 25/2018/TT-BCT và Phụ lục Quyết định số 2941/QĐ-BCT.	Cá nhân và các tổ chức kinh doanh có thể lựa chọn đăng ký sử dụng điện kinh doanh thay vì điện sinh hoạt để tiết kiệm chi phí hàng tháng (nếu sử dụng lượng điện đáng kể trong giờ cao điểm hoặc giờ thấp điểm).
(15) Nước	Tuân thủ các quy định của Nghị định 117/2007/NĐ-CP, Thông tư số 44/2021/TT-BTC, Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15 (ngày 1 tháng 7 năm 2024), Nghị định số 53/2020/NĐ-CP.	Tuân thủ các quy định của Nghị định 117/2007/NĐ-CP, Thông tư số 44/2021/TT-BTC, Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15 (ngày 1 tháng 7 năm 2024), Nghị định số 53/2020/NĐ-CP.	Tuân thủ các quy định của Nghị định 117/2007/NĐ-CP, Thông tư số 44/2021/TT-BTC, Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15 (ngày 1 tháng 7 năm 2024), Nghị định số 53/2020/NĐ-CP.	Giá nước cho mỗi nhóm khách hàng sử dụng nước sạch cho mục đích sinh hoạt ở từng khu vực và địa điểm có sự khác biệt đáng kể. Nhưng nhìn chung, giá nước cho các doanh nghiệp và nhóm dịch vụ ở hầu hết các tỉnh và thành phố đều cao hơn giá nước áp dụng cho cá nhân và hộ gia đình.

⁵² Điều 90 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP về đăng ký kinh doanh

Quy định pháp luật	Cá nhân kinh doanh	Hộ kinh doanh	Doanh nghiệp tư nhân	Ghi chú
(16) Xây dựng	Tuân thủ các quy định của Luật Xây dựng, Nghị định số 06/2021/NĐ-CP, Thông tư 06/2021/TT-BXD, Thông tư 10/2021/TT-BXD, Luật Kiến trúc số 40/2019/QH14.	Tuân thủ các quy định của Luật Xây dựng, Nghị định số 06/2021/NĐ-CP, Thông tư 06/2021/TT-BXD, Thông tư 10/2021/TT-BXD, Luật Kiến trúc số 40/2019/QH14.	Tuân thủ các quy định của Luật Xây dựng, Nghị định số 06/2021/NĐ-CP, Thông tư 06/2021/TT-BXD, Thông tư 10/2021/TT-BXD, Luật Kiến trúc số 40/2019/QH14, Nghị định số 15/2021/NĐ-CP, Nghị định số 100/2018/NĐ-CP.	Theo dự án.
(17) An toàn và vệ sinh thực phẩm	Tuân thủ các quy định của Luật An toàn Thực phẩm số 55/2010/QH12 và Nghị định số 15/2018/NĐ-CP.	Tuân thủ các quy định của Luật An toàn Thực phẩm số 55/2010/QH12 và Nghị định số 15/2018/NĐ-CP.	Tuân thủ các quy định của Luật An toàn Thực phẩm số 55/2010/QH12 và Nghị định số 15/2018/NĐ-CP.	Theo ngành nghề.
(18) Hóa đơn	Chỉ có thể xuất hóa đơn bán hàng, không xuất hóa đơn GTGT. Nếu cần, hóa đơn GTGT phải được mua từ cơ quan thuế.	Chỉ có thể xuất hóa đơn bán hàng, không thể xuất hóa đơn GTGT. Nếu cần, hóa đơn GTGT phải được mua từ cơ quan thuế.	Trong trường hợp doanh nghiệp tư nhân kê khai thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, họ có thể xuất hóa đơn đỏ. Ngược lại, họ phải mua hóa đơn theo quy định dành cho hộ gia đình hoặc doanh nghiệp.	Hộ kinh doanh và doanh nghiệp được coi là các chủ thể bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Doanh nghiệp tư nhân là các doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam.

► Phụ lục II. Phiếu khảo sát dành cho cá nhân kinh doanh và hộ kinh doanh về đăng ký kinh doanh và tham gia BHXH bắt buộc

Khảo sát này nhằm thu thập thông tin cho nghiên cứu: “Đánh giá việc đăng ký kinh doanh đối với các cá nhân kinh doanh và hộ kinh doanh và việc mở rộng sự tham gia BHXH bắt buộc đối với chủ hộ kinh doanh đã đăng ký kinh doanh, cũng như đối với người lao động tại các hộ gia đình và cá nhân kinh doanh” do VIDERI thực hiện, với sự hỗ trợ của ILO. Thông tin thu thập được sẽ được sử dụng để đánh giá khách quan việc đăng ký kinh doanh đối với các cá nhân kinh doanh và hộ kinh doanh, cũng như việc tham gia BHXH bắt buộc của họ đối với những người đã đăng ký, từ góc độ nhu cầu thực tiễn của các cá nhân kinh doanh và hộ kinh doanh. Thông tin này sẽ giúp cung cấp cơ sở khoa học toàn diện để xây dựng các chính sách phù hợp với tình hình hiện tại.

Thông tin chung

Thành phố/Tỉnh	1. Hà Nội 2. Tuyên Quang 3. Thanh Hóa 4. Thành phố Hồ Chí Minh
Quận/Huyện	[mã số được thêm vào sau khi chọn quận/huyện trong mỗi Thành phố/Tỉnh]
Xã/Phường/Thị trấn	[mã số được thêm vào sau khi chọn quận/phường]
Người phỏng vấn	[Mã số người phỏng vấn]
Ngày	Viết 2 chữ số cho ngày, 2 chữ số cho tháng và 2 chữ số cho năm, Ví dụ: 120924 nghĩa là ngày 12 tháng 9 năm 2024
Thời gian bắt đầu	Viết thời gian theo định dạng 24 giờ, ví dụ 9:30 hoặc 14:15
Cuộc phỏng vấn có được tiến hành tại địa điểm kinh doanh của người được phỏng vấn không?	1. Có 2. Không

A. Thông tin của người trả lời khảo sát

A1	Tên đầy đủ	[Không bắt buộc]
A2	Giới tính	1. Nữ 2. Nam 3. Khác 99. Không muốn trả lời
A3	Dân tộc	

A4	Trình độ học vấn cao nhất	1. Không đi học 2. Đã hoàn thành (tốt nghiệp) trường tiểu học 3. Đã tốt nghiệp trường trung học cơ sở 4. Đã tốt nghiệp trường trung học phổ thông 5. Đã hoàn thành chứng chỉ đào tạo cơ bản 6. Đã hoàn thành (tốt nghiệp) trường dạy nghề 7. Đã tốt nghiệp cao đẳng hoặc đại học 8. Sau đại học 9. Không muốn trả lời
A5	Tuổi	[ghi tuổi, không phải năm sinh]
A6	Số thành viên trong gia đình	Tổng số thành viên:người Số thành viên trên 60 tuổi:..... người Số thành viên dưới 18 tuổi:..... người Số thành viên khuyết tật:..... người
A7	Số người phụ thuộc mà Anh/Chị trực tiếp chịu trách nhiệm chu cấp	 người

B. Thông tin về hoạt động sản xuất và kinh doanh

B1	Anh/Chị xác định mình thuộc loại hình kinh doanh nào sau đây? [chỉ được chọn một câu trả lời]
	1. Hộ kinh doanh đã đăng ký [nếu chọn, hãy trả lời câu hỏi 1a] 1a. Số lượng người lao động (không bao gồm chủ doanh nghiệp):.....người; trong đó, số lượng nhân viên nữ là.....người] [đọc to ghi chú bên dưới về người lao động] 2. Hộ kinh doanh chưa đăng ký [nếu chọn, hãy trả lời câu hỏi 2a] 2a. Số lượng người lao động (không bao gồm chủ doanh nghiệp):.....người; trong đó, số lượng lao động nữ.....người] [đọc to ghi chú bên dưới về người lao động]⁵³ 3. Cá nhân kinh doanh (chỉ chọn khi không thuộc hai loại trên) 99. Không chắc chắn (không thể phân loại) <i>Ghi chú: Người lao động trong câu hỏi này đề cập đến những người làm việc theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn, hợp đồng lao động có thời hạn từ 1 tháng trở lên, bao gồm cả trường hợp người lao động và người sử dụng lao động thỏa thuận theo các điều khoản khác nhau nhưng nội dung thể hiện công việc được trả lương, trả công và do chủ hộ kinh doanh quản lý, chỉ đạo và giám sát.</i>
B3	Các lĩnh vực sản xuất và kinh doanh chính [liệt kê các lĩnh vực kinh doanh chính, nhưng không quá 3 lĩnh vực]
	1. 2. 3.

⁵³ Nếu câu trả lời là 0 thì các hộ kinh doanh chưa đăng ký và không có nhân viên sẽ được xử lý trong dữ liệu như các cá nhân kinh doanh.

B4	Anh/Chị có địa điểm sản xuất và kinh doanh cố định không?												
	1. Có 2. Không 3. Vừa có vừa không (có địa điểm cố định và cung cấp sản phẩm/dịch vụ theo yêu cầu của khách hàng) 9. Không chắc chắn (không muốn trả lời) <i>[Ghi chú: Địa điểm kinh doanh cố định là nơi tiến hành các hoạt động sản xuất và kinh doanh, chẳng hạn như: địa điểm giao dịch, cửa hàng, xưởng, kho, cảng, bãi hoặc các địa điểm tương tự khác theo Thông tư số 40]</i>												
B5	Anh/Chị có tham gia kinh doanh trên các sàn thương mại điện tử chính thống không? [có thể chọn nhiều câu trả lời, ngoại trừ lựa chọn 99]												
	<table border="0"> <tr> <td>1. Shopee</td><td>7. Adayroi</td></tr> <tr> <td>2. Lazada</td><td>8. Taobao</td></tr> <tr> <td>3. Tiki</td><td>9. Alibaba</td></tr> <tr> <td>4. Sendo</td><td>10. Amazon</td></tr> <tr> <td>5. Tiktok Shop</td><td>11. Khác (Vui lòng ghi rõ)</td></tr> <tr> <td>6. Chotot.com</td><td>99. Không chắc chắn (không muốn trả lời)</td></tr> </table>	1. Shopee	7. Adayroi	2. Lazada	8. Taobao	3. Tiki	9. Alibaba	4. Sendo	10. Amazon	5. Tiktok Shop	11. Khác (Vui lòng ghi rõ)	6. Chotot.com	99. Không chắc chắn (không muốn trả lời)
1. Shopee	7. Adayroi												
2. Lazada	8. Taobao												
3. Tiki	9. Alibaba												
4. Sendo	10. Amazon												
5. Tiktok Shop	11. Khác (Vui lòng ghi rõ)												
6. Chotot.com	99. Không chắc chắn (không muốn trả lời)												
B6	Anh/Chị có tham gia kinh doanh trên mạng xã hội không? [có thể chọn nhiều câu trả lời, ngoại trừ lựa chọn 99]												
	1. Facebook 2. Zalo 3. Instagram 4. Youtube 5. Khác (Vui lòng ghi rõ) 99. Không chắc chắn (không muốn trả lời)												
B7	Khách hàng chính của Anh/Chị là ai [những người mang lại doanh thu cao nhất]? [có thể chọn nhiều câu trả lời]												
	1. Chính phủ/cơ quan nhà nước/doanh nghiệp 2. Doanh nghiệp tư nhân trong nước 3. Doanh nghiệp nước ngoài/liên doanh 4. Cơ sở sản xuất và kinh doanh phi nông nghiệp cá thể 5. Hiệp hội, tổ chức, tổ chức phi chính phủ, hợp tác xã (ngoài khu vực nhà nước) 6. Cá nhân (mua hàng hóa và dịch vụ cho mục đích cá nhân) 7. Cá nhân (mua hàng hóa và dịch vụ cho mục đích kinh doanh) 8. Khách hàng nước ngoài (xuất khẩu trực tiếp) 9. Không chắc chắn (không muốn trả lời)												

B8	Anh/Chị có ký hợp đồng cung ứng hàng hóa và dịch vụ với khách hàng không [chỉ được chọn một câu trả lời]
	1. Không 2. Hiếm khi 3. thỉnh thoảng 4. Thường xuyên 5. Luôn luôn 9. Không áp dụng/Không muốn trả lời
B9	Khách hàng của Anh/Chị có yêu cầu hóa đơn không? [chỉ được chọn một câu trả lời]
	1. Không 2. Hiếm khi 3. thỉnh thoảng 4. Thường xuyên 5. Luôn luôn 99. Không áp dụng/Không muốn trả lời
B10	Doanh thu bình quân hàng tháng (trong 12 tháng qua) là bao nhiêu? [đơn vị: triệu đồng]
B11	Doanh thu hàng tháng thấp nhất trong 12 tháng qua là bao nhiêu? [đơn vị: triệu đồng]
B12	Doanh thu hàng tháng cao nhất trong 12 tháng qua là bao nhiêu? [đơn vị: triệu đồng]
	[Ước tính] Tỷ suất lợi nhuận ròng của anh/chị là bao nhiêu phần trăm doanh thu? (Vui lòng tính bằng cách trừ tất cả các chi phí khỏi tổng doanh thu, bao gồm cả lương của anh/chị với tư cách là chủ doanh nghiệp và thuế) 1. Dưới 5% 2. Từ 5% đến dưới 7% 3. Từ 7% đến dưới 10% 4. Từ 10% đến dưới 20% 5. Từ 20% trở lên 99. Không muốn trả lời

B13	Mức độ khó khăn trong kinh doanh và sản xuất trong 12 tháng qua. [Đọc từng mục cùng với 3 lựa chọn]
	1. Nguồn cung nguyên liệu thô (chất lượng, khan hiếm) 2. Tiêu thụ sản phẩm/dịch vụ (giảm khách hàng, giảm thị phần, doanh số giảm, cạnh tranh gia tăng) 3. Tiếp cận vốn vay 4. Tăng chi phí sản xuất và kinh doanh 5. Khó khăn về dòng tiền (khách hàng thanh toán chậm, chi phí đến hạn, tồn kho cao) 6. Thiếu mặt bằng và địa điểm kinh doanh phù hợp 7. Vận chuyển hàng hóa 8. Tham nhũng (chi phí không chính thức) 9. Lạm phát 10. Tội phạm, trộm cắp và mất trật tự xã hội 11. Khác _____ (vui lòng ghi rõ) 0 = Không xảy ra 1 = Bình thường 2 = Nghiêm trọng 99 = Không muốn trả lời

C. Đánh giá/trải nghiệm về đăng ký kinh doanh

C1. Đánh giá/trải nghiệm của hộ kinh doanh đã đăng ký

[Chỉ hỏi những hộ kinh doanh ĐÃ ĐĂNG KÝ, nghĩa là những người đã chọn phương án 1 trong câu hỏi B1]

C1.1	Anh/Chị đã đăng ký chính thức hộ kinh doanh lần đầu tiên vào năm nào? [viết năm với 4 chữ số]
C1.2	Anh/Chị đánh giá mức độ thuận tiện của thủ tục đăng ký kinh doanh như thế nào?
	1. Rất bất tiện 2. Bất tiện 3. Bình thường 4. Thuận tiện 5. Rất thuận tiện 9. Không muốn trả lời
C1.3	Việc đăng ký kinh doanh đã được sửa đổi bao nhiêu lần kể từ lần đăng ký đầu tiên? [viết số]
C1.4	Anh/Chị đánh giá trải nghiệm của mình với thủ tục sửa đổi đăng ký kinh doanh như thế nào? [chỉ hỏi khi câu trả lời cho C1.3 là 1 trở lên]
	1. Rất bất tiện 2. Bất tiện 3. Bình thường 4. Thuận tiện 5. Rất thuận tiện 9. Không muốn trả lời
C1.5	Sau khi đăng ký hộ kinh doanh, Anh/Chị đã được hưởng những lợi ích nào sau đây liên quan đến hoạt động sản xuất và kinh doanh? [có thể chọn nhiều câu trả lời, trừ lựa chọn 99]
	1. Tránh rủi ro pháp lý (kinh doanh không giấy phép) 2. Dễ dàng tiếp cận vốn 3. Khách hàng tin tưởng hơn/Dễ dàng đàm phán/Ký kết hợp đồng với khách hàng 4. Tăng doanh thu/số lượng khách hàng 5. Dễ dàng đăng ký bán hàng trên các nền tảng thương mại điện tử chính thức 6. Được nhà cung cấp đầu vào tin tưởng hơn/Dễ dàng đàm phán/Ký kết hợp đồng với nhà cung cấp 7. Tuyển dụng nhân công dễ dàng hơn 8. Đăng ký bảo hiểm xã hội cho người lao động dễ dàng hơn 9. Được các cơ quan quản lý hướng dẫn về các quy định liên quan đến hoạt động sản xuất và kinh doanh (như phòng cháy chữa cháy, môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm, an toàn lao động, v.v.) 10. Được chính quyền địa phương quan tâm/hỗ trợ phát triển sản xuất và kinh doanh 11. Khác (Vui lòng nêu rõ) 99. Không (muốn) trả lời

C1.6	Trong quá trình đăng ký hộ kinh doanh, Anh/Chị có gặp khó khăn nào sau đây không? [có thể chọn nhiều câu trả lời, trừ lựa chọn 99] 1. Chi phí sản xuất và vận hành kinh doanh tăng lên 2. Phải đáp ứng nhiều yêu cầu hơn từ cơ quan thuế 3. Phải đáp ứng nhiều yêu cầu hơn từ các cơ quan quản lý (không phải cơ quan thuế) (ví dụ: phòng cháy chữa cháy, địa điểm kinh doanh, an toàn thực phẩm) 4. Chủ hộ kinh doanh tốn nhiều thời gian hơn cho việc quản lý 5. Cần thêm nhân sự để quản lý tài chính, kế toán và thuế 6. Cần thêm nhân sự để xử lý các thủ tục BHXH bắt buộc 7. Không thể khấu trừ chi phí hoạt động kinh doanh của hộ gia đình khi tính thuế thu nhập cá nhân, bao gồm chi phí mua nguyên vật liệu sản xuất sản phẩm, tiền lương trả cho nhân viên, chi phí BHXH bắt buộc và bảo hiểm y tế cho nhân viên. 8. Không thể khấu trừ thuế GTGT đầu vào 9. Khác (Vui lòng nêu rõ) 99. Không muốn trả lời
C1.7	Nếu được hỏi LỜI KHUYẾN về VIỆC CÓ NÊN đăng ký kinh doanh hay không, anh/chị sẽ đưa ra lời khuyên gì cho một hộ kinh doanh hoặc một cá nhân kinh doanh chưa đăng ký? 1. Nên đăng ký càng sớm càng tốt 2. Tuyệt đối không nên đăng ký kinh doanh 3. Nên trì hoãn việc đăng ký càng lâu càng tốt [chỉ đăng ký khi bị bắt buộc] 4. Chỉ nên đăng ký khi (có thể chọn nhiều câu trả lời): a. Cần thuê/sử dụng lao động thuê ngoài b. Cần xây dựng uy tín với các đối tác (khách hàng, nhà cung cấp) c. Cần có tư cách pháp lý để ký kết hợp đồng d. Có chính sách miễn/giảm thuế e. Có quy định về khấu trừ chi phí hoạt động và thuế GTGT đầu vào f. Có sự hỗ trợ từ các cơ quan quản lý nhà nước g. Có các chương trình hỗ trợ vốn cho các cá nhân kinh doanh hoặc hộ kinh doanh đã đăng ký h. Có khả năng tuân thủ các quy định pháp luật i. Khác (Vui lòng nêu rõ) 99. Không (muốn) trả lời
C1.8	Anh/Chị đề xuất quy định đăng ký kinh doanh cần thay đổi gì? (Có thể chọn nhiều đáp án) 1. Đơn giản hóa thủ tục đăng ký/sửa đổi giấy phép kinh doanh 2. Cho phép phương pháp khấu trừ thuế GTGT 3. Cho phép khấu trừ chi phí hoạt động và nộp thuế thu nhập cá nhân theo quy định hiện hành (không theo bậc/mức thuế) 4. Cho phép khấu trừ chi phí hoạt động và nộp thuế thu nhập cá nhân theo bậc/mức thuế sau khi đã khấu trừ chi phí hoạt động 5. Các đề xuất khác (vui lòng nêu rõ):

C2. Đánh giá/trải nghiệm của hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh chưa đăng ký [Chỉ hỏi các hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh CHƯA ĐĂNG KÝ, nghĩa là những người đã chọn phương án 2 hoặc 3 trong câu hỏi B1]

C2.1	Trước đây, Anh/Chị đã từng đăng ký kinh doanh cho công việc kinh doanh hiện tại chưa? [Chỉ được chọn một câu trả lời]
	1. Đã cố gắng đăng ký nhưng không thành công 2. Hiện đang trong quá trình đăng ký 3. Chưa từng đăng ký [nếu chọn phương án này, hãy hỏi lại từ C2.1] 4. Khác (Vui lòng nêu rõ)
C2.2	Tại sao Anh/Chị không đăng ký cấp giấy phép kinh doanh? [Có thể chọn nhiều câu trả lời, trừ lựa chọn 99]
	1. Không bắt buộc phải đăng ký kinh doanh theo luật 2. Không thấy lợi ích nào của việc đăng ký kinh doanh 3. Lo ngại về thủ tục đăng ký kinh doanh phức tạp 4. Lo ngại phải trả thêm thuế 5. Lo ngại về các khoản phí mới (như phí cấp giấy phép kinh doanh) 6. Lo ngại phải kê khai doanh thu và chi phí 7. Lo ngại chi phí kinh doanh tăng lên nếu phải tuân thủ các quy định áp dụng cho cá nhân/hộ gia đình đăng ký kinh doanh 8. Lo ngại phải dành nhiều thời gian hơn cho việc quản lý hành chính, tài chính và kế toán 9. Lo ngại bị các cơ quan quản lý kiểm tra (như an toàn thực phẩm và vệ sinh, phòng cháy chữa cháy, môi trường, an ninh và trật tự, v.v.) 10. Lo ngại kinh doanh không bền vững (không thường xuyên, không lâu dài) 11. Khác (Vui lòng nêu rõ) 99. Không muốn trả lời
C2.3	Anh/Chị đã từng cân nhắc việc đăng ký kinh doanh trong tương lai gần chưa?
	1. Chưa bao giờ 2. Đôi khi đã cân nhắc 3. Đã cân nhắc nhiều lần 99. Không muốn trả lời

C2.4	Các yếu tố sau đây ảnh hưởng như thế nào đến quyết định đăng ký hoạt động kinh doanh của Anh/Chị trong tương lai? [Đọc từng mục cùng với 5 lựa chọn]
	1. Khi thủ tục đăng ký kinh doanh thuận tiện 2. Miễn phí giấy phép kinh doanh trong những năm đầu 3. Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong vài năm đầu sau khi đăng ký kinh doanh 4. Khấu trừ chi phí hoạt động khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp 5. Khấu trừ thuế GTGT đầu vào 6. Thu hút lao động lành nghề/giữ chân người lao động làm việc lâu dài 7. Hỗ trợ từ các cơ quan quản lý nhà nước cho hoạt động sản xuất và kinh doanh 8. Các chương trình cung cấp vốn giá rẻ cho các hộ kinh doanh và doanh nghiệp nhỏ đã đăng ký 9. Hỗ trợ từ các cơ quan quản lý để tuân thủ các quy định 10. Tham gia thị trường chính thức và được pháp luật bảo vệ 11. Khách hàng đặt ra các điều kiện liên quan đến đăng ký kinh doanh 12. Khác (Vui lòng ghi rõ)
C2.5	Giả sử trong tương lai gần Anh/Chị sẽ đăng ký kinh doanh, Anh/Chị nghĩ những lợi ích nào sau đây do đăng ký kinh doanh mang lại? [Có thể chọn nhiều câu trả lời, ngoại trừ lựa chọn 99]
	1. Tránh rủi ro pháp lý (kinh doanh không giấy phép) 2. Dễ dàng tiếp cận vốn 3. Người mua tin tưởng hơn/Dễ dàng đàm phán/Ký hợp đồng với người mua 4. Tăng doanh thu/số lượng khách hàng 5. Dễ dàng đăng ký bán hàng trên các nền tảng thương mại điện tử chính thức 6. Tin tưởng hơn từ nhà cung cấp đầu vào/Dễ dàng đàm phán/Ký hợp đồng với nhà cung cấp 7. Dễ dàng tuyển dụng nhân công 8. Dễ dàng đăng ký bảo hiểm xã hội cho người lao động 9. Nhận được hướng dẫn từ các cơ quan quản lý về các quy định liên quan đến hoạt động sản xuất và kinh doanh (như phòng cháy chữa cháy, môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm, an toàn lao động, v.v.) 10. Nhận được sự quan tâm/hỗ trợ từ chính quyền địa phương để phát triển sản xuất và kinh doanh 11. Khác (Vui lòng nêu rõ) 99. Không muốn trả lời
C2.6	Giả sử trong tương lai gần Anh/Chị sẽ đăng ký kinh doanh, Anh/Chị sẽ chọn phương pháp nào? [Chỉ được chọn một câu trả lời]
	1. Đăng ký trực tuyến tích hợp với các nghĩa vụ khác 2. Đăng ký trực tuyến tách biệt với các nghĩa vụ khác 3. Khác (vui lòng nêu rõ): _____ 99. Không (muốn) trả lời/Chưa xem xét chi tiết này

C2.7	Giả sử trong tương lai gần Anh/Chị sẽ đăng ký hoạt động kinh doanh của mình, Anh/Chị sẽ ưu tiên những khả năng nào? [có thể chọn nhiều câu trả lời, ngoại trừ lựa chọn 99]
	1. Khả năng xuất hóa đơn tài chính (hóa đơn GTGT) 2. Khả năng tham gia vào các quy trình đấu thầu như một doanh nghiệp 3. Trách nhiệm tài chính hữu hạn (trạng thái trách nhiệm hữu hạn) 4. Khác (vui lòng nêu rõ) 99. Không (muốn) trả lời/Chưa xem xét chi tiết này
C2.8	Giả sử trong tương lai gần Anh/Chị sẽ đăng ký hoạt động kinh doanh của mình, Anh/Chị sẽ ưu tiên phương thức thanh toán thuế thu nhập cá nhân và thuế GTGT nào? [Chỉ được chọn một câu trả lời]
	1. Phương pháp kê khai (yêu cầu sổ sách kế toán, hóa đơn và chứng từ) theo quy định hiện hành 2. Phương pháp đánh giá thuế cố định theo quy định hiện hành 3. Phương pháp tính thuế theo giao dịch như cá nhân sở hữu doanh nghiệp 4. Khác (vui lòng ghi rõ): _____ 99. Không (muốn) trả lời/Chưa xem xét chi tiết này

D. Đánh giá/trải nghiệm về bảo hiểm xã hội bắt buộc

[hỏi tất cả người tham gia khảo sát]

D1	Anh/Chị có nghĩ mình là một người sử dụng lao động không?
	1. Có 2. Không 3. Tôi không chắc chắn về thuật ngữ này 99. Không muốn trả lời/Chưa xem xét chi tiết này <i>[Lưu ý: Câu hỏi này chỉ nhằm đánh giá sự hiểu biết của chủ đơn vị kinh doanh về khái niệm người sử dụng lao động]</i>
D2	Số lượng người lao động (không bao gồm thành viên gia đình) hiện đang làm việc cho doanh nghiệp gia đình của Anh/Chị trong mỗi hạng mục sau <i>[Lưu ý: Câu hỏi này nên được hỏi cho từng mục, và nếu người trả lời không muốn trả lời hoặc chưa nghĩ đến, hãy nhập 99 cho mỗi mục]</i>
	1. Số lượng người lao động có hợp đồng lao động không xác định thời hạn: _____ người 2. Số lượng người lao động có hợp đồng lao động có thời hạn từ 1 tháng trở lên: _____ người 3. Số lượng người lao động làm việc không có hợp đồng lao động nhưng nhận lương/tiền công và dưới sự quản lý, chỉ đạo và giám sát của Anh/Chị: _____ người

D3	Anh/Chị (chủ hộ kinh doanh) hiện có đang đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc cho bất kỳ người lao động nào của mình không?
	1. CÓ (-> D4a và D4b) 2. KHÔNG (-> D4c)
D4a	Anh/Chị đánh giá chi phí đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc cho người lao động của mình như thế nào?
	1. Không đáng kể 2. Trung bình 3. Đáng kể 9. Không muốn trả lời/Chưa xét đến chi tiết này
D4b	Đối với những người lao động mà hộ kinh doanh của Anh/Chị đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc cho họ, Anh/Chị cảm thấy điều nào sau đây là đúng với họ? [Có thể chọn nhiều câu trả lời, ngoại trừ lựa chọn 9, 10 và 99]
	1. Người lao động muốn làm việc cho tôi/hộ kinh doanh lâu dài 2. Người lao động cảm thấy được bảo vệ khi ốm đau 3. Người lao động cảm thấy được bảo vệ trong trường hợp thai sản [cho bản thân/vợ/anh/chị] 4. Người lao động cảm thấy được bảo vệ khi đến tuổi nghỉ hưu 5. Người lao động cảm thấy rằng khi về già họ sẽ không phải phụ thuộc vào con cái/người thân 6. Người lao động cảm thấy an tâm hơn vì người phụ thuộc của họ được bảo vệ theo chế độ tử tuất cho người sống sót 7. Người lao động cảm thấy được bảo vệ trong trường hợp tai nạn lao động hoặc bệnh nghề nghiệp 8. Người lao động cảm thấy được bảo vệ khi mất việc 9. Khác (Vui lòng nêu rõ)..... 10. Tôi không thấy bất kỳ điều nào trong số này đúng với người lao động của mình 11. Tôi không quan tâm đến cảm nhận của người lao động 99. Không muốn trả lời/Chưa xem xét chi tiết này.

D4c	[Nếu D3 = 0] Lý do nào khiến Anh/Chị không đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc cho người lao động của mình? [Có thể chọn nhiều câu trả lời, trừ lựa chọn 99] 1. Không biết quy định/chính sách này 2. Không cần thiết 3. Doanh thu thấp nên không thể đóng phí bảo hiểm xã hội bắt buộc 4. Doanh thu không ổn định nên không thể đóng phí bảo hiểm xã hội 5. Người lao động không muốn tham gia 6. Thời gian đóng phí dài 7. Chính sách bảo hiểm xã hội hiện hành mang lại ít quyền lợi cho người tham gia 8. Thủ tục tham gia phức tạp 9. Thủ tục thanh toán phức tạp 10. Địa điểm thanh toán xa nơi ở/kinh doanh 11. Phương thức thanh toán không phù hợp 12. Khác (Vui lòng nêu rõ) 99. Không muốn trả lời/Chưa xem xét chi tiết này.
D5a	[Nếu B1 = 1] Sau khi Luật Bảo hiểm Xã hội (2024) có hiệu lực kể từ ngày 1 tháng 7 năm 2025, chủ hộ kinh doanh đã đăng ký sẽ phải tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc. Anh/Chị cảm thấy điều nào sau đây là đúng với mình? [có thể chọn nhiều câu trả lời, ngoại trừ lựa chọn 8 và 99] 1. Tôi cảm thấy được bảo vệ khi tôi bị ốm và sẽ đăng ký tham gia ngay lập tức để hưởng lợi ích này 2. Tôi cảm thấy được bảo vệ trong trường hợp thai sản [cho bản thân/hoặc vợ/chồng/Anh/Chị] 3. Tôi cảm thấy được bảo vệ khi đến tuổi nghỉ hưu 4. Tôi cảm thấy rằng khi về già, tôi sẽ không phụ thuộc vào con cái/người thân 5. Tôi cảm thấy yên tâm hơn vì người phụ thuộc của tôi được bảo vệ theo chế độ tử tuất cho người sống sót 6. Tôi cảm thấy được đảm bảo về sự công bằng vì chủ hộ kinh doanh cũng là người lao động như những người lao động khác 7. Khác (Vui lòng nêu rõ) 8. Không có điều nào ở trên áp dụng cho tôi 99. Không (muốn) trả lời/Chưa xem xét chi tiết này.
D5b	[Nếu B1 = 1] Sau khi Luật Bảo hiểm Xã hội (2024) có hiệu lực kể từ ngày 1 tháng 7 năm 2025, với tư cách là chủ hộ kinh doanh đã đăng ký, Anh/Chị có sẵn sàng tham gia bảo hiểm bắt buộc không? 1. Rất không sẵn sàng [-> D5c, D5d, D5e] 2. Không sẵn sàng [-> D5c, D5d, D5e] 3. Chưa quyết định [-> Mục E] 4. Sẵn sàng [-> Mục E] 5. Rất sẵn lòng [-> Mục E] 99. Không muốn trả lời/Chưa xem xét chi tiết này. [-> Mục E]

D5c	Nếu [rất] không muốn, vui lòng nêu rõ lý do: [có thể chọn nhiều câu trả lời, trừ lựa chọn 99]
	1. Không cần thiết 2. Thu nhập/lợi nhuận thấp, nên không thể đóng phí bảo hiểm [phí bảo hiểm cao hơn thu nhập/lợi nhuận hiện tại và tương lai] 3. Thu nhập/lợi nhuận không ổn định, nên không thể đóng phí bảo hiểm định kỳ 4. Đã tiết kiệm tiền để chuẩn bị cho nghỉ hưu và các rủi ro khác 5. Đã tham gia bảo hiểm thương mại (như bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe) 6. Không có ý định kinh doanh lâu dài 7. Đã đến tuổi nghỉ hưu theo quy định, không đủ 15 năm đóng bảo hiểm xã hội (bảo hiểm hưu trí) theo quy định (Do kế hoạch kinh doanh dài hạn không chắc chắn; trên 45 tuổi; v.v.) 8. Không có kế hoạch/quá tuổi sinh con, nên không thể hưởng trợ cấp thai sản từ bảo hiểm xã hội bắt buộc 9. Khác (Vui lòng nêu rõ)..... 99. Không (muốn) trả lời/Chưa xem xét chi tiết này.
D5d	Nếu [rất] không muốn, Anh/Chị có cân nhắc tham gia nếu được trợ cấp một phần phí bảo hiểm từ ngân sách nhà nước không?
	1. Có 2. Không chắc chắn 3. Không [-> D5e]
D5d2	Nếu Anh/Chị được nhận trợ cấp phí bảo hiểm từ ngân sách nhà nước, Anh/Chị muốn nhận mức hỗ trợ nào?
	1. Bằng mức trợ cấp bảo hiểm xã hội tự nguyện 2. Bằng mức đóng trợ cấp ốm đau và thai sản 3. Ít nhất một phần ba phí bảo hiểm 4. Không cần hỗ trợ
D5e	Nếu [rất] không muốn, Anh/Chị dự định làm gì? [có thể chọn nhiều câu trả lời, ngoại trừ lựa chọn 99]
	1. Ngừng hoạt động kinh doanh hộ gia đình 2. Tiếp tục hoạt động nếu không bị phạt vì không tham gia 3. Khác (Vui lòng nêu rõ): _____ 4. (Không) muốn trả lời/Chưa xem xét chi tiết này
D5g	Sau khi Luật Bảo hiểm xã hội (2024) có hiệu lực kể từ ngày 1 tháng 7 năm 2025, chủ hộ kinh doanh đã đăng ký sẽ trở thành người tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc. Điều này có ảnh hưởng đến việc Anh/Chị cân nhắc đăng ký kinh doanh trong tương lai không? [chỉ được phép một câu trả lời]
	1. Không ảnh hưởng 2. Ảnh hưởng nhẹ 3. Ảnh hưởng vừa phải 4. Ảnh hưởng đáng kể 5. Ảnh hưởng rất đáng kể 99. Không (muốn) trả lời/Chưa xem xét chi tiết này.

E. Quan điểm về triển vọng/kế hoạch khi tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc

E1	Anh/Chị sẽ thay đổi điều kiện làm việc của người lao động như thế nào nếu tham gia bảo hiểm bắt buộc cho người lao động? [có thể chọn nhiều câu trả lời, trừ lựa chọn 99]
	1. Cải thiện điều kiện làm việc và an toàn lao động 2. Tăng cường đào tạo (phát triển kỹ năng) cho người lao động 3. Tăng cường các hỗ trợ khác cho người lao động 4. Giảm chi phí phúc lợi hiện áp dụng cho người lao động [để phân bổ kinh phí chi trả tham gia bảo hiểm cho người lao động] 5. Yêu cầu người lao động làm việc nhiều hơn để bù đắp chi phí tham gia bảo hiểm xã hội 6. Không tăng lương hoặc kéo dài thời gian hưởng lương để bù đắp chi phí tham gia bảo hiểm xã hội 7. Ký hợp đồng dài hạn với mức lương cố định để bù đắp chi phí tham gia bảo hiểm 8. Không thay đổi 9. Khác (Vui lòng nêu rõ) 99. Không muốn trả lời/Chưa xem xét chi tiết này.
E1a	Điều 23 của Luật Bảo hiểm Xã hội năm 2024 quy định trợ cấp hàng tháng cho những người đến tuổi nghỉ hưu nhưng không đủ điều kiện nhận lương hưu và chưa đến tuổi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội (tương tự như lương hưu). Trợ cấp này bao gồm các khoản thanh toán hàng tháng, bảo hiểm y tế, trợ cấp mai táng và trợ cấp tử vong. Sau khi biết về quy định này, Anh/Chị sẵn sàng tham gia như thế nào?
	1. Tôi sẽ tham gia ngay lập tức để được hưởng trợ cấp hưu trí 2. Tôi cần tìm hiểu thêm chi tiết về mức trợ cấp trước khi quyết định 3. Tôi sẽ không tham gia
E2	Theo Anh/Chị, việc tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với cả chủ hộ kinh doanh đã đăng ký và người lao động có ảnh hưởng đến quyết định chính thức hóa (đăng ký) hoạt động kinh doanh hay không? [Chỉ được chọn một câu trả lời]
	1. Đây là động lực chính thúc đẩy việc chính thức hóa hoạt động kinh doanh 2. Đây chỉ là yếu tố thứ yếu (không phải động lực chính) thúc đẩy việc chính thức hóa hoạt động kinh doanh 3. Không ảnh hưởng đến quyết định chính thức hóa (đăng ký) hoạt động kinh doanh 4. Làm giảm phần nào động lực chính thức hóa hoạt động kinh doanh 5. Loại bỏ hoàn toàn động lực chính thức hóa hoạt động kinh doanh (sẽ không chính thức hóa nếu yêu cầu tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc) 9. Không muốn trả lời/Chưa xem xét chi tiết này.

E3	Theo Anh/Chị, việc tham gia bảo hiểm xã hội cho cả chủ hộ kinh doanh và người lao động có giúp nâng cao uy tín và lòng tin của khách hàng không? [chỉ được chọn một câu trả lời]
	1. Có, vì bảo hiểm xã hội thể hiện sự cam kết với pháp luật và phúc lợi của người lao động 2. Có thể, nhưng đó không phải là yếu tố then chốt 3. Không, bảo hiểm xã hội không ảnh hưởng đến uy tín 99. Không muốn trả lời/Chưa xem xét chi tiết này.
E4.	Theo Anh/Chị, lợi ích chính của việc người sử dụng lao động tuân thủ nghĩa vụ đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động là gì? [có thể chọn nhiều câu trả lời, ngoại trừ lựa chọn 99]
	1. Tránh xung đột/tranh chấp với người lao động bằng cách đảm bảo quyền lợi của họ 2. Tránh bị phạt và đảm bảo tuân thủ pháp luật 3. Có được sự cam kết của người lao động cho công việc lâu dài 4. Giảm chi phí liên quan đến rủi ro mà người lao động phải đối mặt 5. Người lao động được bảo vệ tốt hơn trước các rủi ro 6. Khác (Vui lòng nêu rõ) 99. Không muốn trả lời/Chưa xem xét chi tiết này.

CẢM ƠN ANH/CHỊ ĐÃ THAM GIA!

► Phụ lục III. Hướng dẫn thảo luận nhóm tập trung dành cho hộ gia đình và cá nhân kinh doanh

[Mời một nhóm tham gia gồm cả chủ hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh, cả nam và nữ]

Bài tập 0: Giới thiệu

- Khởi động
- Mục đích nghiên cứu
- Sự đồng ý tham gia thảo luận của người tham gia khảo sát, và
- Thu thập thông tin về người tham gia khảo sát

Người tham gia (<i>thu thập thông tin của từng người</i>)	Tên đầy đủ
	Tuổi/Giới tính/Dân tộc/Trình độ học vấn
	Năm thành lập đơn vị kinh doanh
	Sản phẩm/dịch vụ chính
	Chức vụ
	Số điện thoại/Email để liên lạc trong tương lai
Thảo luận nhóm tập trung	Người điều phối
	Ghi chú
	Thời gian và ngày tháng
	Địa điểm

Bài tập 1 (Nội dung nghiên cứu 1): Phân tích lợi ích và chi phí của (1) đăng ký kinh doanh và (2) tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc.

Bước 1: Người tham gia được yêu cầu suy nghĩ về lợi ích của việc đăng ký kinh doanh, sau đó liệt kê các ý kiến của người tham gia vào cột (sử dụng giấy A0).

Bước 2: Nếu Anh/Chị không đăng ký kinh doanh hoặc không tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc (ít nhất là cho người lao động của Anh/Chị nếu Anh/Chị là hộ kinh doanh có sử dụng lao động) thì có rủi ro gì không? Liệt kê các ý kiến của người tham gia vào cột thứ ba.

	Lợi ích nếu có tham gia	Bất kỳ rủi ro nào nếu không tham gia
(1) Đăng ký kinh doanh		
(2) Tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc		

Bước 3: Đề nghị một hoặc hai người tham gia đã đăng ký doanh nghiệp chia sẻ câu chuyện thực tế của họ (kinh nghiệm thực tế) về những lợi ích họ được hưởng và chi phí họ đã bỏ ra (lưu ý cho người điều phối: cố gắng thu thập các tình huống thực tế để sử dụng làm ví dụ minh họa trong báo cáo).

Bài tập 2: Những rào cản/động lực đối với cá nhân kinh doanh trong việc đăng ký kinh doanh:

Bước 1: Đề nghị nhóm cho biết suy nghĩ của họ về những rào cản/động lực đối với cá nhân kinh doanh trong việc đăng ký kinh doanh và không đăng ký. [Lưu ý cho người điều phối: cố gắng tìm hiểu sâu hơn về phí thành viên/đăng ký (cao?), chi phí không tuân thủ (thấp?), niềm tin (thấp?) vào các dịch vụ được kỳ vọng, (thiếu?) thông tin, phương pháp nộp hoặc tần suất thanh toán (không phù hợp), tính phù hợp của gói lợi ích tổng thể (quá nhiều và đắt đỏ?), về cách trợ cấp của chính phủ có thể là động lực khuyến khích]

	Đăng ký	Không đăng ký
Rào cản		
Động lực		

Bước 2: Hỏi các cá nhân kinh doanh/hộ kinh doanh chưa đăng ký lý do vì sao họ chưa đăng ký? Nỗi “sợ hãi”, “lo ngại” của họ là gì, điều gì thúc đẩy họ đăng ký? (Lưu ý cho người điều phối: cố gắng tìm hiểu xem việc tham gia bắt buộc có phải là một trong những động lực hay ngược lại).

► Phụ lục IV. Hướng dẫn phỏng vấn hộ gia đình và cá nhân kinh doanh

A. Thông tin chung

Thông tin người được phỏng vấn	Họ và tên
	Tuổi/Giới tính/Dân tộc/Trình độ học vấn
	Năm thành lập doanh nghiệp/Đã đăng ký hay chưa
	Sản phẩm/dịch vụ chính
	Số lượng người lao động
	Chức vụ
	Số điện thoại/Email để liên hệ trong tương lai
Phỏng vấn	Người điều phối:
	Ghi chú:
	Thời gian và ngày tháng:
	Địa điểm:

B. Câu hỏi phỏng vấn cụ thể

Lưu ý rằng trọng tâm của cuộc phỏng vấn là đánh giá:

- Tình hình hiện tại, sự sẵn sàng và những rào cản đối với các cá nhân kinh doanh trong việc đăng ký kinh doanh [Nội dung nghiên cứu 3] và
- Trọng tâm chính của cuộc phỏng vấn là đánh giá tình hình hiện tại, sự sẵn sàng và những rào cản đối với chủ hộ kinh doanh đã đăng ký và người lao động khi tham gia bảo hiểm xã hội.

Câu hỏi 0: Giới thiệu và tìm hiểu bản chất của hoạt động kinh doanh/Anh/Chị tự phân loại hoạt động kinh doanh của mình là “cá nhân kinh doanh” [tự làm và cá nhân là chủ hộ kinh doanh] hay “hộ kinh doanh” [đã đăng ký]?

Câu hỏi 1: Hiểu biết của Anh/Chị về luật đăng ký kinh doanh

(a) [Nếu đã đăng ký] Anh/Chị có thể chia sẻ hiểu biết của mình/mô tả về các quy định hiện hành về đăng ký kinh doanh (thứ tự, thủ tục, cơ quan)? Đánh giá của Anh/Chị về việc thực hiện đăng ký kinh doanh hiện nay tại địa phương (dễ, khó) [Anh/Chị tự làm hay Anh/Chị thuê/nhờ người khác làm hộ?]

(b) [Nếu CHƯA đăng ký] Anh/Chị có thể chia sẻ hiểu biết của mình /mô tả về các quy định hiện hành về đăng ký kinh doanh (thứ tự, thủ tục, cơ quan)? Anh/Chị đã từng thử đăng ký hoạt động kinh doanh của mình chưa? Đánh giá của Anh/Chị về việc thực hiện đăng ký kinh doanh hiện nay tại địa phương (dễ, khó) [Anh/Chị sẽ tự làm hay sẽ thuê/nhờ người khác làm hộ?]

Câu hỏi 2: Suy nghĩ của Anh/Chị về rủi ro và lợi ích của việc đăng ký

(a) [Nếu đã đăng ký] Rủi ro và lợi ích của việc đăng ký là gì? Rủi ro và lợi ích của việc chưa đăng ký là gì? Động cơ, lý do tài chính của Anh/Chị liên quan đến việc đăng ký là gì? Lý do phi tài chính (thời gian, thủ tục, chế độ kế toán, công tác báo cáo, nộp thuế) của Anh/Chị liên quan đến việc đăng ký là gì?

(b) [Nếu CHƯA đăng ký] Rủi ro và lợi ích của việc chưa đăng ký là gì? Động cơ, lý do tài chính của Anh/Chị liên quan đến việc chưa đăng ký là gì? Lý do phi tài chính (thời gian, thủ tục, chế độ kế toán, báo cáo, nộp thuế) của Anh/Chị liên quan đến việc chưa đăng ký là gì? [người phỏng vấn có thể gợi ý các lý do cụ thể nếu người được phỏng vấn không trả lời được]

Câu hỏi 3: Trước và sau khi đăng ký

(a) [Nếu là hộ kinh doanh đã đăng ký]:

(a1) Hãy chia sẻ câu chuyện của Anh/Chị liên quan đến kết quả sản xuất và kinh doanh trước và sau khi đăng ký (đối với hộ kinh doanh đã đăng ký)

(a2) Sau khi đăng ký, Anh/Chị đã nhận được những lợi ích gì? Hãy giải thích/lý do cho câu trả lời của Anh/Chị.

(b) [Nếu CHƯA đăng ký]

(b1) Nếu Anh/Chị sẽ đăng ký trong tương lai gần, Anh/Chị dự đoán những lợi ích có thể mang lại là gì? Hãy giải thích/lý do cho câu trả lời của Anh/Chị.

(b2) Nếu Anh/Chị sẽ đăng ký trong tương lai gần, Anh/Chị dự đoán có thể phát sinh những chi phí/thách thức nào? Hãy giải thích/lý do cho câu trả lời của Anh/Chị.

(b3) Những yếu tố nào có thể khuyến khích Anh/Chị đăng ký hoạt động kinh doanh của mình? Hãy giải thích/lý do cho câu trả lời của Anh/Chị.

(b4) Theo Anh/Chị, việc tham gia vào bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với chủ đơn vị kinh doanh và người lao động đã đăng ký có ảnh hưởng đến quyết định chính thức hóa (đăng ký) hoạt động kinh doanh hay không?

Câu hỏi 4: Tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc cho người lao động trong hộ kinh doanh [chỉ hỏi các hộ kinh doanh đã đăng ký]

(a) [Nếu ĐÃ tham gia cho người lao động của họ] thì lợi ích và chi phí là gì? [người phỏng vấn có thể gợi ý các lý do cụ thể nếu người được phỏng vấn không trả lời được]

(b) [Nếu CHƯA tham gia cho người lao động của họ] thì tại sao? [người phỏng vấn có thể gợi ý các lý do cụ thể nếu người được phỏng vấn không trả lời được]

Câu hỏi 5: Sự sẵn sàng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc của chủ hộ kinh doanh

(5a) Anh/Chị có sẵn sàng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc với tư cách là chủ hộ kinh doanh [chỉ hỏi các hộ gia đình có đăng ký kinh doanh] không? Tại sao? Nếu KHÔNG thì lý do có thể là gì? [người phỏng vấn có thể gợi ý các lý do cụ thể nếu người được phỏng vấn không trả lời được]

(5b) Sau khi Luật Bảo hiểm xã hội (2024) có hiệu lực kể từ ngày 1 tháng 7 năm 2025, chủ doanh nghiệp có đăng ký kinh doanh sẽ trở thành người tham gia bắt buộc. Anh/Chị nghĩ những lợi ích có thể mang lại là gì? [người phỏng vấn có thể gợi ý các lý do cụ thể nếu người được phỏng vấn không trả lời được]

(5c) Cần hỗ trợ gì để Anh/Chị sẵn lòng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc cho cả người lao động và chủ sở hữu?

► Phụ lục V. Hướng dẫn phỏng vấn (nhóm tập trung) với cán bộ

A. Thông tin chung

Người cung cấp thông tin	Họ và tên
	Giới tính
	Cơ quan
	Chức vụ
Phỏng vấn	Số năm làm việc tại vị trí hiện tại
	Thực hiện bởi
	Thời gian và ngày tháng
	Địa điểm

B. Câu hỏi cụ thể

[chủ yếu về Nội dung Nghiên cứu 3]

Câu hỏi 0: Thu thập dữ liệu thống kê (tài liệu/báo cáo) về các hộ kinh doanh đã đăng ký và ước tính số lượng

Câu hỏi 1: Đánh giá tổng quan của Anh/Chị về việc thực hiện đăng ký kinh doanh hiện nay tại địa phương? [Và xu hướng đăng ký kinh doanh trong vài năm qua, tăng hay giảm, chuyển đổi hình thức kinh doanh (thành doanh nghiệp, hoặc ngừng đăng ký, bất kỳ lý do nào dẫn đến những xu hướng này)]. Có chính sách cụ thể nào của tỉnh về việc thúc đẩy và phát triển hộ kinh doanh / cá nhân kinh doanh hay không? Những thực tiễn tốt hoặc khó khăn trong việc thực hiện các chính sách này mà Anh/Chị có thể nêu ra?

Câu hỏi 2: Quan điểm của Anh/Chị về việc xác định sự giống và khác nhau giữa:

- Hộ kinh doanh đã đăng ký
- Cá nhân kinh doanh bao gồm (1) lao động tự làm và (2) hộ kinh doanh chưa đăng ký chỉ có một thành viên [hay còn gọi là hộ kinh doanh do cá nhân sở hữu]

Liệu có nên có một hình thức quản lý đăng ký mới cho “cá nhân kinh doanh” nêu trên không? Tại sao? Có khả thi không khi yêu cầu cá nhân kinh doanh chính thức hóa/hợp thức hóa hoạt động kinh doanh của họ? Yêu cầu pháp lý này có nên áp dụng cho tất cả các loại hình cá nhân kinh doanh không?

Câu hỏi 3: Đối với các hộ kinh doanh đã đăng ký, động cơ, lý do tài chính (và phi tài chính) của họ là gì? Tại địa phương của Anh/Chị, khi các hộ kinh doanh đăng ký, những hỗ trợ mà địa phương của Anh/Chị đã cung cấp cho họ là gì? Họ đánh giá những hỗ trợ này như thế nào?

Câu hỏi 4: Từ góc độ của cơ quan đăng ký kinh doanh địa phương, Anh/Chị có thể chia sẻ suy nghĩ/đánh giá của mình về những vấn đề sau đây:

- Động cơ, lý do tài chính [của cá nhân kinh doanh/hộ kinh doanh] liên quan đến việc đăng ký/không đăng ký.
- Động cơ, lý do phi tài chính như thời gian, thủ tục, chế độ kế toán, công tác báo cáo, nộp thuế [đối với cá nhân kinh doanh/ hộ kinh doanh] liên quan đến việc đăng ký/không đăng ký.

- Sự sẵn sàng trong việc đăng ký kinh doanh (cung cấp các hình thức đăng ký khác nhau và xem xét các lựa chọn dành cho hộ kinh doanh)
- Kết quả sản xuất và kinh doanh trước và sau khi đăng ký (đối với hộ kinh doanh đã đăng ký)

Câu hỏi 5: Đánh giá của Anh/Chị về những khó khăn và lợi thế trong việc thực hiện các chính sách và quy định:

- Về đăng ký kinh doanh
- Quản lý hoạt động của các hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh chưa đăng ký

Câu hỏi 6: Liệu địa phương của Anh/Chị có nên khuyến khích các hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh chưa đăng ký đăng ký hay không? Nếu có, những biện pháp nào (khả thi ở địa phương của Anh/Chị) có thể được áp dụng để khuyến khích họ đăng ký? [Câu hỏi thăm dò: Anh/Chị có nghĩ rằng cơ hội tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc là yếu tố thúc đẩy tác động đến ý định/hành động đăng ký kinh doanh của họ không?]

Câu hỏi 7: (nội dung nghiên cứu 5): Những tác động nào có thể xảy ra nếu các cá nhân kinh doanh được quy định phải đăng ký kinh doanh chính thức ở nhiều khía cạnh: kinh tế, xã hội, giới, thủ tục hành chính và hệ thống pháp luật?

Câu hỏi 8 (nội dung nghiên cứu 5): Anh/Chị có đề xuất nào về:

- Các sửa đổi và bổ sung có thể thực hiện đối với các quy định hiện hành liên quan đến đăng ký kinh doanh áp dụng cho các cá nhân kinh doanh (có thể bao gồm cả các hộ kinh doanh chưa đăng ký)?
- Chính sách/Biện pháp để mở rộng diện bao phủ hiệu quả của bảo hiểm xã hội bắt buộc cho chủ hộ kinh doanh và người lao động.

Sự hỗ trợ của Tỉnh/Thành phố về mức đóng góp bảo hiểm xã hội bắt buộc áp dụng cho các hộ kinh doanh/"để đăng ký" cá nhân kinh doanh nhằm khuyến khích họ tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc hoặc đăng ký kinh doanh chính thức.

Văn phòng An sinh Xã hội của các Tỉnh/Thành phố

A. Thông tin chung

Người cung cấp thông tin	Họ và tên
	Giới tính
	Cơ quan
	Chức vụ
	Số năm làm việc tại vị trí hiện tại
Phỏng vấn	Thực hiện bởi
	Thời gian và ngày tháng
	Địa điểm

B. Câu hỏi phỏng vấn cụ thể

Câu hỏi 0: (Người phỏng vấn) thu thập bất kỳ tài liệu và báo cáo nào hiện có về việc đăng ký kinh doanh của các hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh mà tỉnh/thành phố đã xây dựng.

Câu hỏi 2: Từ góc độ Cơ quan Bảo hiểm Xã hội tại địa phương, có thể nhận thấy những điểm tương đồng và khác biệt nào giữa các hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh? Có định hướng nào khuyến khích cá nhân kinh doanh đăng ký là hộ kinh doanh để mở rộng diện bao phủ bảo hiểm xã hội bắt buộc tại tỉnh/thành phố của Anh/Chị không? Những biện pháp nào sẽ được thực hiện trong tương lai gần? (hoặc đã được thực hiện gần đây)?

Câu hỏi 3: Từ góc độ Cơ quan Bảo hiểm Xã hội các tỉnh/thành phố, đánh giá của Anh/Chị về các nội dung sau:

- Hiệu quả của các quy định pháp luật hiện hành về việc tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc của chủ hộ kinh doanh, người lao động và cá nhân kinh doanh (thứ tự, thủ tục, quyền lợi và nghĩa vụ);
- Lợi ích/chi phí từ góc độ pháp lý đối với chủ hộ kinh doanh [như chế độ kế toán, đấu thầu cung cấp dịch vụ, tranh chấp và giải quyết tranh chấp] và người lao động khi tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc
- Lợi ích/chi phí từ góc độ pháp lý [như chế độ kế toán, đấu thầu cung cấp dịch vụ, tranh chấp và giải quyết tranh chấp] đối với cá nhân kinh doanh khi đăng ký và tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc
- Rủi ro pháp lý đối với chủ doanh nghiệp chủ hộ kinh doanh, người lao động và cá nhân kinh doanh khi không đăng ký cũng như không tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc

Câu hỏi 4: Từ góc độ Cơ quan Bảo hiểm Xã hội các tỉnh/thành phố, Anh/Chị đã rút ra bài học kinh nghiệm gì trong bối cảnh cụ thể của tỉnh/thành phố của bạn trong việc mở rộng diện bao phủ bảo hiểm xã hội bắt buộc?

Câu hỏi 5: Từ góc độ Cơ quan Bảo hiểm Xã hội các tỉnh/thành phố, Anh/Chị có thể đánh giá tính khả thi của việc đóng bảo hiểm xã hội như các phương thức thanh toán, mức độ như quy định trong Luật số 41/2024/QH15?

Câu hỏi 6: Tham gia bảo hiểm xã hội đối với chủ hộ kinh doanh có thể mang lại tác động gì trên các khía cạnh: kinh tế, xã hội, giới, thủ tục hành chính và hệ thống pháp luật?

Câu hỏi 7: Anh/Chị có đề xuất gì về:

- Các sửa đổi và bổ sung có thể thực hiện đối với các quy định hiện hành liên quan đến đăng ký kinh doanh áp dụng cho các cá nhân kinh doanh (có thể bao gồm cả các hộ kinh doanh chưa đăng ký)?
- Chính sách/Biện pháp để mở rộng diện bao phủ hiệu quả của bảo hiểm xã hội bắt buộc cho chủ hộ kinh doanh và người lao động.
- Sự hỗ trợ của Tỉnh/Thành phố về mức đóng góp bảo hiểm xã hội bắt buộc áp dụng cho các hộ kinh doanh/"để đăng ký" cá nhân kinh doanh nhằm khuyến khích họ tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc hoặc đăng ký kinh doanh chính thức.

► Phụ lục VI. Hướng dẫn phỏng vấn (nhóm tập trung) với các chuyên gia

A. Thông tin chung

Người cung cấp thông tin	Họ và tên
	Giới tính
	Cơ quan
	Chức vụ
	Số năm làm việc tại vị trí hiện tại
Phỏng vấn	Thực hiện bởi
	Thời gian và ngày tháng
	Địa điểm

B. Câu hỏi phỏng vấn cụ thể

[Lưu ý rằng phỏng vấn này nên được thực hiện theo hình thức bán cấu trúc, người phỏng vấn có thể bổ sung thêm câu hỏi tùy thuộc vào kinh nghiệm và chuyên môn của người được phỏng vấn]

Câu hỏi 1: Từ những nghiên cứu hiện tại của Anh/Chị, những điểm nổi bật nào cần lưu ý về:

- Việc thực hiện các chủ trương, hướng dẫn của Đảng và Chính phủ về chính thức hóa khu vực kinh tế phi chính thức tại Việt Nam cho đến nay
- Tính hiệu quả/việc thực thi những chủ trương của Đảng (Nghị quyết số 28) về việc tham gia bảo hiểm xã hội của chủ hộ kinh doanh, người lao động và cá nhân kinh doanh
- Việc xác định những điểm tương đồng và khác biệt giữa hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh trong các văn bản pháp luật hiện hành

Câu hỏi 2: Những nhu cầu của công tác quản lý nhà nước về đăng ký kinh doanh đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh cũng như những quyền lợi mà nhà nước được hưởng trong việc áp dụng các chính sách bảo hiểm xã hội đối với chủ hộ kinh doanh và người lao động là gì?

Câu hỏi 3: Từ những nghiên cứu hiện tại của mình, Anh/Chị thấy những điểm nổi bật nào về quan điểm quốc tế trong quản lý hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh, cùng những bài học kinh nghiệm cho Việt Nam? Những thách thức và giải pháp trong việc thực hiện chính sách đăng ký kinh doanh cho cá nhân kinh doanh ở một số quốc gia có thể liên quan đến Việt Nam là gì? [làm rõ về đăng ký kinh doanh và bảo hiểm xã hội bắt buộc]

Câu hỏi 4: Chi phí và lợi ích của việc đăng ký kinh doanh và bảo hiểm xã hội bắt buộc/Đánh giá của Anh/Chị về mức độ sẵn sàng/thách thức và rào cản:

(4a) Chi phí có thể phát sinh và lợi ích mà việc đăng ký kinh doanh có thể mang lại cho cá nhân kinh doanh là gì? Điều gì có thể đóng vai trò động lực thúc đẩy đối với họ?

(4b) Chi phí có thể phát sinh và lợi ích mà việc tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc có thể mang lại đối với chủ hộ kinh doanh và người lao động là gì? Điều gì có thể đóng vai trò động lực thúc đẩy đối với họ?

Câu hỏi 5: Tham gia bảo hiểm xã hội đối với chủ hộ kinh doanh có thể mang lại tác động gì trên các khía cạnh: kinh tế, xã hội, giới, thủ tục hành chính và hệ thống pháp luật? [Câu hỏi thăm dò: Có những tác động dự báo cụ thể nào liên quan đến chi phí thực hiện các thủ tục hành chính để đăng ký và đóng bảo hiểm xã hội áp dụng cho chủ hộ kinh doanh và người lao động, cũng như những lợi ích có thể mang lại là gì?]

Câu hỏi 6: Anh/Chị có đề xuất gì về:

- Các sửa đổi và bổ sung có thể thực hiện đối với các quy định hiện hành liên quan đến đăng ký kinh doanh áp dụng cho các cá nhân kinh doanh (có thể bao gồm cả các hộ kinh doanh chưa đăng ký)?
- Chính sách/Biện pháp để mở rộng diện bao phủ hiệu quả của bảo hiểm xã hội bắt buộc cho chủ hộ kinh doanh và người lao động.
- Sự hỗ trợ của Tỉnh/Thành phố về mức đóng góp bảo hiểm xã hội bắt buộc áp dụng cho các hộ kinh doanh/“để đăng ký” cá nhân kinh doanh nhằm khuyến khích họ tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc hoặc đăng ký kinh doanh chính thức.

Văn phòng Tổ chức Lao động Quốc tế tại Việt Nam

📍 Tòa nhà Xanh Một Liên Hợp Quốc
304 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội

✉️ hanoi@ilo.org

☎️ +84 24 38 500 100

🌐 ilo.org

📘 facebook.com/Vietnam.ILO

📷 instagram.com/ilo.vietnam